

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH KIỂM TOÁN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, Tháng 2/2025

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH KIỂM TOÁN**

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đinh Văn Châu	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Lê Cường	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Nguyễn Tổ Tâm	Trưởng khoa, Khoa KT-TC	Phó Chủ tịch TT	
4	Doãn Thanh Bình	Trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Thư ký	
5	Nguyễn Thị Kiều Trang	Giảng viên, Khoa KT-TC	Ủy viên	
6	Nguyễn Đức Quang	Giảng viên, Khoa KT-TC	Ủy viên	
7	Ngô Thị Thúy Ngân	Giảng viên, Khoa KT-TC	Ủy viên	
8	Bùi Nhất Giang	Giảng viên, Khoa KT-TC	Ủy viên	

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
9	Nguyễn Ngọc Trung	Trưởng phòng, Phòng TC-HC	Ủy viên	
10	Trịnh Văn Toàn	Trưởng phòng, Phòng QL Đào tạo	Ủy viên	
11	Phùng Thị Xuân Bình	Trưởng phòng, Phòng CTSV	Ủy viên	
12	Chu Việt Thức	Phó trưởng phòng, Phòng QLKH&HTQT	Ủy viên	
13	Cao Xuân Thắng	Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng QT-DV	Ủy viên	
14	Nguyễn Đăng Bộ	Phó trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Ủy viên	
15	Lê Văn Nhất	Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng KH-TC	Ủy viên	
16	Đỗ Hữu Chế	Giám đốc, TT TT&QHĐN	Ủy viên	
17	Hoàng Thu Hồng	Phó Giám đốc phụ trách, Thư viện	Ủy viên	
18	Nguyễn Vân Anh	Bí thư ĐTN	Ủy viên	

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
19	Nguyễn Đình Nam	Sinh viên lớp D17Kiemtoan2	Ủy viên - Đại diện Sinh viên	

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	7
DANH MỤC BẢNG	8
PHẦN I: KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	Error! Bookmark not defined.
2. Tổng quan chung	Error! Bookmark not defined.
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	7
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7
<i>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.</i>	7
<i>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.</i>	10
<i>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.</i>	15
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	17
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	17
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	18
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	20
<i>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.</i>	22
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	24
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	25
<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra</i>	26
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.</i>	32
<i>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.</i>	35
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	42
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	42
<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.</i>	43
<i>Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra</i>	45
<i>Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.</i>	48
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	50
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	50
<i>Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.</i>	51
<i>Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học</i>	53
<i>Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.</i>	55
<i>Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.</i>	58
<i>Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập</i>	60

Kết luận về tiêu chuẩn 5	63
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	63
<i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	64
<i>Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	68
<i>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	75
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá.</i>	77
<i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	81
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	84
<i>Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	87
Kết luận Tiêu chuẩn 6	91
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	92
<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>	92
<i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	97
<i>Tiêu chí 7.3. Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá.</i>	98
<i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	100
<i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	101
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	103
Tiêu chuẩn 8: Người học và hỗ trợ người học	103
<i>Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật.</i>	104
<i>Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....</i>	107
<i>Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....</i>	108
<i>Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.</i>	111
<i>Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học</i>	115
Kết luận về tiêu chuẩn 8	118
Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	119
<i>Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	119
<i>Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào</i>	

<i>tạo và nghiên cứu.</i>	122
<i>Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	125
<i>Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	127
<i>Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.</i>	130
Kết luận tiêu chuẩn 9	133
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	133
<i>Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học</i>	133
<i>Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.</i>	136
<i>Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.</i>	138
<i>Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học</i>	141
<i>Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến</i>	142
<i>Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến</i>	151
Kết luận Tiêu chuẩn 10	153
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	154
<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thời học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	154
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	157
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	159
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	161
<i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	163
Kết luận Tiêu chuẩn 11	165
PHẦN III. KẾT LUẬN	166
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những cần phát huy của chương trình đào tạo	170
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến của chương trình đào tạo	177
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chương trình đào tạo của ngành Kiểm toán	180
4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo của ngành Kiểm toán	197
PHẦN IV. PHỤ LỤC	202
PHỤ LỤC 01	Error! Bookmark not defined.
PHỤ LỤC 02	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCTĐG	: Báo cáo tự đánh giá
CDR	: Chuẩn đầu ra
CLB	: Câu lạc bộ
CNTT	: Công nghệ thông tin
CS1, CS2	: Cơ sở 1, Cơ sở 2
CSVC	: Cơ sở vật chất
CTĐT	: Chương trình đào tạo
CTSV	: Công tác sinh viên
CVHT	: Cố vấn học tập
ĐHDL	: Đại học Điện lực
QLĐT	: Quản lý Đào tạo
ĐTN	: Đoàn Thanh niên
GD&ĐT	: Giáo dục và Đào tạo
GV	: Giảng viên
HTQT	: Hợp tác quốc tế
KHCN	: Khoa học công nghệ
KT-TC	: Kế toán – Tài chính
KTX	: Ký túc xá
MC	: Minh chứng
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
NCS	: Nghiên cứu sinh
PGS	: Phó giáo sư
QLKH	: Quản lý khoa học
QLTC	: Quản lý tài chính
QTKD	: Quản trị Kinh doanh
SV	: Sinh viên
ThS	: Thạc sĩ
TS	: Tiến sĩ

DANH MỤC BẢNG & HÌNH

- Bảng 1: Bảng thống kê chi tiết CDR tương ứng với mục tiêu đào tạo cụ thể ngành Kiểm toán**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 2: Bảng thống kê chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kiểm toán**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 3: Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra với thiết kế của các khối kiến thức ngành Kiểm toán**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 4: Cấu trúc khối kiến thức trong chương trình đào tạo ngành Kiểm toán năm 2023**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 5: Bảng so sánh cấu tạo chương trình đào tạo 2019-2023**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 6: Bảng so sánh khung chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán của ĐHDL với một số Trường Đại học ở Việt Nam**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 7: Biểu thống kê phương pháp kiểm tra, đánh giá cập nhật từ năm học 2023-2024**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 8: Số lượng GV của Khoa được tuyển mới, được cử đi đào tạo, nâng cao trình độ trong giai đoạn 2019-2024.....**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 9: Bảng thống kê GV thuộc ngành Kiểm toán.....**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 10: Khung định mức chuẩn giảng dạy các nhiệm vụ của giảng viên **Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 11: Hệ số quy đổi giữa các bậc đào tạo.....**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 12: Bảng quy đổi hệ số theo sĩ số cho tiết lý thuyết**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 13: Bảng thống kê giảng viên và FTE giảng viên ngành Kiểm toán **Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 14: Bảng tỷ lệ giảng viên/ người học ngành Kiểm toán**Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 15: Thống kê giờ giảng và giờ NCKH của giảng viên khoa KT-TC **Error! Bookmark not defined.**
- Bảng 16: Tỷ lệ giảng viên của Khoa và bộ môn TCKT đạt bằng, chứng chỉ **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 17: Thống kê hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV của Khoa trong giai đoạn 2018 - 2022.....**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 18: Số lượng giảng viên của ngành Kế toán và Kiểm toán**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 19:Bảng so sánh khối lượng nghiên cứu khoa học qua trong 4 năm của Khoa KT&QL**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 20: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây (2019-2024) **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 21: Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Khoa thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong giai đoạn 2019 - 2024.....**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 22: Số lượng cán bộ cơ hữu thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2019 – 2024**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 23: Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2019 – 2024**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 24: Công tác cố vấn học tập các lớp thuộc ngành KIỂM TOÁN năm 2020-2022**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 25: Thống kê tuyển sinh trong 5 năm 2019-2024(hệ chính quy)..... **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 26: Kết quả rèn luyện của sinh viên ngành Kiểm toán giai đoạn 2018-2022**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 27: Bảng thống kê số lượng sinh viên nhận học bổng ngành Kiểm toán năm 2019-2024**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 28: Bảng số lượng sinh viên miễn giảm học phí ngành Kiểm toán năm 2018-2024**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 29: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Nhà trường**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 30: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Khoa KT-TC**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 31: Bảng thống kê danh mục Thư viện.....**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 32: Thống kê về trang thiết bị sử dụng phòng máy của SV của Trường ĐHDL**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 33: Kết quả KSSV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT kỳ 1 - 2021/2022	Error! Bookmark not defined.
Bảng 34: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2019/2020.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 35: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2019/2020.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 36: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2020/2021	Error! Bookmark not defined.
Bảng 37: Đối sánh tỷ lệ thôi học ngành Kiểm toán và ngành khác trong trường .	Error! Bookmark not defined.
Bảng 38: Đối sánh tỷ lệ thời gian tốt nghiệp học ngành Kiểm toán và ngành khác trong trường	Error! Bookmark not defined.
Bảng 39: Bảng thống kê số liệu sinh viên tốt nghiệp ngành Kiểm toán giai đoạn từ năm 2020-2024.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 40: Bảng thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành Kế toán và ngành Kiểm toán giai đoạn 2020-2024.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 41: Bảng thống kê số đề tài sinh viên ngành Kế toán và ngành Kiểm toán giai đoạn 2020-2024 và đối sánh.....	Error! Bookmark not defined.
Hình 1: Cơ cấu tổ chức hành chính trường Đại học Điện lực (www.epu.edu.vn).....	205
Hình 2: Cơ cấu tổ chức Khoa KT-TC	206

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của ngành đào tạo. Trong xu thế hội nhập và trước những đòi hỏi về việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng chương trình đào tạo càng trở nên bức thiết. Trong nhiều năm qua, Khoa Kế toán – Tài chính (KT-TC) (trước đây là Khoa Kinh tế & Quản lý (KT&QL)), Trường Đại học Điện lực (ĐHDL) thường xuyên quan tâm đến chất lượng chương trình đào tạo, đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

CTĐT đại học chính quy ngành Kiểm toán của Trường Đại học Điện lực đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tốt các yêu cầu của các doanh nghiệp trên thị trường lao động. Chính vì vậy, để đáp ứng tốt hơn nữa những yêu cầu của các doanh nghiệp thì việc tự đánh giá chất lượng CTĐT của ngành Kiểm toán là việc rất cần thiết để biết được chất lượng hiện trạng của chương trình đào tạo từ đó đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

Tự đánh giá trước hết thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, là một phần của quy trình đánh giá và kiểm định chất lượng, góp phần xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường cũng như các khoa. Trong quá trình triển khai công việc này, Trường ĐHDL, Khoa KT-TC căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng chương trình đào tạo ngành Kiểm toán, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến chương trình đào tạo nhằm đạt được các mục tiêu chương trình đào tạo.

Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Về cấu trúc, BCTĐG gồm 4 phần:

Phần 1 – Khái quát: Giới thiệu tổng quan về Trường Đại học Điện lực với sứ mạng, tầm nhìn, cơ cấu tổ chức, quy mô đào tạo nghiên cứu khoa học trong những năm gần đây và quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường. Tiếp đó là giới thiệu về Khoa Kế toán – Tài chính là đơn vị thực hiện CTĐT.

Phần 2 – Nội dung tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí của CTĐT của ngành

Kiểm toán: Mô tả và phân tích, đánh giá các hoạt động của CTĐT Kiểm toán theo các yêu cầu của từng tiêu chuẩn, trong mỗi tiêu chuẩn lần lượt xem xét theo từng tiêu chí để thấy được mức độ đáp ứng của CTĐT so với bộ tiêu chuẩn đề ra. Trong mỗi tiêu chí đều được mô tả cụ thể về tiêu chí, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động khắc phục tồn tại và đánh giá điểm đạt của của từng tiêu chí.

Phần 3 – Kết luận: Báo cáo tổng hợp các điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, đồng thời chỉ ra những tồn tại của CTĐT và đưa ra các kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng CTĐT trong tương lai.

Phần 4 – Phụ lục: Các số liệu minh hoạ cho thực trạng các tiêu chuẩn, tiêu chí.

Bản BCTĐG được thực hiện căn cứ theo những văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về công tác đánh giá chất lượng đào tạo trình độ đại học, cụ thể như sau:

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

- Thông tư số 04/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục hướng dẫn chung về sử dụng Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng hướng dẫn về điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/ QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Thông tư 04/TT-BGD&ĐT, BCTĐG của CTĐT trình độ đại học của ngành Kiểm toán được viết theo 11 tiêu chuẩn, gồm 50 tiêu chí đánh giá. Kèm theo nội dung BCTĐG là các minh chứng diễn giải cụ thể cho hoạt động mà Ngành Kiểm toán đã thực hiện.

Cụ thể nội dung tự đánh giá gồm 11 tiêu chuẩn như sau: Tiêu chuẩn 1- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; Tiêu chuẩn 2- Bản mô tả CTĐT; Tiêu chuẩn 3-Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Tiêu chuẩn 4- Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Tiêu chuẩn 5- Đánh giá kết quả học tập của người học; Tiêu chuẩn 6 -Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; Tiêu chuẩn 7- Đội ngũ nhân viên; Tiêu chuẩn 8- Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Tiêu chuẩn 9 - Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Tiêu chuẩn 10 - Nâng cao chất lượng; Tiêu chuẩn 11- Kết quả đầu ra. Nội dung chi tiết của 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí được đề cập trong phần II của bản báo cáo.

Các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá được mã hóa theo quy định của Thông tư 04/TT-BGD&ĐT và Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD. Việc mã hóa thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi 11 ký tự. Các minh chứng được sắp xếp theo từng tiêu chí và được mã hóa theo quy tắc như sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

H: Viết tắt của hộp MC ngành Kiểm toán.

n: Số thứ tự của hộp MC

ab: Số thứ tự của tiêu chuẩn

cd: Số thứ tự của tiêu chí

ef: Số thứ tự của MC

Ví dụ: **[H1.01.01.01]** là MC thứ nhất của Tiêu chí 1 thuộc Tiêu chuẩn 1 và được đặt ở Hộp 1.

Các minh chứng này được tập hợp trong Danh mục minh chứng được gửi kèm theo BCTĐG. Nội dung cụ thể từng minh chứng được đặt trong hộp lưu trữ của Ngành đào tạo. Các minh chứng được cung cấp, sử dụng có độ tin cậy cao và liên tục được cập nhật. Các minh chứng sẽ được đặt đúng vị trí hộp như đã mã hóa để bổ sung cho tính toàn diện của hoạt động tự đánh giá.

Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của cơ sở giáo dục, giúp cơ sở giáo dục, đơn vị thực hiện CTĐT tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn. Đây là điều kiện cần thiết để cơ sở giáo dục đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị

công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Cụ thể, tự đánh giá là việc tập hợp một cách có hệ thống CTĐT đang có của ngành Kiểm toán, từ đó có những báo cáo về chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các vấn đề liên quan tới CTĐT. Trên cơ sở những nhận định từ chính những hoạt động đã và đang làm được của Ngành kèm theo những tồn tại để đưa ra những hành động cụ thể cho việc phát triển Ngành, Khoa và Trường. Đây cũng chính là căn cứ để Ngành có những điều chỉnh cần thiết trong quá trình tổ chức thực hiện đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng NCKH, đóng góp cho cộng đồng để từ đó nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Hoạt động này tạo thành một chu trình khép kín và rất cần được nhận định cả từ bên trong và bên ngoài để có được hướng phát triển phù hợp xu thế, khẳng định thương hiệu và chất lượng của Ngành Kiểm toán.

Việc tự đánh giá là cơ sở để Nhà trường đánh giá và xem xét khả năng đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời, tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Quy trình tự đánh giá được tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng;
- Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 5: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ đánh giá

Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo của Nhà trường, Khoa được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường đại học (Thông tư 04/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 14/03/2016).

Đối với mỗi tiêu chí Ngành Kiểm toán được tiến hành đồng thời với Trường và Khoa nên có sự đồng nhất về số liệu, thời điểm minh chứng, nguồn gốc rõ ràng, xác thực và có tính hệ thống trong bố cục. Việc tiến hành xem xét theo trình tự sau:

(i) Mô tả thực trạng: Cụ thể, có bảng hoá, biểu đồ để đảm bảo tính trực quan về thực tế các tiêu chí. Việc mô tả dựa trên MC thực tế.

(ii) Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại của CTĐT.

(iii) Lên kế hoạch hành động khắc phục những tồn tại để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở thời gian, bộ phận thực hiện và đảm bảo tính khả thi.

(iv) Tự đánh giá: tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu theo tiêu chí.

Sự tham gia của các bên liên quan

Quá trình đánh giá chất lượng đào tạo Ngành Kiểm toán có sự liên kết chặt chẽ của các giảng viên trong Khoa KT-TC với các cán bộ của các Phòng, Ban của Trường ĐHDL, đặc biệt là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL) Phòng Quản lý Đào tạo (QLĐT), Phòng Công tác sinh viên (CTSV), Phòng Tổ chức- Hành chính (TCHC), Thư viện (TVi), Phòng Quản trị-Dịch vụ (QTDV), Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) và Trung tâm Công nghệ thông tin (CNTT). Các phòng ban chức năng có người đại diện tham gia các nhóm công tác chuyên trách trong việc thu thập minh chứng, đánh giá minh chứng và nội dung trong các tiêu chuẩn tương ứng.

Việc đánh giá được tham gia bởi đại diện sinh viên Ngành Kiểm toán, thành viên Hội đồng trường, đại diện công đoàn, đoàn thanh niên, Trung tâm truyền thông và quan hệ doanh nghiệp (TTTT&DN) trong các buổi họp hội đồng và những lần gửi xin ý kiến gửi rộng rãi cho cán bộ giảng viên trong toàn trường.

2. Tổng quan chung

Trường Đại học Điện lực

Trường Đại học Điện lực là một trong những trường trọng điểm trực thuộc Bộ Công Thương với bề dày hơn 50 năm xây dựng và phát triển. Ngày 19 tháng 05 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Trường Đại học Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 01 tháng 9 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1508/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Điện lực giai đoạn 2015 – 2017 và đến ngày 24 tháng 9 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ra Quyết định số 10268/QĐ-BCT về việc chuyển Trường Đại học Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam về trực thuộc Bộ Công Thương. Trong nhiều năm qua, Trường ĐHDL thường xuyên quan tâm đến chất lượng đào tạo, đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà trường đã được khẳng định thể hiện thông qua việc Nhà trường đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá và kiểm định chất lượng vào năm 2017 theo 11 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT và được công nhận là cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 226 ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN. Tiếp tục chu kỳ kiểm định 2018-2023, Nhà trường thực hiện tự đánh giá, kiểm định chất lượng lần 2 và được công nhận là cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 796 ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN. Trường đã, đang và tiếp tục triển khai nhiều hoạt động để đảm bảo chất lượng như: cải tạo cơ sở vật chất; nâng cao năng lực đội ngũ công việc chức; định kỳ rà soát, hiệu chỉnh các CTĐT trên cơ sở các ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, chuyên viên, người học, cựu người học, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và chuyên gia) về mọi mặt của nhà trường.

Tổng diện tích hiện có của Trường là 9,9 ha với 106 phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị nghe, nhìn, có đường truyền internet; diện tích phòng máy tính 875m². Thư viện của Nhà trường có diện tích 1.176 m² với 5.203 đầu sách và giáo trình điện tử. Nhà trường có bề dày kinh nghiệm, đã khẳng định được chất lượng và uy tín trong đào tạo, NCKH ở trong nước và khu vực.

Hiện nay, tổng số CBVC của Nhà trường hiện có 533 người; trong đó GV cơ hữu là 370 người với 36 GS và PGS, 168 TS. Nhiều GV của Nhà trường là những

chuyên gia, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội đồng tư vấn và đánh giá các cấp.

Sứ mạng: Trường Đại học Điện lực là trường đại học công lập đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tư vấn chính sách, chuyển giao tri thức, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Tính đến 31 tháng 12 năm 2024, nhà trường đang thực hiện đào tạo 20 CTĐT bậc đại học trong 05 lĩnh vực.

Tầm nhìn: Là trường đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng có uy tín trong và ngoài nước, từng bước khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực năng lượng.

Giá trị cốt lõi trong hoạt động đào tạo và NCKH của Trường ĐHDL đã được khẳng định với sáu chữ sau: (1) Trách nhiệm; (2) Sáng tạo và (3) Hiệu quả.

Triết lý giáo dục: Giáo dục toàn diện, vững nền tảng, bền tương lai.

Theo đó, mục tiêu giáo dục của Nhà trường là *“Trở thành trường đại học theo ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, hội nhập với nền giáo dục tiên tiến khu vực và quốc tế. Người học được đào tạo toàn diện, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.”*

Chính sách chất lượng: Trường ĐHDL đã luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục và đã có nhiều chính sách, áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường đã hoàn thành công tác đánh giá ngoài cấp Nhà trường giai đoạn 2 và đánh giá ngoài 12 CTĐT trình độ đại học trong đó có CTĐT ngành Kế toán, Tài chính – Ngân hàng do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện với kết quả tốt. Nhà trường đồng thời triển khai công tác tự đánh giá với các CTĐT khác trong đó có CTĐT ngành Kiểm toán. Quan điểm của Ban lãnh đạo Nhà trường luôn coi chất lượng là một phần của giáo dục và được thực hiện thường xuyên theo chu trình cải tiến liên tục PDCA.

Khoa Kế toán – Tài chính

Khoa KT-TC được tách ra từ Khoa KT&QL (tiền thân là Khoa Quản trị Kinh doanh) được thành lập ngày 08 tháng 08 năm 2024, là đơn vị trực thuộc Trường ĐHDL

với các nhiệm vụ ban đầu là thực hiện đào tạo, nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính – ngân hàng.

Khoa KT-TC là khoa có lịch sử nhiều cung bậc nhất của Trường ĐHĐL với các lần tái cấu trúc tổ chức của nhà trường. Từ ngày 08/8/2024, Khoa KT-TC được thành lập theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐT của Hội đồng trường và Quyết định số 1218/QĐ-ĐHĐL ngày 8/8/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHĐL. Việc thành lập Khoa KT-TC thể hiện định hướng phát triển của Trường ĐHĐL trong giai đoạn tiếp theo đó là phát triển Khoa KT-TC theo hướng chuyên môn sâu với các ngành trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

Khoa KT-TC đào tạo 03 ngành (TC-NH, Kế toán, Kiểm toán) với 5 chuyên ngành (Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán & Kiểm soát, Kiểm toán) ở bậc đại học và 01 ngành ở bậc sau đại học (TC-NH ở bậc thạc sĩ). Ngoài ra, Khoa KT-TC có các chương trình đào tạo văn bằng 2 ngành Kế toán và một số chương trình đào tạo liên thông lên trình độ đại học các ngành đào tạo của khoa.

Trong những năm qua (2019 - 2024), số lượng sinh viên đại học chính quy của các ngành TC-NH, Kế toán, Kiểm toán được tuyển hằng năm tăng và quy mô sinh viên của Khoa hiện tại là 2.000 sinh viên. Năm 2024, Khoa có tổng số hơn 2.000 SV đại học (SV Khoá D16, D17, D18, D19). Tỷ lệ sinh viên của Khoa sau khi tốt nghiệp ra trường (với sinh viên khoá D14) có việc làm sau 1 năm là trên 100%.

Tính đến 31/12/2024, tổng số cán bộ giảng viên của Khoa KT-TC là 30 (gồm 29 GV và 01 trợ lý khoa), trong đó có 03 PGS, 11 TS và 17 cán bộ giảng viên có trình độ thạc sĩ (trong đó 04 giảng viên đang thực hiện làm NCS). Ngoài ra, Khoa còn có nhiều cộng tác viên tại các trường thuộc khối Kinh tế như Đại học Bách khoa, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Thương mại, Viện nghiên cứu, ... Các GV trong khoa còn tham gia các khoá học chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế như ACCA (UK), CPA (Việt Nam), CMA (Mỹ) và CFA (Mỹ) nhằm hướng đến việc chuyên nghiệp trong đào tạo. Đội ngũ giảng viên của bộ môn trẻ, đầy nhiệt huyết với công tác đào tạo và nghiên cứu, tinh thần học tập suốt đời.

Khoa KT-TC luôn hoàn thành các chỉ tiêu về đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Khoa KT-TC đã ký kết liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp trong nước để triển khai các hoạt động đào tạo, tạo nhiều hoạt động cho sinh viên. Các tổ chức nghề nghiệp quốc

tế, các trường đại học quốc tế đã được ký kết biên bản ghi nhớ như Hiệp hội Kế toán công chứng Vương quốc Anh (ACCA -UK). Trong nước, mạng lưới liên kết của Khoa được phát triển đa dạng gồm: Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), Công ty cổ phần MISA, Viện đào tạo ngân hàng Vietnambankers, Công ty CP ACTAX, Ngân hàng PVCombank, Công ty kiểm toán UNISTARS. Đây là một tiền đề tốt để thúc đẩy sự phát triển Khoa KT-TC trong thời đại hội nhập quốc tế và kết nối doanh nghiệp, mở rộng mạng lưới nghiên cứu. Mạng lưới cựu sinh viên của Khoa KT-TC có nhiều hỗ trợ cho công tác đào tạo của sinh viên.

Giảng viên của khoa tham gia các hoạt động học thuật, tham vấn cho Chính phủ, Quốc hội, Bộ Tài chính, World Bank, Hiệp hội nghề nghiệp trong xây dựng các dự luật, thông tư, chuẩn mực chuyên môn và đạo đức, khung năng lực nghề nghiệp. Các tài liệu học tập, phổ biến kiến thức được thông tin và truyền tải cho SV và cộng đồng thêm những kiến thức về quản lý, kiểm soát, quản trị tài chính. Với sự nỗ lực không ngừng trong những năm qua, Khoa KT-TC (trước là Khoa KT&QL, Khoa QTKD) đã vinh dự được nhận nhiều bằng khen của Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo sát với thực tiễn, các CTĐT của Khoa thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, thời gian điều chỉnh gần đây nhất là vào các năm 2017, 2019-2020, năm 2022-2023. Khoa tham khảo CTĐT cùng ngành của các trường đại học danh tiếng ở Việt Nam (Đại học Kinh tế quốc dân, Học Viện Tài chính, Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh), trên thế giới (Đại học Oxford Brookers –UK, Đại học Davenport, Đại học Franklin), chương trình đào tạo của Hiệp hội Kế toán công chứng Vương quốc Anh (ACCA -UK), Hiệp hội Kế toán quản trị Hoa Kỳ (IMA -Mỹ) và theo yêu cầu của xã hội. Trong quá trình triển khai hoạt động tự đánh giá, Khoa đã có nhiều hành động tích cực nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng

Chương trình đào tạo

CTĐT cử nhân Kiểm toán được thiết kế theo chuẩn 4 năm. CTĐT đại học của các ngành do Khoa KT-TC quản lý được chỉnh sửa đảm bảo tính hệ thống, có tính liên thông giữa các bậc, các hệ đào tạo. Ngành Kiểm toán được Nhà trường xây dựng đề án và hoàn thành năm 2017. Từ năm 2018, Nhà trường đã tuyển sinh khoá đầu tiên (D13).

Kiểm toán là một trong 3 ngành đào tạo của Khoa KT-TC có 128 tín chỉ. Ngành

Kiểm toán xác định chất lượng CTĐT là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến chất lượng đào tạo của Khoa KT-TC và toàn trường. Chính vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kiểm toán là việc làm hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng CTĐT cho phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn lực xã hội hiện nay.

Mục tiêu của CTĐT cử nhân của ngành Kiểm toán đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức toàn diện về kế toán - kiểm toán; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức công việc kiểm toán; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng học tập suốt đời; có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn; có khả năng sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, hội nhập quốc tế.

Để đáp ứng nhu cầu của xã hội, CTĐT của ngành Kiểm toán được thiết kế phù hợp giữa lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học, kết nối doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp trong đào tạo nhằm tăng cường tính thực tiễn của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển nghề nghiệp, ý thức học tập suốt đời. CTĐT của ngành Kiểm toán thường xuyên được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Cụ thể là CTĐT của ngành Kiểm toán được phê duyệt theo Quyết định số 1892/QĐ-ĐHDL ngày 23/12/2017, được rà soát, cập nhật, điều chỉnh vào các năm 2019, 2023.

Năm 2016, Nhà trường thực hiện xây dựng đề án mở ngành Kiểm toán. Quyết định số 1892/QĐ-ĐHDL ngày 23/12/2017 ban hành CTĐT của ngành Kiểm toán với 133 tín chỉ sau khi thực hiện đầy đủ các bước mở ngành. Năm học 2019 - 2020, CTĐT của ngành Kiểm toán được cập nhật và đánh giá theo Quyết định số 556/QĐ-ĐHDL, ngày 05/6/2020. CTĐT ngành Kiểm toán được chi tiết hơn trong đánh giá các CDR của CTĐT, chi tiết CDR các học phần, phương pháp kiểm tra, đánh giá, giảng dạy cũng được trình bày chi tiết. Thời lượng của CTĐT ngành Kiểm toán là 131 TC. Năm 2022-2023, CTĐT của ngành Kiểm toán được cập nhật và đánh giá theo Quyết định số 1333/QĐ-ĐHDL ngày 31/8/2023. CTĐT ngành Kiểm toán được thay đổi về CDR và các chỉ báo CDR của CTĐT, giảm số lượng học phần, số tín chỉ 128TC và tăng cường thời lượng thực hành, thực tế cho sinh viên.

Năm 2022, Khoa KT-TC (Khoa KT&QL) đã thực hiện tự đánh giá CTĐT ngành Kiểm toán theo quyết định của Nhà trường. Năm 2024, Khoa KT-TC đã tiếp tục cập nhật minh chứng và nội dung báo cáo tự đánh giá. Qua quá trình nghiên cứu văn bản

hướng dẫn, thu thập, xử lý MC, viết dự thảo báo cáo, Khoa và ngành Kiểm toán đã tổ chức thảo luận và chỉnh sửa và hoàn thành BCTĐG CTĐT của ngành. Báo cáo tự đánh giá ngành Kiểm toán đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại cùng với kế hoạch khắc phục những tồn tại.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kiểm toán được xây dựng các mục tiêu và chuẩn đầu ra (CDR) hướng tới đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. CDR được xây dựng trên cơ sở mục tiêu đào tạo ngành và như một tuyên bố với xã hội về những điều mà Khoa KT-TC (trước là Khoa KT&QL), Trường Đại học Điện lực mong muốn SV ngành Kiểm toán có khả năng làm, biết hoặc hiểu CTĐT. Thông qua mục tiêu đào tạo, SV Kiểm toán của Trường ĐHDL nắm được đích hướng đến về kiến thức, kỹ năng và thái độ của ngành học. Sáu (06) CDR trong CTĐT ngành Kiểm toán thể hiện kỳ vọng của người học sẽ có được và làm được sau khi tốt nghiệp. Đây là cũng là những điều mà Trường ĐHDL cam kết với người học về chất lượng đào tạo và trên cơ sở đó, người học giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo và kết quả đạt được trong hoạt động nghề nghiệp của mình sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

1. Mô tả

Đề án mở ngành Kiểm toán đào tạo tại Trường Đại học Điện lực được xây dựng căn cứ vào Quyết định số 274/ĐHDL-ĐT ngày 28/3/2016 [H1.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT ngành Kiểm toán được xác lập chính thức ngay trong Đề án mở ngành và CTĐT ban đầu được với 3 nhóm chi tiết kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mục tiêu chung của CTĐT này được xác định trong chương trình ban hành theo Quyết định số 1892/QĐ-ĐHDL ngày 29/12/2017, Quyết định số 556/QĐ-ĐHDL ngày 5/6/2020 là “Kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và dịch vụ đảm bảo, phân tích hoạt động tài chính trong doanh nghiệp và quản trị trong tổ chức; kỹ năng sử dụng công cụ quản lý trong tổ chức và khả năng xác định, giải quyết vấn đề quản trị lĩnh vực tài chính, kiểm soát trong một tổ chức; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng nhu cầu thực tiễn.” [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Theo Quyết định số 1333/QĐ-ĐHDL ngày 31/8/2023, mục tiêu của CTĐT Kiểm toán được điều chỉnh thành “đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức toàn diện về kế

toán - kiểm toán; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức công việc kiểm toán; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng học tập suốt đời; có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn; có khả năng sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, hội nhập quốc tế”. Mục tiêu chung đó đã được làm rõ thông qua các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ sinh viên ngành kiểm toán cần đạt được qua quá trình đào tạo. Theo đó, về kiến thức, CTĐT đảm bảo chuyên môn toàn diện, khả năng ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán. Về kỹ năng, sinh viên tốt nghiệp đảm bảo có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn và khả năng học tập suốt đời, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán. Về thái độ, sinh viên tốt nghiệp có có đạo đức và trách nhiệm trong công việc, có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng **[H1.01.01.04]**.

Trong năm 2022-2023, Khoa KT-TC căn cứ vào Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT **[H1.01.01.05]**, Khoa đã thực hiện đánh giá thực trạng mục tiêu CTĐT và tiến hành khảo sát các bên liên quan là một số đối tác của Khoa (các tổ chức nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động) và cựu sinh viên để xây dựng lại mục tiêu của CTĐT sau khi khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành Kiểm toán **[H1.01.01.06]**. Việc khảo sát để xây dựng mục tiêu đào tạo phù hợp được thực hiện với các nhà tuyển dụng, các cựu SV và các chuyên gia.

Mục tiêu đào tạo của ngành kiểm toán được xác định phù hợp với tuyên bố sứ mạng của Nhà trường “*Là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung trong công cuộc hiện đại hoá và phát triển bền vững*” và tầm nhìn đó là “*Trở thành trường đại học hàng đầu trong nước về lĩnh vực năng lượng, đạt đẳng cấp quốc tế vào năm 2030*” trong định hướng chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 **[H1.01.01.07]**. Với quá trình đổi mới, phát triển, Trường Đại học Điện lực đã điều chỉnh sứ mạng phù hợp và gắn với các ngành đào tạo, giá trị đóng góp của trường cho xã hội “*là trường đại học công lập đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tư vấn chính sách, chuyển giao tri thức, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế*”. Mục tiêu chung của CTĐT ngành Kiểm toán hướng tới sự phù hợp toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc chuyên nghiệp để tạo ra

các cử nhân kiểm toán chất lượng và hướng tới phát triển bền vững từ yêu cầu học tập suốt đời đối với cử nhân kiểm toán. Có thể nói, mục tiêu đào tạo của ngành Kiểm toán cũng phù hợp với tuyên bố sứ mạng và mục tiêu đào tạo của trường ĐH Điện Lực **[H1.01.01.08], [H1.01.01.09]**.

Mục tiêu đào tạo của ngành kiểm toán phù hợp với mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục số 43/2019/QH11 ngày 14/6/2019 **[H1.01.01.10]**. Và quy định tại Điều 5, Luật GDĐH sửa đổi ban hành theo số 42/VBHN-VPQH “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*” **[H1.01.01.11]**.

Theo biên bản đánh giá, những năm gần đây nhu cầu về thị trường lao động ngành Kiểm toán có xu hướng tăng lên **[H1.01.01.06]**. Chính vì vậy, mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp đã tiếp tục được nhắc đến trong CTĐT ngành Kiểm toán, thực hiện đào tạo đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao, chuyên nghiệp, tự chịu trách nhiệm nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa theo quy định về chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. So sánh với mục tiêu CTĐT của một số trường đại học trong nước có đào tạo ngành Kiểm toán thì các mục tiêu trong CTĐT ngành Kiểm toán của Nhà trường được mô tả rõ ràng, chi tiết trong Bản mô tả CTĐT **[H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]**, và được công khai trên trang web **[H1.01.01.15]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo ngành Kiểm toán của Khoa KT-TC được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, gắn với mục tiêu giáo dục trong Luật giáo dục và Luật GDĐH. Quá trình xây dựng và phát triển mục tiêu của CTĐT có thực hiện khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến ngành kiểm toán cũng như khảo sát ý kiến các bên liên quan là các chuyên gia giáo dục, cựu sinh viên và sinh viên. Mục tiêu đào tạo của chương trình đã phản ánh nhu cầu nhân sự của tổ chức trong lĩnh vực kiểm toán, định hướng theo sự phát triển của thị trường lao động và sự phát triển tính

chuyên nghiệp trong lĩnh vực này.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT-TC chưa lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu của CTĐT của các nhà tuyển dụng từ các công ty kiểm toán quốc tế tại Việt Nam.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-TC tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu của CTĐT của nhà tuyển dụng từ các công ty kiểm toán quốc tế tại Việt Nam.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

Khi ban hành chính thức chương trình đào tạo bậc đại học ngành Kiểm toán năm 2017 theo QĐ 1892/QĐ- ĐHĐL [H1.01.01.02], Nhà trường và Khoa KT-TC đã vận dụng các quy định trong Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H1.01.01.05] và Quyết định 1982/2016/QĐ-TTg [H1.01.02.01] để rà soát lại CDR của CTĐT. Nhà trường đưa ra quy định về xây dựng điều chỉnh CDR và CTĐT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT đồng thời giao cho Khoa KT-TC chủ trì lấy ý kiến của các bên liên quan theo mẫu phiếu chung [H1.01.02.02], [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.02.07]. Sau khi lấy ý kiến, Khoa KT-TC phối hợp cùng nhóm biên soạn đưa ra dự thảo CDR trong CTĐT. CDR cùng với CTĐT được Hội đồng KH&ĐT Nhà trường thông qua và được Nhà trường ban hành chính thức trong CTĐT ban hành năm 2017 [H1.01.02.03]. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kiểm toán được xác định rõ ràng qua các bước triển khai, nhất quán với mục tiêu đào tạo. Trong lần cập nhật năm học 2019 - 2020, CDR của ngành Kiểm toán được điều chỉnh và cụ thể theo thang đo Bloom [H1.01.02.05], [H1.01.01.03], nhà trường chính thức ban hành CDR cho các ngành trong bản mô tả CTĐT [H1.01.02.06]. Trong lần cập nhật lần 2 của năm 2022-2023, từ 21CDR của ngành kiểm toán đã được rà soát và xây dựng cô đọng với 06 CDR và 18 chỉ báo cho các CDR.

CDR của CTĐT ngành Kiểm toán được xác định rõ ràng, xúc tích phản ánh được mục tiêu cụ thể của CTĐT và được phân tích như sau:

*Bảng 1: Bảng thống kê chi tiết CDR tương ứng với mục tiêu đào tạo cụ thể ngành
Kiểm toán*

CDR (PLO)	Chỉ báo (PI)	Đáp ứng mục tiêu
PLO1 - Vận dụng kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật; về khoa học cơ bản; kiến thức về công nghệ thông tin; về khoa học xã hội; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	PI1.1.Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	PEO1. Người học có khả năng áp dụng kiến thức chuyên môn toàn diện, khả năng ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.
	PI1.2. Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết tình huống trong công việc kiểm toán.	
PLO2 - Phân tích và đánh giá được kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu và các công cụ hiện đại của lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kiểm soát, quản trị doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan đến công việc của ngành kiểm toán.	PI2.1.Vận dụng được các quy định, nguyên tắc và các quy định của pháp luật trong công việc kế toán - kiểm toán.	PEO1. Người học có khả năng áp dụng kiến thức chuyên môn toàn diện, khả năng ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.
	PI2.2.Vận dụng được các kiến thức cơ bản trong quản lý, điều hành, tổ chức công tác kiểm toán.	
	PI2.3.Vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát trong quá trình thực hiện công tác kiểm toán	
	PI2.4.Phân tích được các kiến thức về hoạch định chiến lược và lãnh đạo thực hiện công việc trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán	

CDR (PLO)	Chỉ báo (PI)	Đáp ứng mục tiêu
	PI2.5.Đánh giá được các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực kiểm toán để làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu.	
PLO3 - Thể hiện tư duy phản biện, tư duy hệ thống, đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, tổ chức và quản lý công tác kiểm toán trong tổ chức.	PI3.1.Có kỹ năng phản biện, phê phán và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	PEO2. Người học có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn và khả năng học tập suốt đời, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán
	PI3.2.Có kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	
	PI3.3.Có năng lực đổi mới, khởi nghiệp và tổ chức quản lý các hoạt động trong công việc kiểm toán.	
PLO4 - Tổ chức làm việc nhóm và sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả.	PI4.1. Có kỹ năng tổ chức, hướng dẫn người khác thực hiện công việc và đánh giá kết quả thực hiện công việc trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán	PEO2. Người học có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn và khả năng học tập suốt đời, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán
	PI4.2.Có khả năng trình bày, chuyển tải thông tin tới nhóm, lãnh đạo đơn vị; có khả năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện công việc kiểm toán	

CDR (PLO)	Chỉ báo (PI)	Đáp ứng mục tiêu
	PI4.3.Sử dụng được tiếng Anh để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc kiểm toán khi cần thiết	
PLO5 - Vận dụng năng lực số, công nghệ thông tin trong công tác kiểm toán.	PI5.1. Vận dụng về công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng đáp ứng yêu cầu công việc kế toán - kiểm toán.	PEO2. Người học có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn và khả năng học tập suốt đời, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán
	PI5.2.Vận dụng năng lực phân tích hệ thống, ngôn ngữ trong kinh doanh trong công việc kế toán - kiểm toán	
PLO6 - Nhận thức và đưa ra nhận định, đánh giá chuyên môn trên cơ sở xem xét đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại; có ý thức học tập suốt đời.	PI6.1. Có đủ khả năng làm việc chủ động, độc lập, tự định hướng hoạt động chuyên môn; đủ năng lực tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc.	PEO3. Người học có đạo đức và trách nhiệm trong công việc, có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng
	PI6.2.Đủ năng lực đánh giá chuyên môn về các nội dung liên quan tới nhiệm vụ trên cơ sở đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp trong mối quan hệ công việc và môi trường làm việc toàn cầu.	
	PI6.3.Có được ý thức và năng lực về đảm bảo chất	

CDR (PLO)	Chỉ báo (PI)	Đáp ứng mục tiêu
	lượng, hiệu quả, quản lý các nguồn lực, đổi mới sáng tạo trong công việc.	

Chuẩn đầu ra của CTĐT bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được khi hoàn thành chương trình đào tạo. Với 06 CDR và 18 chỉ báo; trong đó 02 CDR về kiến thức (tương ứng 07 chỉ báo), 3 CDR kỹ năng (tương ứng 8 chỉ báo) và 01 CDR mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm (tương ứng 03 chỉ báo). CDR kiến thức được sắp xếp từ kiến thức chung trong khối khoa xã hội, toán, công nghệ thông tin, kinh tế, quản lý và lĩnh vực kiểm toán. SV Kiểm toán sau khi tốt nghiệp hiểu được chuẩn mực kiểm toán, năng lực thực hiện công việc kiểm toán và thực hiện dịch vụ đảm bảo trong một tổ chức. Những kiến thức về vận dụng chuẩn mực, quy định đạo đức nghề nghiệp giải quyết tình huống được đề cập trong CDR của ngành đào tạo Kiểm toán là những kiến thức chuyên biệt trong CTĐT ngành Kiểm toán. Các kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp dữ liệu để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo cũng như kỹ năng ngoại ngữ được chú trọng với SV Kiểm toán. Sự khác biệt của SV ngành Kiểm toán của Trường ĐHDL là áp dụng kiến thức công nghệ thông tin trong lĩnh vực kiểm toán, có kỹ năng phản biện, phê phán và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán. Khả năng làm việc theo nhóm, tự chịu trách nhiệm và đảm bảo chất lượng công việc là những yêu cầu của SV khối ngành kinh tế, với SV Kiểm toán tại Trường ĐHDL đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cũng như tác động tới xã hội, các bên liên quan được đề cập trong quá trình đào tạo và kỳ vọng sẽ được các SV Kiểm toán sau khi tốt nghiệp đạt được **[H1.01.02.08]**.

Chuẩn đầu ra của ngành Kiểm toán thể hiện rõ ràng các đánh giá về kỹ năng, thái độ và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học. Các CDR được xác định trong thang đo nhận thức Bloom chú trọng các cấp độ vận dụng, phân tích, đánh giá và một phần sáng tạo phù hợp với cấp độ đào tạo đại học. CDR của CTĐT được thiết kế để có thể đo lường được, thông qua việc đánh giá KQHT của từng học phần và giúp SV có thể đánh giá mức đạt được thông qua bảng kiểm đánh giá năng lực người học trong Bản mô tả CTĐT **[H1.01.02.09]**. Các CDR của CTĐT được chi tiết hoá thành CDR các học phần và tương ứng là cách kiểm tra, đánh giá trong từng học phần **[H1.01.01.14]** và

được công khai trên trang web khoa [H1.01.01.15].

2. Điểm mạnh

Khoa KT-TC đã xây dựng và ban hành CDR cho CTĐT ngành Kiểm toán rõ ràng, toàn diện và nhất quán với mục tiêu đào tạo. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của sinh viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên giao lưu, hợp tác trong học tập, gắn kết lý thuyết và thực hành, sinh viên qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT-TC chưa lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về CDR của CTĐT của các nhà tuyển dụng từ các công ty kiểm toán quốc tế tại Việt Nam.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-TC tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về CDR của CTĐT của nhà tuyển dụng từ các công ty kiểm toán quốc tế tại Việt Nam.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CDR của ngành Kiểm toán [H1.01.02.05], [H1.01.02.08] đã đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục [H1.01.01.10], của Luật Giáo dục đại học [H1.01.01.11], Quyết định 1982/ 2016/QĐ-TTg [H1.01.02.01], Thông tư số 07/2015/TT-BGD [H1.01.01.05] của nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên tốt nghiệp với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm; khả năng công tác sau khi tốt nghiệp. Cụ thể yêu cầu của cựu sinh viên tăng kỹ năng thực hành, thực tập, tăng cường tiếng anh chuyên ngành, kỹ năng tin học, giảm khối lượng học tập các môn học chính trị, chuyển đổi ngành học, học cùng lúc hai chương trình. Đối với nhà tuyển dụng thì yêu cầu tăng thêm các môn học về kỹ năng, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, ngoại ngữ, tin học. Đối với giảng viên mong muốn truyền đạt cho sinh viên cả kiến thức trong giáo trình và kiến thức áp dụng thực tiễn thông qua bài tập lớn, bài thực hành, những thiết kế trong tổ chức công tác kiểm toán. Khi ban hành CTĐT ngành kiểm toán năm 2017, năm 2020, năm 2023, CDR được thực hiện khảo sát các bên liên quan như nhà tuyển dụng, chuyên gia

và cựu sinh viên **[H1.01.02.02]**.

Trong năm 2022-2023, Khoa KT-TC thực hiện rà soát điều chỉnh CDR và CTĐT ngành Kiểm toán theo Quyết định của Nhà trường **[H1.01.03.01]**, **[H1.01.03.02]** và Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam **[H1.01.02.01]**. Việc điều chỉnh CDR dựa trên ý kiến khảo sát của cán bộ giảng viên, các nhà quản lý nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên đang theo học về CTĐT **[H1.01.02.02]**. Tất cả các thông tin phản hồi từ các bên liên quan là cơ sở quan trọng để Khoa KT-TC xây dựng, cập nhật và hoàn thiện CDR CTĐT, CDR các học phần **[H1.01.02.08]**. Năm 2023, trên cơ sở cập nhật, đánh giá CTĐT **[H1.01.01.06]**, CDR ngành Kiểm toán được cập nhật, bổ sung **[H1.01.02.08]**.

Hàng năm, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để trao đổi kiến thức, kỹ năng giảng dạy và có các báo cáo tổng kết hoạt động giảng dạy, những sáng kiến cải tiến, những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học. Từ đó những rà soát đóng góp, CDR của CTĐT được góp ý chỉnh sửa hoàn thiện hơn và đưa ra những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học **[H1.01.03.03]**. Các nội dung CDR của CTĐT các phiên bản sau cập nhật, tiến bộ và phát triển hơn phiên bản trước. CDR năm 2023 vẫn bám sát nội dung của CDR năm 2017, 2020 nhưng đã thay đổi theo hướng tinh chỉnh. Tuy nhiên, theo kế hoạch rà soát, cập nhật đánh giá CTĐT năm 2022-2023 **[H1.01.03.01]**, **[H1.01.03.02]** CDR năm 2023 được trình bày bao quát được đầy đủ hơn, các yêu cầu chuyên biệt được thể hiện rõ nét hơn thông qua các chỉ báo **[H1.01.02.068]**.

Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện, CDR của CTĐT được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau:

- (1) Trên Website của Khoa, trường **[H1.01.01.15]**
- (2) Trong bộ lưu trữ tại Phòng Đào tạo, Văn phòng Khoa, Trung tâm Học liệu **[H1.01.03.04]**.

Việc công bố công khai CDR giúp cho Nhà trường chuyển tải được cam kết trong đào tạo tới người học và các bên liên quan. Đồng thời cũng để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng hiểu rõ được rằng CDR của CTĐT là phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về đầu ra của SV tốt nghiệp. Tuy nhiên, việc công bố CDR trên còn chưa đầy đủ để giúp SV tiếp cận và tìm hiểu CDR của ngành học.

Như vậy, CDR của CTĐT ngành Kiểm toán đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được rà soát và điều chỉnh thường xuyên trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan và lấy ý kiến đánh giá từ sinh viên công tác giảng dạy của giảng viên [H1.01.01.06] do đó ngày càng hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động về kiến thức, kỹ năng, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học sau khi hoàn thành CTĐT.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của ngành Kiểm toán được xây dựng dựa trên có sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan (các nhà tuyển dụng lao động, SV tốt nghiệp, các chuyên gia). CDR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, cựu sinh viên thông qua các hoạt động kết nối và công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố CDR tới sinh viên chưa được công bố trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024 - 2025, Khoa KT-TC cùng phòng ban chức năng tập trung truyền thông để sinh viên năm thứ 1 dễ dàng tìm kiếm thông tin về CDR của CTĐT trên website, cung cấp đường link truy cập thông qua Fanpage, website của Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Chuẩn đầu ra của ngành Kiểm toán được xây dựng rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. CDR đáp ứng được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên môn của người học, của nhà tuyển dụng. CDR cũng tuân thủ các quy định của Bộ GDĐT, Chính phủ. CDR được định kỳ rà soát điều chỉnh, được công bố công khai trên trang website, cổng thông tin đào tạo Nhà trường.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành Kiểm toán được Khoa KT-TC xây dựng với đầy đủ các thông tin về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, mô tả ngắn gọn học

phần cũng như đánh giá và tổ chức thực hiện CTĐT để người học đạt được các CDR của chương trình. Bản mô tả CTĐT đã cung cấp những thông tin cần thiết cho các bên liên quan và thông tin về bản mô tả được công bố công khai trên website của Nhà trường cũng như các kênh thông tin khác để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Khoa KT-TC xây dựng bản mô tả CTĐT giúp người học và những người quan tâm có được đầy đủ thông tin về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc khoá học, nội dung căn bản, hoạt động đào tạo, ma trận khối kiến thức các học phần góp phần vào việc đạt CDR của CTĐT, những mô tả ngắn gọn về các học phần trong CTĐT được thể hiện qua bộ CTĐT, bản mô tả CTĐT qua các năm 2017, 2020, 2023 **[H2.02.01.01]**, **[H2.02.01.02]**, **[H2.02.01.03]**.

Năm 2016, Nhà trường ban hành QĐ 276/QĐ-ĐHĐL về xây dựng Đề án mở ngành đào tạo bậc đại học ngành Kiểm toán **[H1.01.01.01]**, trong đó bám sát q Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT **[H1.01.01.05]** quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực người học. Đến tháng 12/2017, Khoa KT&QL đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành Kiểm toán **[H2.02.01.01]** tuy nhiên vẫn chưa thật sự đầy đủ (thiếu Bản kiểm năng lực người học hay các điều kiện thực hiện CTĐT). Trong năm học 2019 - 2020, việc cập nhật, đánh giá CTĐT được Nhà trường triển khai theo kế hoạch **[H2.02.01.02]**. Năm học 2022 -2023, việc cập nhật, đánh giá CTĐT được Nhà trường triển khai theo kế hoạch, cùng những hướng dẫn chi tiết về Bản mô tả CTĐT, gắn với sự thay đổi CDR, số lượng và nội dung học phần, tăng cường thực hành, thực tế, năng lực, phát triển bền vững và công nghệ thông tin **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.01.06]**, **[H2.02.01.03]**.

Bản mô tả CTĐT đã cập nhật các thông tin mới nhất và đảm bảo các yêu cầu bao gồm: Tên Trường đào tạo, tên gọi văn bằng cử nhân, CTĐT ngành Kiểm toán, thời gian đào tạo 4 năm, tiêu chí tuyển sinh, các thông tin về mục tiêu đào tạo, CDR, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, ma trận kỹ năng hiển thị kết quả chương trình với CDR và mô tả sơ lược nội dung các học phần **[H2.02.01.03]**.

Bản mô tả CTĐT đã đề cập đến những tin về chiến lược giảng dạy, học tập của chương trình là “*Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và*

thực hành thông qua các hoạt động dạy và học, kết nối doanh nghiệp trong đào tạo nhằm tăng cường tính thực tiễn của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển nghề nghiệp, ý thức học tập suốt đời". Quá trình giảng dạy được kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, kết nối doanh nghiệp nhằm tăng cường tính thực tiễn cho sinh viên. Phương pháp đào tạo này giúp sinh viên có được cái nhìn gần gũi với thị trường lao động. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng thể về khoá học để thực hiện kế hoạch học tập phù hợp **[H2.02.01.03]**.

Bản mô tả chương trình còn đề cập đến ma trận CDR của các học phần, trong đó chỉ rõ mỗi học phần sẽ giúp sinh viên hình thành những CDR kiến thức, kỹ năng hay mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm nào. Điều này được chỉ rõ trong Ma trận tích lũy kiến thức theo CDR đã công bố. Bản mô tả chương trình cũng đề cập tới Kế hoạch giảng dạy của toàn khóa, trong đó chỉ ra mỗi học kỳ trong 4 năm học, sinh viên được dự kiến học tập những học phần chi tiết. Tất cả những thông tin trên sẽ giúp người học hình dung khái quát về lộ trình học tập trong 4 năm nhằm xây dựng kế hoạch học tập để hoàn thành CTĐT **[H2.02.01.03]**, **[H1.01.01.14]**.

Trong quá trình giảng dạy, CTĐT luôn có sự điều chỉnh (bổ sung học phần mới, đổi mới đề cương học phần, bổ sung các học phần, đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra - đánh giá,...) để giúp sinh viên phát triển toàn diện hơn các kiến thức và kỹ năng như CDR đã công bố, đồng thời đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng. Một số nội dung về phương pháp giảng dạy trong các môn thực hành và hình thức đánh giá môn học được đa dạng hoá **[H2.02.01.03]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT của ngành Kiểm toán đã cập nhật theo quy định, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để người học, những người quan tâm nắm bắt CTĐT. Việc cập nhật định kỳ và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo đóng góp của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật bản mô tả CTĐT được thực hiện định kỳ theo kế hoạch yêu cầu cập nhật của nhà trường cho nên đôi khi bản mô tả CTĐT chưa cập nhật kịp thời các thông tin mới theo thực tiễn đào tạo và giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-TC chủ động cập nhật các thông tin mới đến CTĐT thường xuyên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán ban hành năm 2017 gồm có 59 học phần với 129 tín chỉ [H2.02.01.01]. Sau khi được cập nhật, rà soát và hiệu chỉnh năm 2020 thì CTĐT có 58 học phần (gồm cả học phần bắt buộc và học phần tự chọn, cho cả 2 chuyên ngành, không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) tương ứng với 58 đề cương chi tiết với 131 tín chỉ [H2.02.01.02]. Năm 2022-2023, CTĐT Kiểm toán được cập nhật và thay đổi căn bản số lượng học phần, như số học phần học để tích lũy đủ 127 tín chỉ là 42 học phần (không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), số lượng các học phần tự chọn được tăng cường, tạo điều kiện để sinh viên có các hướng lựa chọn vị trí việc làm phù hợp trong tương lai.

Toàn bộ đề cương học phần được thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: thông tin về nội dung học phần, mục tiêu và CDR môn học, phương pháp và hình thức dạy học, môn học tiên quyết, học liệu chính và tài liệu tham khảo, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, tên giảng viên và khoa phụ trách. Đề cương có tên giảng viên soạn đề cương và được thông qua Khoa KT-TC cùng các lần cập nhật. Đề cương đã bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học với CDR ngành kiểm toán, phương pháp giảng dạy sinh viên thông qua các nội dung yêu cầu sinh viên chuẩn bị, nội dung thảo luận và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy thông qua bài tập lớn, bài tập nhóm tăng cường cho thời gian tự học [H1.01.01.14]. Các nội dung cơ bản về học phần và phương pháp đánh giá học phần, tài liệu cập nhật trong các đề cương chi tiết và bản mô tả CTĐT cập nhật năm học 2023 theo Quyết định số 1333/QĐ-ĐHĐL [H2.02.01.03].

Bộ đề cương chi tiết các học phần được xây dựng đồng bộ khi xây dựng CTĐT vào năm 2017 và năm 2020 đề cương học phần cập nhật theo Thông tư 22/2017 cùng với hướng dẫn của Phòng Đào tạo nhà trường [H2.02.02.01]. Trong quá trình đào tạo,

theo kế hoạch sinh hoạt chuyên môn hàng năm, Khoa KT-TC và giảng viên phụ trách môn học tiến hành trao đổi về đề cương chi tiết môn học về nội dung, học liệu giảng dạy (đặc biệt cập nhật những nội dung mới hay việc thay đổi theo xu hướng nền kinh tế số như hiện nay), phương pháp kiểm tra định kỳ, phương pháp kiểm tra kết thúc học phần **[H2.02.02.02]**.

Năm 2022-2023, 100% đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh cơ bản. Bộ đề cương chi tiết học phần qua các lần điều chỉnh vẫn đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực thích ứng thực tế và phẩm chất nghề nghiệp ngành Kiểm toán. Đồng thời, đề cương nêu rõ phương pháp kiểm tra đánh giá với các bài kiểm tra cụ thể (bài tập dài, bài kiểm tra,...) kèm theo việc xây dựng trọng số bài kiểm tra thành phần và bài thi kết thúc môn nhằm hỗ trợ người học nắm vững các yêu cầu của học phần và chủ động lập kế hoạch học tập **[H1.01.01.14]**. Riêng đối với các học phần chuyên ngành của ngành đào tạo, Khoa KT-TC đã xây dựng hệ thống các bài tập tình huống để tăng tính thực tế cho người học, bao gồm các học phần Kiểm toán tài chính 1 và 2, Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp nhằm tăng cường tính thực tiễn trong đào tạo, các môn học như Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp, Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính được đưa vào giảng dạy. Môn Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính với 4 tuần trong học kỳ 1 năm thứ 4 với doanh nghiệp ngoài trường đã được Khoa KT-TC triển khai từ năm học 2018-2019 đã đem lại những kết quả có tính ứng dụng cho sinh viên ngành Kiểm toán. Đối với học phần Khoá luận tốt nghiệp, đề cương chi tiết cũng được xây dựng và được thể hiện chi tiết trong Bộ đề cương chi tiết học phần **[H1.01.01.14]**. Trong quá trình giảng dạy, đề cương chi tiết học phần liên tục được rà soát, cập nhật và điều chỉnh thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, sự nhất trí của các giảng viên trong bộ môn về việc thay đổi đề cương chi tiết học phần được thể hiện qua các biên bản họp của các giảng viên **[H2.02.02.02]**, **[H2.02.02.03]**. Trên cơ sở đó, các giảng viên phụ trách học phần sẽ đề xuất về việc thay đổi đề cương chi tiết học phần đề nghị Khoa phê duyệt. Hội đồng Khoa nghiên cứu, nhập xét và phê duyệt việc thay đổi này, sau đó Khoa lập tờ trình gửi Nhà trường thông qua Phòng Quản lý Đào tạo. Việc rà soát và cập nhật đề cương chi tiết nhằm mục đích thích ứng với các biến động của môi trường kinh doanh và quy định tài chính hiện hành, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của CDR và thực tiễn nghề nghiệp **[H1.01.01.06]**. Ngay trong CTĐT ban hành năm 2017, nhằm tăng cường các tình huống xử lý đạo đức nghề nghiệp, định hướng và tạo tình yêu với ngành nghề kiểm toán,

môn học Đạo đức nghề nghiệp kế toán – kiểm toán được đưa vào giảng dạy và phù hợp với yêu cầu chung về chuẩn mực nghề nghiệp chuyên môn. Môn học này được kết cấu và là một phần nội dung trong học phần Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp.

Việc tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên trong lĩnh vực kiểm toán, các môn học mới của chuyên ngành được triển khai và lĩnh hội một số module từ một số khoá học của các hiệp hội nghề nghiệp (như Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam VACPA, Hiệp hội kế toán công chứng Anh quốc ACCA), Khoa KT-TC đã bổ sung biên soạn đề cương các học phần mới bao gồm: Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức, Phân tích kinh doanh [H1.01.01.15]. Để đảm bảo các nội dung giảng dạy hỗ trợ sinh viên làm việc trong môi trường quốc tế, ngoài môn Tiếng Anh chuyên ngành, môn học Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma) được xây dựng, cập nhật theo những thay đổi về chuẩn mực kế toán quốc tế, những xu hướng thay đổi và lộ trình áp dụng chuẩn mực của Bộ Tài chính [H2.02.02.05] thì định kỳ có thực hiện đánh giá công tác giảng dạy và nội dung học phần giảng dạy trên cơ sở lấy ý kiến từ sinh viên [H2.02.02.06].

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần của ngành được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của ngành học. Việc giao quản lý môn học và thực hiện nhóm giảng dạy theo môn học cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương môn học có được những cập nhật mới nhất.

3. Điểm tồn tại

Nội dung đề cương học phần chưa được rà soát toàn diện mà chỉ thực hiện tại một số học phần mà do một số giảng viên đề xuất.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-TC chủ động cập nhật thường xuyên về nội dung đề cương học phần, có kế hoạch rà soát đề cương chi tiết trước mỗi học kỳ giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết của ngành kiểm toán đã được công bố công khai trên nhiều kênh khác nhau, thuận tiện cho các bên tra cứu và tìm hiểu về chương trình. Cụ thể:

(i) Trên trang website của Khoa KT-TC, sinh viên đang theo học, sinh viên tương lai, các đối tác của Khoa, nhà tuyển dụng lao động là những đối tượng chính tìm kiếm thông tin từ chương trình thông qua kênh này **[H1.01.01.15]**.

(ii) Giảng viên và cán bộ quản lý chương trình đều có thể tiếp cận khung CTĐT, Bản mô tả, đề cương các học phần... tại Phòng Quản lý Đào tạo, Văn phòng Khoa KT-TC **[H1.01.01.14], [H1.01.03.04]**.

(iii) Một số thông tin cơ bản từ chương trình, trong đó có Bản mô tả được trích dẫn đưa vào trang thông tin tuyển sinh, thông tin về CĐR và vị trí việc làm được đưa vào flyers thông tin tuyển sinh của Trường ĐHĐL để dễ dàng giới thiệu về chương trình tới đối tác và sinh viên tiềm năng của chương trình. Đồng thời, tại các buổi tư vấn tuyển sinh hàng năm, các thông tin chính của bản mô tả và tờ rơi quảng cáo giới thiệu về chương trình đào tạo và cung cấp cho sinh viên tiềm năng và phụ huynh **[H2.02.03.03]**.

(iv) Tại các tuần định hướng tân sinh viên ngoài việc được cung cấp các quy định về Quy chế công tác sinh viên, giới thiệu website của Khoa chứa thông tin về Bản mô tả, còn được trực tiếp nghe giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Bản mô tả CTĐT trong quá trình học tập **[H2.02.03.01], [H2.02.03.02]**.

(v) Sinh viên được cấp tài khoản riêng trên phần mềm quản lý sinh viên để có thể chủ động tiếp cận với các nguồn học liệu, trong đó có đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, bảng trọng số nội dung và cấu trúc đề thi để có định hướng học tập và hiểu rõ hình thức kiểm tra đánh giá kiến thức và năng lực học tập **[H2.02.03.04]**.

(vi) Sinh viên được công bố về đề cương chi tiết thông qua giảng viên giảng dạy đứng lớp trong đó chi tiết về nội dung, mục tiêu, học liệu sử dụng, phương pháp học tập, phương pháp đánh giá kiểm tra cũng như tiến trình học tập môn học **[H1.01.01.15]**.

(vii) Sinh viên tiếp cận toàn bộ đề cương chi tiết tại Trung tâm học liệu nhà trường **[H1.01.03.04]**.

Việc công khai các thông tin về Bản mô tả CTĐT trên các kênh thông tin giúp cho các đối tượng liên quan nắm bắt được một cách dễ dàng về CTĐT, nội dung các học phần, mục tiêu đào tạo cũng như các yêu cầu kiến thức, kỹ năng, các yêu cầu chuẩn đầu

ra học phần đóng góp vào CDR chung của ngành Kiểm toán. Qua các kênh thông tin trên, các bên liên quan dễ dàng tìm kiếm thông tin về CTĐT, đặc biệt các bạn sinh viên đang theo học nắm bắt và chủ động xây dựng kế hoạch học tập theo yêu cầu của chương trình học và tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía các giảng viên, cán bộ chuyên trách đào tạo của Nhà trường. Thông qua hội nghị đối tác của Khoa, quá trình ký kết hợp đồng đào tạo thực hành cho sinh viên năm cuối cũng là kênh thông tin để Khoa giới thiệu về CTĐT đến các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp để thuận tiện cho việc đóng góp các ý kiến về chương trình đào tạo.

Năm 2022, Khoa đã gửi các bên liên quan về dự thảo bản mô tả chương trình đào tạo tới các doanh nghiệp – người sử dụng lao động, các chuyên gia và cựu sinh viên, sau đó khoa lập Biên bản họp lưu trữ tài liệu về hoạt động rà soát để thu thập và phản hồi từ các bên liên quan [H1.01.02.04], [H1.01.01.06]. Ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với cách tiếp cận, nắm bắt về bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của Khoa về cơ bản được thể hiện rõ ràng, logic, hợp lý và cung cấp được đầy đủ các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành Kiểm toán được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Khoa và Trường chưa đánh giá cách tiếp cận bản mô tả CTĐT về tần suất, hình thức tiếp cận với các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-TC và Phòng KT&ĐBCL bổ sung câu hỏi về cách tiếp cận về bản mô tả CTĐT trong phiếu khảo sát các bên liên quan

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình xây dựng

bản mô tả CTĐT nhà trường và khoa chuyên môn đã chú trọng xây dựng một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời có sự tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới.

CTĐT của ngành Kiểm toán tổ chức đào tạo theo tín chỉ, đã có mục tiêu rõ ràng của từng chuyên ngành, có kết cấu gồm các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên môn ngành và chuyên ngành. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội, nên đã có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng các SV của trường sau khi tốt nghiệp. Đây là các ý kiến quan trọng làm căn cứ trong quá trình điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

CTĐT đại học hệ chính quy được làm cơ sở cho việc xây dựng CTĐT đại học thuộc các hệ liên thông, văn bằng 2, tạo ra sự liên thông giữa các chương trình, giúp SV có điều kiện trong việc chuyển đổi CTĐT. Ngoài ra chương trình này còn là căn cứ để xây dựng CTĐT bậc cao học các ngành liên quan.

CTĐT ngành Kiểm toán được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Có thể khẳng định, bản mô tả CTĐT của nhà trường xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định, có sự tham khảo CTĐT và sự tham gia của các bên liên quan, xây dựng chương trình phù hợp với điều kiện và yêu cầu của thực tiễn Việt Nam.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) là cốt lõi của một CTĐT, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và đào tạo của Khoa và Nhà trường. Do đó việc sửa đổi, bổ sung và cải tiến chương trình dạy học là nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

Một CTDH được thiết kế bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR đối với mỗi ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.

CTDH của ngành Kiểm toán được thiết kế với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá hỗ trợ SV đạt được các CĐR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic và được thiết

kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành đến kiến thức chuyên ngành. Các học phần song hành đều được thiết kế mang tính hỗ trợ và bổ sung cho nhau, học phần trước làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Năm học 2016, Nhà trường giao cho khoa KT&QL xây dựng CTDH ngành Kiểm toán [H1.01.01.01]. Trên cơ sở đó, khoa KT&QL xây dựng CĐR cho chương trình về việc ban hành qui chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho ngành Kiểm toán theo yêu cầu Bộ GDĐT [H1.01.01.02] cập nhật năm học 2019 - 2020 [H1.01.01.03]; năm học 2023-2024 [H1.01.01.04];

Và cứ sau 2 năm nhà trường lại tiếp tục rà soát và điều chỉnh CTĐT cử nhân kiểm toán nhằm cập nhật các nội dung mới quy định của Bộ giáo dục đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực người học và đảm bảo tính thực tiễn và cập nhật hơn với nhu cầu của xã hội.

Năm 2019, Nhà trường đã ra quyết định hiệu chỉnh CTĐT theo kế hoạch 459/KH DHDL và năm 2023 CTĐT được hiệu chỉnh theo Kế hoạch số 1652/KH-ĐHDL-ĐT, [H1.01.03.01]. Việc tiến hành rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT kiểm toán đã cho thấy trách nhiệm của Trường trong việc đảm bảo CTĐT đáp ứng được CĐR của CTĐT mà trong chương trình đào tạo đã công bố. Các CDR được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan [H1.01.01.06] [H1.01.02.07] và CTĐT hiệu chỉnh được xây dựng dựa trên quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp do Bộ Giáo Dục ban hành [H1.01.01.05].

Chương trình được xây dựng trên cơ sở đề cương chi tiết, CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, bản CTDH đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Nhà trường bao gồm các nội dung với 130 tín chỉ trong CTDH [H2.02.01.01]; 131 tín chỉ trong CTDH [H2.02.01.02]; 128 tín chỉ trong CTDH [H2.02.01.03] gồm:

- Mục tiêu đào tạo.
- CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần.

- Nội dung đào tạo.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Năm học 2023-2024, Nhà trường tiến hành cập nhật, đánh giá CTĐT trong Kế hoạch số 1652/KH-ĐHĐL-ĐT về việc cập nhật, đánh giá CTĐT đại học [H1.01.03.01] giao cho khoa KT&QL (nay là Khoa KT-TC) thực hiện việc cập nhật, đánh giá CTĐT ngành Kiểm toán bằng Quyết định số 1333/QĐ-ĐHĐL [H1.01.01.04]. Trên cơ sở thực hiện khảo sát, tham gia ý kiến của các chuyên gia, người sử dụng lao động, CTDH của ngành Kiểm toán được thay đổi với tổng số tín chỉ là 128 [H3.03.01.01] [H1.01.03.01] [H1.01.02.05] [H3.03.01.04]. Việc xây dựng các môn học trong CTDH theo các khối kiến thức đáp ứng tính logic, khoa học trong xây dựng CTDH và đáp ứng CDR (7 CDR kiến thức, 8 CDR về kỹ năng và 3 CDR về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm).

Bảng 2: Bảng thống kê chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kiểm toán

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	
PLO1	Vận dụng kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật; về khoa học cơ bản; kiến thức về công nghệ thông tin; về khoa học xã hội; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.
PLO2	Phân tích và đánh giá được kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu và các công cụ hiện đại của lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kiểm soát, quản trị doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan đến công việc của ngành kiểm toán.
Kỹ năng	
PLO3	Thể hiện tư duy phản biện, tư duy hệ thống, đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, tổ chức và quản lý công tác kiểm toán trong tổ chức.
PLO4	Tổ chức làm việc nhóm và sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả.
PLO5	Vận dụng năng lực số, công nghệ thông tin trong công tác kiểm toán.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO6	Nhận thức và đưa ra nhận định, đánh giá chuyên môn trên cơ sở xem xét đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại; có ý thức học tập suốt đời.

Các học phần trong khung CTĐT ngành Kiểm toán được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự cơ bản, cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung để đảm bảo CĐR. Bản mô tả CTĐT, còn giúp sinh viên định hình được hướng ưu tiên của mình trong việc lựa chọn các môn tự chọn và xây dựng lịch trình cá nhân nhằm hướng đến CĐR của bản thân. Các khối kiến thức được xác định đáp ứng 3 nhóm CDR và được tổng hợp như sau:

Bảng 3: Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra với thiết kế của các khối kiến thức ngành Kiểm toán

STT	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Chương trình đào tạo ngành
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương:	- PLO1; PLO2; PLO4; PLO5; PLO6	13 học phần và tổng cộng số tín chỉ cho khối kiến thức này là 34 tín chỉ:
	- Toán và các môn KH cơ bản	- PLO1;	- Toán cao cấp 2 - Xác suất thống kê
	- Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội	- PLO1; PLO2; PLO4; PLO5; PLO6	- Triết học Mác Lênin - Kinh tế Chính trị Mác Lênin - Chủ nghĩa Xã hội khoa học - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam - Pháp luật đại cương - Năng lượng cho phát triển bền vững - Quản trị học
	- Công nghệ thông tin cơ bản	- PLO1; PLO5	- Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
	- Ngoại ngữ cơ bản	- PLO4; PLO6	- Tiếng Anh 1, 2

STT	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Chương trình đào tạo ngành
2	Khối kiến thức cơ sở ngành:	- PLO1; PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6	Với tổng số 18 tín chỉ, trong đó: kiến thức cơ sở ngành bắt buộc là 6 học phần với 16 tín chỉ, và kiến thức cơ sở ngành tự chọn là 2 tín chỉ.
	- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:	PLO1; PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6	- Kinh tế vi mô; Kinh tế vĩ mô - Nguyên lý kế toán; Tài chính- tiền tệ - Thống kê ứng dụng trong kinh doanh - Quản lý tài chính
	- Kiến thức cơ sở ngành tự chọn:	PLO1; PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6	- Phương pháp tối ưu trong kinh tế; Lập trình Python; - Kinh doanh và Công nghệ (BT-ACCA Diploma) - Ghi chép các nghiệp vụ tài chính cơ bản - Quản lý thông tin tài chính trong tổ chức - Các nguyên tắc kế toán căn bản (FA2 - ACCA Diploma)
3	Kiến thức ngành	- PLO1; PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6	Với tổng số 48 tín chỉ, trong đó: kiến thức ngành bắt buộc là 14 học phần với 45 tín chỉ, và kiến thức ngành tự chọn là 3 tín chỉ
	Kiến thức ngành bắt buộc:	- PLO1; PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6	- Kế toán doanh nghiệp; Kế toán quản trị và chi phí - Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA-ACCA Diploma) - Kiểm toán căn bản và đạo đức

STT	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Chương trình đào tạo ngành
			nghề nghiệp; - Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán - Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán - Phân tích kinh doanh; Thuế và thực hành; Kiểm soát quản lý - Tài chính DN; Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp - Kiểm toán nội bộ - Lập, trình bày và phân tích BCTC - Đề án môn học ngành Kế toán – Kiểm toán
	Kiến thức ngành tự chọn	- PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6	- Kiểm soát quản lý; Kiểm toán hoạt động; Tài chính cá nhân ứng dụng; - Quản lý nhân lực; Khởi sự kinh doanh; - Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Cơ sở Quản lý tài chính (FFM - ACCA Diploma) - Quản lý chi phí và tài chính (MA2 - ACCA Diploma) - Kế toán quản trị chuyên sâu (FMA-ACCA Diploma) - Kỹ năng quản lý và lãnh đạo - Kiến tập hệ kiểm toán
4	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	- PLO1; PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6	Với 14 tín chỉ: - Kiểm toán tài chính1; Kiểm toán tài chính 2 - Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

STT	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra	Chương trình đào tạo ngành
			trong tổ chức - Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt - Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính
5	Tốt nghiệp	- PLO2; PLO3; PLO4; PLO5; PLO6	Với 11 số tín chỉ: - Thực tập tốt nghiệp - Khoá luận tốt nghiệp

Trong quá trình xây dựng CTDH, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR [H1.01.02.08]. Cụ thể đối với phương pháp giảng dạy [H2.02.02.04], [H2.02.02.06], [H2.02.01.03], [H1.01.02.09]:

(i) Đối với các môn học thuộc khối kiến thức đại cương và khối cơ sở ngành: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm và giải quyết vấn đề.

(ii) Đối với môn học kiến thức ngành: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề, trao đổi các vấn đề thực tế, đóng vai.

(iii) Đối với môn học kiến thức chuyên ngành và tốt nghiệp: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề, nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, thực tế doanh nghiệp.

Các giảng viên giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần, bài giảng, bài tập thống nhất của bộ môn. Các nội dung, kiểm tra, đánh giá được ghi chép đầy đủ và tiến trình giảng dạy, đảm bảo sự phù hợp và góp phần đạt được CDR môn học và CDR của CTĐT [H2.02.02.04]; [H2.02.02.06].

Trước mỗi học kỳ học, nhà trường ban hành tiến độ đào tạo cả năm học để sinh viên biết được trong học kỳ, năm học tới sinh viên sẽ học học phần nào trong CTĐT và sẽ phải tích lũy được các kiến thức và kỹ năng gì để phục vụ đạt CDR. Vì vậy, phương pháp học tập của sinh viên là chủ động đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên yêu cầu; chủ động nghe giảng và tham gia vào bài giảng với giảng viên và các bạn trong lớp. Đối với môn học thực hành, sinh viên chủ động

chuẩn bị máy tính theo hướng dẫn của giảng viên. Đối với môn học đi thực tập tại doanh nghiệp, sinh viên chuẩn bị tinh thần, phong cách làm việc, tìm hiểu thực tế về công việc của mình trong tương lai. Sự kết hợp phương pháp học tập thực tế này được sinh viên đón nhận tốt.

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành Kiểm toán được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức cơ bản và chuyên môn, các môn thực hành, khóa thực tập thực tế tại các doanh nghiệp, công ty dịch vụ kế toán, công ty kiểm toán. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QL trước đây (nay là khoa KT-TC) chưa thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Khoa KT&QL (nay là khoa KT-TC) thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH. Đồng thời, xây dựng các học phần định hướng nghề nghiệp (không tích lũy tín chỉ) để sinh viên tham gia học nhằm nâng cao chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả

CTDH của ngành, tiến độ giảng dạy hàng năm được chi tiết cụ thể trong thời khóa biểu theo kỳ học luôn được công khai trên trang web của Nhà trường giúp người học xác định rõ nội dung học tập trong từng kỳ, từng năm và trong cả khóa học [H3.03.02.01]. Tất cả các học phần trong CTDH khi được xây dựng đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR của ngành Kiểm toán được thể hiện cụ thể trong các ĐCCT được hiệu chỉnh 2023. Trên cơ sở 6 nhóm CĐR đã được cụ thể hóa (7 CDR kiến thức, 8 CDR về kỹ năng và 3 CDR về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm) của CTĐT cùng với danh

mục các học phần trong CTĐT, Khoa tổ chức họp và thống nhất nguyên tắc xây dựng nội dung tóm tắt các học phần đó là các học phần phải được thiết kế dựa trên CĐR đã được xác định và thể hiện ở nội dung chương trình các học phần theo các khối kiến thức. Từng học phần sẽ đáp ứng được những chuẩn đầu ra nào và chuẩn đầu ra nào sẽ được nghiên cứu, trao đổi giữa các nhóm GV, Bộ môn và Khoa dựa trên từng nội dung học phần. Mỗi học phần sẽ đáp ứng những CĐR nào, ở cấp độ (mức độ nào) được thống kê lại một cách chi tiết. CĐR của mỗi học phần góp phần đạt được CĐR của ngành thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT **[H1.01.01.04]** Trong bảng ma trận này đã thể hiện được mối quan hệ giữa CĐR với mục tiêu của các học phần trong CTĐT ngành Kiểm toán. Tỷ trọng đóng góp của mỗi học phần với các CĐR của CTĐT cũng thể hiện tầm quan trọng của môn học và đảm bảo toàn diện các CĐR. Với các môn học cơ bản, sự đóng góp vào CĐR ở mức độ trung bình, đảm bảo kiến thức khoa học xã hội căn bản, kỹ năng cơ bản và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm thấp trong nghề nghiệp. Đối với các môn học ngành và chuyên ngành, mức độ đảm bảo CĐR được nâng cao và đảm bảo toàn diện (như học phần Kiểm toán căn bản đảm bảo mức độ cao CĐR về kiến thức kiểm toán và kỹ năng phân tích, nhận biết các rủi ro tiềm ẩn cũng như ý thức trách nhiệm nghề nghiệp được đánh giá cao). Với các môn thực hành, kỹ năng thực hành và trách nhiệm nghề nghiệp, mức tự chủ, độc lập trong công việc cũng như vấn đề đạo đức nghề nghiệp được nhấn mạnh khi sinh viên thực hiện theo nhóm **[H1.01.02.08]**. Nhìn vào ma trận CĐR với học phần trong Bản mô tả CTĐT người học nắm rõ việc hoàn thành từng học phần sẽ đóng góp vào việc đạt được 18 CĐR của CTĐT như thế nào thông qua việc xếp hạng 5 cấp độ đánh giá (1. Hiểu; 2. Ứng dụng; 3. Phân tích; 4. Tổng hợp; 5. Đánh giá). Mỗi học phần khi hoàn thành sẽ tương ứng với việc đạt được một hoặc một số CĐR ở mỗi cấp bậc khác nhau. Do đó, việc đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rất rõ ràng.

Bên cạnh đó, nhằm tăng kỹ năng thực hành đảm bảo CĐR của sinh viên Khoa KT -TC đã và đang liên kết với các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp đưa sinh viên đi tìm hiểu thực tế thông qua các Jobtour, kiến tập ở năm thứ 2, 3. Đặc biệt ở năm thứ 4 trước khi đi thực tập tốt nghiệp sinh viên với học phần “*Thực hành môn học*” sinh viên được làm trên tài liệu thực tế dưới sự hướng dẫn của doanh nghiệp và giảng viên trong trường **[H3.03.02.02] [H3.03.02.03]**.

Tương ứng với các các học phần trong CTDH, tổ hợp các phương pháp dạy và

học, phương pháp đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H2.02.02.04], [H2.02.01.03]. Qua các lần điều chỉnh năm 2023, đề cương chi tiết các học phần đã được rà soát, điều chỉnh bổ sung thêm CĐR và phương pháp kiểm tra đánh giá người học. Phương thức đánh giá kết quả người học theo tín chỉ là phương pháp đánh giá liên tục và đa dạng quá trình đào tạo. Bên cạnh điểm thi kết thúc học phần (trọng số 0,7) thì KQHT của người học còn được đánh giá qua điểm quá trình (trọng số 0,3) được xác định từ điểm đánh giá thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm bài tập lớn và điểm thi kết thi học phần (trọng số 0,7). Căn cứ vào kết quả khảo sát người học về CTDH ở Phiếu đánh giá của sinh viên về công tác giảng dạy và nội dung của học phần giai đoạn 2020- 2024 [H2.02.02.06], công tác kiểm tra đánh giá người học được đánh giá là tốt cho các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của ngành [H3.03.01.02]. Đồng thời, các bên liên quan cũng có góp ý phản hồi về CTDH [H3.03.01.03].

Mỗi học phần đều có các hoạt động kiểm tra đánh giá để đảm bảo việc đạt được CĐR của người học. Phương pháp đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần bao gồm: Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, mức độ chuyên cần, bài tập lớn, và thi kết thúc học phần. Các hình thức kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần được áp dụng phù hợp, đa dạng các hình thức (tự luận, trắc nghiệm trên máy hay bài tiểu luận) và công bố công khai cho người học trong đề cương chi tiết học phần trong các học phần thuộc CTĐT. Việc sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá giúp hỗ trợ rất hiệu quả trong việc đạt được CĐR của sinh viên.

Từ năm học 2021-2022 trở đi, nhà trường luôn kế hoạch cho các Khoa chuyên môn chủ động rà soát, hiệu chỉnh ngân hàng đề thi kết thúc học phần để đảm bảo chất lượng giảng dạy và kết quả học tập của sinh viên, đem lại sự bao quát toàn diện trong quá trình kiểm tra, đánh giá [H3.03.02.04], [H3.03.02.05], [H3.03.02.06]

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Cụ thể, khi xây dựng đề cương chi tiết các học phần, giảng viên luôn chú trọng đáp ứng các yêu cầu trong CDR. Theo ý kiến của các nhà tuyển dụng kỹ năng thực hành tăng cường (Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính, phân tích báo cáo tài chính). Đề cương còn được phản biện và điều chỉnh từ ý kiến của

các chuyên gia trong lĩnh vực kiểm toán đáp ứng với xu thế phát triển của ngành trong nước và trên thế giới. **[H1.01.01.12]**

2. Điểm mạnh

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học, đánh giá nhằm đạt được mục tiêu của CĐR của CTĐT. ĐCCT học phần Thực hành môn học cũng được thiết kế các phương pháp giảng dạy và đánh giá chi tiết tại doanh nghiệp và tại Trường trên cơ sở những góp ý của các bên có liên quan.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QL (nay là khoa KT -TC) chưa thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT&QL (nay là khoa KT -TC) triển khai đánh giá thường xuyên mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Cấu trúc CTDH ngành Kiểm toán năm 2023 được chia thành 3 khối kiến thức gồm khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khoá luận tốt nghiệp. Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 13 học phần với 34 tín chỉ chiếm 27% tổng số tín chỉ trong CTDH; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 27 học phần với 87% tín chỉ, chiếm 68% tổng số tín chỉ trong CTDH; khoá luận tốt nghiệp với 7 tín chỉ tương ứng 5% tổng số tín chỉ trong CTDH. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm kiến thức ngành, cơ sở ngành, chuyên ngành và thực tập tốt nghiệp [H1.01.01.04]. Với cấu trúc này, chương trình đã đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các môn khối kiến thức chung và các môn khối kiến thức chuyên ngành, phù hợp với xu thế đào tạo của ngành cũng như đảm bảo kiến thức rộng qua kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên môn ngành; kiến thức sâu qua kiến thức chuyên ngành. Các học phần trong

CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Khối lượng kiến thức tích lũy của người học ngành Kiểm toán là 128 tín chỉ - phù hợp với quy định khối lượng kiến thức tối thiểu do Bộ GD&ĐT đưa ra là 120 tín chỉ (đào tạo 4 năm) đồng thời đáp ứng yêu cầu về năng lực mà người học đạt được khi tốt nghiệp ngành Kiểm toán.

Bảng 4: Cấu trúc khối kiến thức trong chương trình đào tạo ngành Kiểm toán năm 2023

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %
I	Kiến thức giáo dục đại cương	13	34	27%
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó	27	87	68%
1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	7	18	14%
1.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp			
1.1.1	Bắt buộc	6	16	
1.1.2	Tự chọn	1	2	
1.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	
1.2.1	Bắt buộc			
1.2.2	Tự chọn			
2	<i>Kiến thức ngành</i>	14	48	38%
2.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp			
2.1.1	Bắt buộc	12	43	
2.1.2	Tự chọn	1	2	
2.2	Các học phần thực hành, thực tập.			
2.2.1	Bắt buộc	1	3	
2.2.2	Tự chọn	0	0	
3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	5	17	13%
3.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp			
3.1.1	Bắt buộc	4	13	

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %
3.1.2	Tự chọn	0	0	
3.2	Các học phần thực hành, thực tập.			
3.2.1	Bắt buộc	1	4	
3.2.2	Tự chọn	0	0	
4	<i>Kiến thức chuyên sâu đặc thù</i>	0	0	
5	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	1	4	3%
III	Khóa luận tốt nghiệp	1	7	5%
	Cộng	41	128	100%

Trật tự các học phần trong CTDH được sắp xếp một cách hợp lý (từ các học phần cơ bản đến nâng cao) đảm bảo cho việc lĩnh hội kiến thức theo đúng trình tự logic (giữa các học phần tiên quyết cần có và học phần nâng cao) đảm bảo tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu **[H1.01.01.04]**. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành cân đối, hợp lý, logic, chặt chẽ trong từng học phần.

Các học phần của toàn bộ CTDH của ngành Kiểm toán được sắp xếp trong quá trình đào tạo một cách hợp lý, logic: kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ xây dựng sao cho các học phần được thực hiện đều phải thỏa mãn điều kiện tiên quyết của học phần đó. Điều này cũng thể hiện rõ trong đề cương học phần nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể, đảm bảo tính liên mạch, kế thừa trong quá trình học của người học **[H1.01.01.14]**. Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được tổ chức đào tạo ở các học kỳ 1, 2, 3; các học phần khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được giảng dạy ở các học kỳ 2,3,4, 5; các học phần khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế giảng dạy ở các học kỳ 6,7; thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp được bố trí ở học kỳ 8 với số tín chỉ tương ứng; số tiết giảng lý thuyết thảo luận, bài tập lớn, thực hành, tự học quy định cụ thể cho từng học phần, mối quan hệ của các học phần với nhau (thể hiện ở quy định học phần tiên quyết).

Các khối kiến thức trong CTDH đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành. Sự cân đối thể hiện ở tỷ lệ phân bố giữa các môn mang tính lý thuyết với số môn thực hành và tỷ lệ phân bố giữa tổng số giờ lý thuyết với số giờ thực hành trong tổng số giờ học của một môn học. **[H1.01.01.04]**.

Để đáp ứng sự thay đổi xu thế trong đào tạo, thực tiễn của ngành nghề, kịp thời cập nhật những thay đổi trong quy định của nhà nước, nâng cao chất lượng đào tạo, định kỳ 2 năm 1 lần, Nhà trường ban hành kế hoạch cập nhật, rà soát CTĐT **[H1.01.03.01]** **[H1.01.03.02]**.

Nội dung rà soát cập nhật CTĐT bao gồm:

- Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của Chương trình đào tạo đang thực hiện.

- Đề xuất các giải pháp đổi mới cấu trúc CTĐT, điều chỉnh bổ sung nội dung cải tiến phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá dựa trên sự tham khảo đầy đủ các CTĐT tiên tiến, phân tích các ý kiến đóng góp để xây dựng điều chỉnh nội dung CTĐT phù hợp có tính thực tiễn.

- Hoàn thiện bản mô tả CTĐT, cập nhật chỉnh sửa đề cương chi tiết học phần.

- Hoàn thiện chương trình đào tạo trên cơ sở cập nhật, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trình Hội đồng khoa học và đào tạo trường để đưa chương trình vào sử dụng.

Dựa trên mục tiêu và nội dung của việc rà soát CTĐT, Nhà trường xây quy trình đánh giá CTĐT bao gồm các bước:

Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật đánh giá CTĐT **[H1.01.03.01]** **[H1.01.03.02]**.

Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật, đánh giá CTĐT **[H3.03.03.01]**.

Bước 3: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của Chương trình đào tạo đang thực hiện **[H3.03.03.02]**.

Bước 4: Dự thảo những nội dung cần cập nhật điều chỉnh, lấy ý kiến hội đồng khoa học Khoa.

Bước 5: Thông qua hội đồng Khoa học đào tạo Trường **[H3.03.03.03]** **[H3.03.03.07]**.

Bước 6: Ký ban hành CTĐT.

Toàn bộ các nội dung công việc rà soát, cập nhật CTĐT đều được lưu giữ theo quy định. **[H3.03.03.05]**.

Khi thiết kế, xây dựng CTDH đã có sự tham gia nhận xét của các chuyên gia trong nước và tiếp nhận ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng về CTDH với đánh giá là đáp ứng yêu cầu [H1.01.02.04]. [H1.01.02.07].

Khi thực hiện điều chỉnh, CTDH được tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước (Đại học Kinh tế quốc dân, Học Viện Tài chính, Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh), trên thế giới (Đại học Oxford Brookers –UK, Đại học Davenport, Đại học Franklin), chương trình đào tạo của Hiệp hội Kế toán công chứng Vương quốc Anh (ACCA -UK), Hiệp hội Kế toán quản trị Hoa Kỳ (IMA - Mỹ) đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Với ngành kiểm toán, sự tiếp cận với các hội nghề nghiệp và chuyên nghiệp được đề cao. Việc tham khảo chương trình đào tạo của Hiệp hội kế toán công chứng Anh quốc (ACCA), các chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS, chương trình đào tạo tích hợp tại các trường đại học kinh tế hàng đầu trong nước được tham khảo. Số lượng tín chỉ của CTDH kiểm toán của ĐHĐL mức độ vừa phải, tăng cường chuyên sâu chuẩn mực quốc tế, thực hành nghề nghiệp đem lại sự tự tin cho sinh viên ngành kiểm toán [H3.03.03.04] [H1.01.01.12].

CTDH mới sau khi điều chỉnh được đánh giá, so sánh với CTDH cũ đã điều chỉnh về mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, kế hoạch giảng dạy và đề cương chi tiết các học phần, đảm bảo việc học tập liên tục của SV.

Bảng 5: Bảng so sánh cấu tạo chương trình đào tạo 2019-2023

Khối kiến thức		Năm 2023			Năm 2019		
		Tín chỉ (TC)		Tỷ lệ %	Tín chỉ (TC)		Tỷ lệ %
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn	
Giáo dục đại cương	Khoa học chính trị, pháp luật và KHXH	18		27%	16		24%
	Toán và các môn khoa học cơ bản	5			9		
	Ngoại ngữ	8			7		

	Ứng dụng CNTT cơ bản	3					
	Giáo dục thể chất	Chứng chỉ			Chứng chỉ		
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Chứng chỉ			Chứng chỉ		
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	16	2	14%	21		16%
	Ngành bắt buộc	46		38%	40		35%
	Ngành tự chọn		2			6	
	Chuyên ngành bắt buộc	17		13%	12	6	14%
	Thực tập tốt nghiệp	4		3%	4		3%
	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	7		5%	10		8%
		124	4	100%	119	12	100%
		128			131		

Bảng 6: Bảng so sánh khung chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán của ĐHDL với một số Trường Đại học ở Việt Nam

Khối kiến thức	Trường ĐH Kinh tế quốc dân		Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng		Đại học Điện Lực	
	Số lượng (TC)	Tỷ trọng	Số lượng (TC)	Tỷ trọng	Số lượng (TC)	Tỷ trọng
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương	44	36%	38	30%	34	27%
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79	64%	87	70%	94	73%

Khối kiến thức	Trường ĐH Kinh tế quốc dân		Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng		Đại học Điện Lực	
	Số lượng (TC)	Tỷ trọng	Số lượng (TC)	Tỷ trọng	Số lượng (TC)	Tỷ trọng
1. Khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, trong đó các môn liên quan đến:	69	56%	77	62%	83	64%
Kế toán	22	18%	30	24%	68	53%
Kiểm toán	6	5%	9	7%	15	12%
2. Khối kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp	10	8%	10	8%	11	8%
Tổng tín chỉ	123	100%	125	100%	128	100%

Từ năm học 2017-2018, trong các buổi Seminar, nội dung, phương pháp kiểm tra hay học liệu sử dụng được các giảng viên chia sẻ và cập nhật. Các nội dung thay đổi này được ghi thành Biên bản và có đề cương điều chỉnh đính kèm **[H1.01.03.03]**, **[H2.02.02.02]**.

Trong quá trình đào tạo, một số môn học được xác định thay đổi để đảm bảo tính cập nhật như Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs, các học phần định hướng nghề nghiệp tích hợp chương trình ACCA Diploma **[H1.01.01.04]**.

Về cơ bản cấu trúc CTĐT không có nhiều sự thay đổi. Những thay đổi nhỏ về cấu trúc nằm ở việc điều chỉnh một số học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương. Những thay đổi chính đó là nằm ở chính các nội dung học phần trong ĐCCT bao gồm:

- (1) Điều chỉnh một số nội dung cụ thể trong một số chương của các học phần.
- (2) Điều chỉnh, bổ sung thêm các câu hỏi để SV chuẩn bị trước cho mỗi chương.
- (3) Bổ sung số trang cụ thể về nội dung các chương ở tài liệu tham khảo chính.
- (4) Chi tiết hơn phương pháp kiểm tra, đánh giá thi kết thúc học phần.
- (5) Cụ thể hóa phương pháp học, nghiên cứu.

(6) Cập nhật các tài liệu mới hơn, tái bản gần nhất hoặc thay thế các tài liệu tham khảo phù hợp hơn.

2. Điểm mạnh

CTDH có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, các học phần trong cấu trúc CTDH đảm bảo tính tích hợp, cập nhật và linh hoạt với sự thay đổi của thị trường nghề nghiệp kế toán.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT&QL chưa tham khảo rộng rãi các CTDH các quốc gia tiên tiến trên thế giới.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa KT&QL tham khảo rộng rãi các CTDH các quốc gia tiên tiến trên thế giới trong các lần cập nhật CTĐT.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Nâng cao chất lượng CTĐT góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong CTĐT thì CTDH đóng vai trò cốt lõi. CTDH của ngành Kiểm toán được thiết kế khối kiến thức, các học phần phù hợp với CĐR và các nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần và cho từng chuyên ngành để đạt được CĐR. CTDH của ngành Kiểm toán đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. CTDH Kiểm toán được tiếp cận với các CTDH Kiểm toán các trường đại học lớn trong nước và quốc tế, cập nhật xu hướng mới, đề cao tính thực hành trong đào tạo.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng. Với chiến lược học tập của Khoa Kế toán - Tài chính tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV.

Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên ngành, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra.

Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi giảng viên và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Trường Đại học Điện lực công bố mục tiêu giáo dục của Nhà trường trong Chiến lược phát triển của Nhà trường trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Điện lực giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 (Quyết định 2261, ngày 13/12/2018): “*Đào tạo nguồn nhân lực phát triển toàn diện, có sức khỏe, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá của đất nước; có ý thức học tập suốt đời và khả năng thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội*”. Với mục tiêu giáo dục đào tạo trên, các ngành đào tạo được Nhà trường thực hiện triển khai phù hợp [H4.04.01.05].

Trước tháng 12/2018, Nhà trường chưa có công bố chính thức về mục tiêu giáo dục nhưng được phản ánh trong Báo cáo của Đảng bộ hàng năm, báo cáo cho cuộc họp công nhân viên chức hàng năm về mục tiêu giáo dục [H4.04.01.01]. Điều này cũng đã truyền tải được thông điệp hướng tới công tác đào tạo của Nhà trường sẽ tạo cho xã hội những nhân lực chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền đạt tới các cán bộ công nhân viên nhà trường theo đường email [H4.04.01.06], các cuộc họp với cán bộ chủ chốt cuối năm, cuộc gặp gỡ đầu năm mới đã được Thầy Hiệu trưởng chia sẻ với các cán bộ giảng viên nhà trường [H4.04.01.07]. Mục tiêu giáo dục này tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa như: tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, gala chào Tân sinh viên, định hướng nghề nghiệp của Khoa tổ chức, các buổi sinh hoạt của lớp, của đoàn thanh niên và nó đã trở thành một phong trào để cho mọi sinh viên cùng thi đua nhau học tập và hành động [H4.04.01.08], [H4.04.01.02], [H4.04.01.03], [H4.04.01.04].

Từ mục tiêu đào tạo của Nhà trường, Khoa Kế toán - Tài chính chỉ rõ chiến lược giảng dạy và học tập là *“Kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học, kết nối doanh nghiệp trong đào tạo nhằm tăng cường tính thực tiễn của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển nghề nghiệp, ý thức học tập suốt đời.”*. Chiến lược giảng dạy và học tập này được Ban Lãnh đạo Khoa truyền tải tới từng giảng viên thông qua các cuộc họp của Khoa **[H4.04.01.09]**, thể hiện trên Bản mô tả CTĐT đăng tải trên Website của Khoa **[H1.01.02.07]** như công bố và cam kết tới các bên liên quan (sinh viên đang học, sinh viên tiềm năng, người sử dụng lao động, xã hội, ...).

Để chuyển thể chiến lược giảng dạy và mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục ngành Kiểm toán của Trường ĐHDL được khẳng định là *“Chương trình đào tạo cử nhân ngành kiểm toán đảm bảo có năng lực về: Kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và dịch vụ đảm bảo, phân tích hoạt động tài chính trong doanh nghiệp và quản trị trong tổ chức; kỹ năng sử dụng công cụ quản lý trong tổ chức và khả năng xác định, giải quyết vấn đề quản trị lĩnh vực tài chính, kiểm soát trong một tổ chức; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức, đáp ứng nhu cầu thực tiễn”*. Mục tiêu này đã được đăng tải trên website của Khoa Kế toán - Tài chính: <https://faf.epu.edu.vn> **[H1.01.01.12]**, **[H4.04.01.10]** và được truyền tải đến giảng viên, cán bộ khoa, các bên liên quan thông qua các kênh thông tin khác nhau. Không chỉ hướng đến trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự học suốt đời được đề cao trong mục tiêu đào tạo của ngành kiểm toán.

Sự lan toả mục tiêu giáo dục không chỉ dừng trong giảng viên bộ môn, khoa mà tới sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp. Chính vì vậy, sự hỗ trợ từ phía các doanh nghiệp, các hiệp hội nghề nghiệp về ấn phẩm nghề nghiệp, các buổi cố vấn kiến thức, kỹ năng, các buổi tiếp cận thực tế của giảng viên, sinh viên ngành kiểm toán được diễn ra thường xuyên **[H4.04.01.11]**. Các giảng viên đóng vai trò cố vấn, cầu nối giữa doanh nghiệp và sinh viên, họ là người truyền cảm hứng để sinh viên nhận thấy việc học tập phải gắn liền với thực tế, các kỹ năng mềm cần được bổ sung thường xuyên. Các buổi định hướng nghề nghiệp, kỹ năng học tập cho sinh viên năm nhất hay các buổi kiến tập hè, đi thực tế được tổ chức bởi chính các giảng viên đứng lớp **[H4.04.01.12]**. Trong quá trình giảng dạy, các giảng viên chia sẻ việc học tập suốt đời, bên cạnh tấm bằng đại học những chứng chỉ nghề nghiệp trở nên quan trọng và là một phần cho sự

phát triển sự nghiệp bản thân (Chứng chỉ ACCA, CMA, CPA,...), định hướng phát triển trở thành kiểm toán chuyên nghiệp cho sinh viên.

Chính từ mục tiêu giáo dục trên nên trong bản mô tả CTĐT ngành và đề cương từng học phần đều nêu rõ những kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được CDR [H2.02.01.01], [H1.01.01.11]. Để đưa ra được mục tiêu giáo dục phù hợp thì khi xây dựng mục tiêu này Nhà trường, Khoa Kế toán - Tài chính, ngành kiểm toán đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người sử dụng lao động ngành kiểm toán và các chuyên gia trong ngành kiểm toán) [H1.01.03.01]. Kết quả khảo sát năm 2021, đã nhận được nhiều góp ý và đánh giá tích cực cho thấy mục tiêu giáo dục của ngành Kiểm toán là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đào tạo người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, thích nghi và biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề [H1.01.02.07].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền tải trong các mục tiêu đào tạo ngành Kiểm toán và được lan toả tới các giảng viên bộ môn, khoa, sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.

3. Điểm tồn tại

Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục chưa phong phú, sinh động, hấp dẫn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, các đơn vị trong Nhà trường tăng cường tuyên truyền về mục tiêu giáo dục cho CBGV, SV và các đối tượng bên ngoài quan tâm. Nhà trường cần thường xuyên cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường để GV, người học và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa mục tiêu giáo dục của Trường, của Ngành.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Khoa Kế toán – Tài chính tổ chức các buổi seminar định kỳ nhằm thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm và trao đổi phương pháp giảng dạy phù hợp với các học phần trong chương trình đào tạo (CTĐT), góp phần hỗ trợ sinh viên (SV) đạt chuẩn đầu ra (CDR).

Từ năm học 2020-2021, khoa đã chủ động xây dựng tổ hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp và triển khai thảo luận với giảng viên (GV) **[H2.02.02.02]**.

Các phương pháp giảng dạy được áp dụng linh hoạt, phù hợp với quy mô lớp học và đối tượng người học. Cụ thể: Lớp học đông (> 50 SV): Áp dụng phương pháp thuyết trình kết hợp làm việc nhóm. Lớp học nhỏ (< 25 SV): Tăng cường các buổi thảo luận, seminar và trao đổi chuyên sâu **[H4.04.02.02]**.

Giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, đảm bảo đạt được mục tiêu môn học **[H4.04.02.02]**, **[H2.02.01.01]**, **[H2.02.01.02]**, **[H2.02.01.03]**.

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên tập trung làm rõ trọng tâm và mối liên hệ logic giữa các học phần, đồng thời đặt vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết và tự đưa ra kết luận. Giảng viên kết hợp lý thuyết với thực tiễn thông qua các tình huống thực tế, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tự học, nghiên cứu và tăng cường sự hứng thú trong học tập. Bài tập về nhà được thiết kế sát với thực tiễn nghề nghiệp nhằm phát triển khả năng tư duy và vận dụng kiến thức **[H4.04.02.13]**.

Sinh viên được cấp tài khoản học tập cá nhân, giúp quản lý thông tin, theo dõi quá trình học tập và nghiên cứu một cách chủ động **[H4.04.02.03]**.

Nhà trường và khoa luôn khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, nâng cao phương pháp giảng dạy **[H4.04.02.04]**. Khoa Kế toán – Tài chính tổ chức các hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp giảng dạy hiện đại, đồng thời chia sẻ tài liệu hội thảo với giảng viên và sinh viên **[H4.04.02.05]**, **[H4.04.02.06]**.

Khoa xây dựng lộ trình thực tập, thực hành tại doanh nghiệp trong CTĐT, nhằm giúp sinh viên áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, rèn luyện kỹ năng phân tích và nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp **[H3.03.02.02]**, **[H3.03.02.03]** **[H1.01.01.14]**.

Giảng viên cố vấn học tập (CVHT) được phân công ngay từ đầu năm học để hướng dẫn sinh viên tiếp cận phương pháp nghiên cứu và học tập trong các buổi sinh hoạt **[H4.04.02.01]**. Khoa thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, mời chuyên gia và cựu sinh viên chia sẻ kinh nghiệm học tập và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên năm nhất **[H4.04.01.12]**.

Các câu lạc bộ về Truyền thông, Nhà kinh tế hỗ trợ sinh viên phát triển kỹ năng ngoại ngữ, chuẩn bị cho các kỳ thi chuyên môn bằng tiếng Anh **[H4.04.02.08]**; Khoa tổ chức các cuộc thi, talkshow, kết nối doanh nghiệp, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng mềm và kiến thức chuyên ngành **[H4.04.02.05]**.

Khoa đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học (NCKH) sinh viên từ năm học 2017-2018, tổ chức các buổi phát động, sinh hoạt định kỳ và hướng dẫn sinh viên hoàn thành sản phẩm NCKH **[H4.04.02.09]**.

Khoa khuyến khích giảng viên áp dụng công nghệ thông tin và các phần mềm hỗ trợ giảng dạy (Misa, Kahoot, Quizizz), giúp bài giảng sinh động và tăng sự tương tác của sinh viên. Trong thời gian dịch Covid-19 (2019-2021), nhà trường đã nhanh chóng triển khai giảng dạy trực tuyến qua các nền tảng như Google Classroom, Google Meet, Zoom **[H4.04.02.10]**.

Hoạt động giảng dạy của giảng viên được nhà trường đánh giá định kỳ thông qua nhiều hình thức: giám sát, kiểm tra giảng dạy, khảo sát ý kiến sinh viên về chất lượng dạy và học. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên hài lòng đạt trên 90% **[H2.02.02.06]**.

2. Điểm mạnh

Khoa Kế toán - Tài chính, ngành Kiểm toán cùng với Nhà trường đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên SV Kiểm toán của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy còn hạn chế, chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Nhà trường và Khoa sẽ tăng cường tổ chức các buổi tập huấn cho GV về các phương pháp dạy học và học tập mới, cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học. Thêm vào đó, Khoa tăng cường tổ chức các hoạt động Jobtour giúp SV nâng cao hiểu biết thực tế về nghề nghiệp của mình.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể. Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình kết hợp với vấn đáp của giảng viên rèn cho SV khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác **[H4.04.03.07]**. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy này đã được thể hiện chi tiết trong đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh từ năm học 2019 -2020 **[H1.01.01.14]**.

Trước năm học 2019 - 2020, tổ hợp phương pháp giảng dạy được Bộ môn và Khoa cùng trao đổi và xác định để đưa ra những hướng dẫn về phương pháp giảng dạy. Hướng dẫn này hữu ích đối với các GV trẻ và đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo trong ngành. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ GV nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn thể hiện thông qua các quyết định mở lớp bồi dưỡng, cử đi học đối với GV **[H4.04.03.01]**.

Trong nội dung chi tiết các học phần, hoạt động tự nghiên cứu và tự học của SV được chú trọng nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời đều được thể hiện trong bản mô tả CTĐT, nội dung học phần **[H1.01.01.14]**. Việc đăng ký học của SV trước mỗi học kỳ được thực hiện vào khoảng thời gian cuối kỳ trước thông qua việc mở cổng thông tin học tập trực tuyến để người học có thể chủ động trong việc lựa chọn các học phần và kế hoạch học tập **[H4.04.03.01]**. Đối với ngành Kiểm toán, học tập suốt đời là yêu cầu cần thiết do sự thay đổi với nhịp điệu nền kinh tế, những thay đổi trong ngành nghề. Dung lượng tiết tự học, tài liệu tham khảo (các website nghề nghiệp, phần mềm, ...), sách tham khảo quốc tế được cung cấp tương đối đầy đủ trong đề cương chi tiết làm cơ sở cho SV tìm tòi, nâng cao khả năng tự học. Các bài tập lớn, bài tập cá nhân được yêu cầu trong đề cương chi tiết môn học đòi hỏi sự tổng hợp, khả năng tự học tập và nghiên cứu của SV **[H4.04.03.02]**, **[H1.01.01.14]**.

Bên cạnh đó, SV ngành kiểm toán được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học. Khoa Kế toán – tài chính cũng thường xuyên tổ chức các buổi Talkshow định hướng nghề nghiệp SV, đào tạo cho SV kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm **[H4.04.03.03]**, **[H4.04.03.04]**.

Trong suốt năm học và toàn khóa học, SV được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi CVHT về đăng ký học tập, NCKH, tư vấn cho SV tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp SV chủ động trong quá trình học tập **[H4.04.02.01]**. Bên cạnh đó, các hoạt động câu lạc bộ cho SV của Khoa được chú trọng và duy trì nhằm phát triển những kỹ năng bổ sung cho SV như clb Nhà kinh tế trẻ, clb truyền thông kinh tế, **[H4.04.02.08]**.

GV Khoa trong quá trình giảng dạy, thường xuyên mời các chuyên gia có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo một tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học **[H4.04.03.06]**. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học là công cụ hỗ trợ đắc lực giúp cho việc nâng cao chất lượng dạy và học với kết quả khảo sát là trên 70% hoàn toàn đồng ý rằng GV liên hệ nội dung bài học với thực tiễn đời sống, tổ chức, hướng dẫn SV về cơ hội học tập và giao lưu để phát huy khả năng bản thân **[H2.02.02.06]**.

Từ năm học 2020-2021, quá trình triển khai các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập của SV có sự thay đổi để phù hợp với tình hình phòng chống dịch Covid theo quy định. Với việc dạy học, nhà trường đã chuyển sang dạy và học trực tuyến (online) nhằm mục đích không gián đoạn kỳ học với SV mọi ngành học. Bên cạnh đó, mọi hoạt động áp dụng với người học hàng năm vẫn được áp dụng bình thường thông qua hệ thống trực tuyến như: Tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô thông qua hệ thống Zoom trực tuyến, các buổi tư vấn, hỗ trợ người học của các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực vẫn được tiến hành định kỳ với sự nỗ lực của ban lãnh đạo khoa, chủ nhiệm bộ môn và nhận được sự phản hồi rất tích cực từ phía người học.

2. Điểm mạnh

Cấu trúc các học phần trong CTĐT và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần giúp SV rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đồng thời phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích SV ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.

3. Điểm tồn tại

Khoa Kế toán – Tài chính chưa có nhiều hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa Kế toán – Tài chính tăng cường hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm còn giúp SV có khả năng và tinh thần học suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và nâng đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng, kém ngoại ngữ. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Để xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với CDR của học phần và khóa học, Khoa KT-TC phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện đánh

giá kết quả học tập của sinh viên thường xuyên trong suốt quá trình sinh viên theo học ngành Kiểm toán. Việc đánh giá này được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt chuẩn đầu ra trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Qua đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành CĐR chương trình đào tạo trình độ đại học [H1.01.02.08], [H1.01.02.03] và để người học đạt được những CĐR này Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá người học. Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Điện lực [H5.05.01.01] nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu của CĐR của CTĐT [H5.05.01.07], [H5.05.01.08]. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR của chương trình đào tạo quy định [H5.05.01.02]. Ngoài ra, các quy định này được cập nhật, thông báo và hướng dẫn trên trang tài khoản cá nhân của sinh viên [H4.04.02.03].

Nhà trường đã có kế hoạch cụ thể trong từng năm học về kế hoạch đánh giá KQHT của người học theo Bảng tiến độ năm học [H3.03.02.01], các kế hoạch hay thông báo về đánh giá KQHT hết kỳ, tốt nghiệp [H5.05.01.10]. Các kế hoạch này được công bố trong các thông báo trong tài khoản của GV, SV. Bên cạnh đó, phần đánh giá kết quả học tập còn được trình bày trong bản mô tả chương trình đào tạo đã thông tin rộng rãi trên trang web của Khoa. Bảng kiểm năng lực học tập của SV giúp mỗi SV tự theo dõi và đánh giá KQHT của mình với từng học phần và tương ứng các mức cần đạt được trong bản mô tả CTĐT [H1.01.02.08].

Để hướng dẫn các GV thiết kế các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với đạt được CDR từng môn học, Khoa KT-TC đã có những buổi Seminar về phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa các GV trong bộ môn, trong khoa. Tài liệu hướng dẫn được tập hợp theo nhiều nguồn như cách xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, cách xây dựng bài tập lớn và cách đánh giá bài kiểm tra đối với SV **[H5.05.01.11]**, **[H5.05.01.12]**.

Tại các cuộc họp trong đầu năm học về triển khai giảng dạy, các công việc đào tạo, nghiên cứu, Khoa KT-TC đã có những trao đổi và đưa ra phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa kỳ hay phương pháp kiểm tra kết thúc học phần **[H2.02.02.04]**. Tùy theo CDR của từng học phần, Khoa sẽ xây dựng hình thức đánh giá cho phù hợp. Đối với các học phần có CDR cần tập trung đánh giá kiến thức thì sẽ được tổ chức thi tự luận hoặc trắc nghiệm. Đối với các học phần có CDR cần tập trung đánh giá về kỹ năng, năng lực thì được tổ chức thi bằng làm các bài tập lớn, bài tiểu luận, báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp,... Và các hình thức đánh giá này đều được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần. Do đó, các đề thi kết thúc học phần được thiết kế đa dạng bao gồm đề thi tự luận, trắc nghiệm trên máy tính, thực hành, bài tập lớn **[H2.02.02.04]**, **[H5.05.03.05]**.

Trong từng đề cương của các học phần đều có quy định rõ ràng về mục tiêu học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá điểm quá trình và điểm kết thúc học phần, trong đó tỷ lệ giữa điểm quá trình và điểm kết thúc học phần được quy định cụ thể theo từng loại học phần lý thuyết, bài tập, thực hành, trên cơ sở đó sinh viên nắm bắt được thông tin về cách đánh giá môn học ngay khi bắt đầu môn học **[H1.01.01.14]**.

Nhà trường đã có kế hoạch kiểm tra và phân loại trình độ ngoại ngữ của SV nhằm giúp SV hoàn thành CDR về ngoại ngữ **[H5.05.01.04]**. Chính vì vậy sinh viên nhập trường sẽ phải tham dự kỳ thi để kiểm tra phân loại trình độ ngoại ngữ, trên cơ sở đó phân loại trình độ và cấp học cho sinh viên.

Việc giao đề tài làm khóa luận tốt nghiệp được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc xem xét sinh viên đủ điều kiện được làm khóa luận để ra quyết định giao đề tài và giáo viên hướng dẫn, cho đến việc tổ chức đánh giá khóa luận tốt nghiệp theo đúng quy trình. Khoa thực hiện quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, các mẫu phiếu chấm, mẫu nhận xét của giáo viên phản biện **[H5.05.01.03]**.

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động kiểm tra đánh giá cho thấy đại đa số SV đánh giá tốt sự công bằng, khách quan, chính xác trong kiểm tra đánh giá môn học. Trong trường hợp SV có kiến nghị về kết quả học tập [H5.05.01.06] sẽ được Nhà trường và Khoa giải quyết theo qui định [H5.05.01.07], [H5.05.01.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa KT-TC có hệ thống văn bản quy định tài liệu hướng dẫn, kế hoạch đánh giá kết quả trong suốt quá trình học tập. Từ đó, việc đánh giá kết quả người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của CĐR về kỹ năng, kiến thức và mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

3. Điểm tồn tại

Cấu trúc đề thi hiện tại còn sơ sài, chưa đánh giá được đầy đủ, toàn diện kết quả của người học theo đúng CĐR các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 -2024, Nhà trường và phòng KT&ĐBCL tiếp tục xây dựng, ban hành và hoàn thiện các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận và trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR. Bên cạnh đó, Khoa KT-TC sẽ kết hợp với phòng KT&ĐBCL rà soát, bổ sung, phân loại các câu hỏi trong ngân hàng đề thi để phù hợp với CĐR ngành Kiểm toán.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Trường đã ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Điện lực [H5.05.01.08] cùng với đó là các hướng dẫn trên trang ktdbcl.epu.edu.vn hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá, thi và kiểm tra [H5.05.02.01], [H5.05.02.11]. Ngoài ra, mỗi sinh viên khi nhập trường đều được phát 1 cuốn sổ tay sinh viên trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại [H2.02.03.01]. Ngoài ra mỗi học phần đều được cung cấp cho sinh viên đề cương chi tiết trên tài khoản cá nhân, trong đó cũng nêu rõ cách đánh giá: Tỷ trọng điểm

chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, bài tập, bài thi kết thúc học phần **[H2.02.03.04]**, **[H1.01.01.02]**.

Cách thức tính điểm học phần được quy định trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Điện lực, sau đó sẽ tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, từ đó xếp loại kết quả học tập cho sinh viên theo 2 loại đạt và không đạt **[H5.05.01.08]** và được thể hiện rõ trong cuốn sổ tay sinh viên phát cho sinh viên vào thời điểm sinh viên nhập trường **[H2.02.03.01]**. Hệ thống điểm đánh giá bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận, báo cáo chuyên đề và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70% **[H5.05.01.08]**, **[H5.05.01.03]**.

Công tác ra đề thi luôn đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học. Nhà trường đã ban hành quy chế xây dựng ngân hàng đề thi, ra đề thi và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính, trong đó nêu rõ: Ngân hàng câu hỏi phục vụ thi trắc nghiệm: các câu hỏi trắc nghiệm cần có đủ 4 phương án lựa chọn trong đó có duy nhất một phương án đúng, số lượng câu hỏi từ 150 đến 200 câu/đơn vị tín chỉ; ngân hàng câu hỏi đề thi phục vụ thi tự luận: câu hỏi/bài tập bao gồm cả đáp án và biểu điểm chi tiết, điểm mỗi câu được chia nhỏ thành điểm của các ý, mỗi ý không quá 0,5 - 1,0 điểm, số lượng câu hỏi/bài tập từ 50 đến 70/đơn vị học **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.03]**, **[H5.05.02.04]**, **[H5.05.02.05]**, **[H5.05.02.06]**, **[H5.05.02.07]**.

Trưởng Khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo, hướng dẫn giảng viên phụ trách môn học trực thuộc Khoa/Bộ môn biên soạn ngân hàng đề thi, đáp án, thang điểm dưới sự giám sát về mặt chuyên môn của nhóm trưởng phụ trách môn học và Trưởng Bộ môn. Trưởng Bộ môn trực tiếp chỉ đạo hoặc chỉ định người đánh máy vi tính, mã hóa, in, niêm phong, bảo quản và bảo mật ngân hàng đề thi trước khi bàn giao cho Phòng KT&ĐBCL **[H5.05.02.08]**.

Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá **[H5.05.02.11]**. Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá kết quả học tập của toàn trường do Phòng KT&ĐBCL theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công tác ra đề,

tổ chức kiểm tra đánh giá trong báo cáo tổng kết đánh giá hàng năm của Phòng KT&ĐBCL [H5.05.02.10].

Kết quả học tập của người học được đánh giá theo quá trình bao gồm điểm đánh giá do giảng viên trực tiếp đánh giá và điểm thi kết thúc học phần [H5.05.02.09] được tổ chức thi tập trung vào cuối mỗi học kỳ, sau khi đã có kết quả thi kết thúc học phần (muộn nhất là 05 ngày kể từ ngày thi) người học sẽ biết được kết quả học tập của từng học phần đã đăng ký học thể hiện trong quy định về việc ban hành tổ chức thi kết thúc học kỳ và được công bố trên tài khoản của từng SV [H2.02.03.04], [H5.05.02.12]. Mọi quy định, quy chế phản hồi về đánh giá kết quả học tập SV được công khai trên trang web www.ktkd.epu.edu.vn, <http://sinhvien.epu.edu.vn>.

Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập có thể thấy 100% sinh viên hiểu được các quy định cũng như việc công bố cách thức kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ thể hiện trong ý kiến phản hồi người học [H5.05.02.13].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Việc tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa thuận tiện, dễ dàng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 -2024, Phòng KT&ĐBCL cùng các phòng ban chức năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ người học tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định cụ thể trong những Quy định của Trường ĐHĐL và của Khoa KT-TC, bao gồm: Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học chính quy theo học chế tín

chỉ, quy định đào tạo đại học, đề cương chi tiết các học phần, quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.02.03]**.

Việc xây dựng các tiêu chí cho từng loại hình kiểm tra, đánh giá, tổ chức thi kết thúc học phần đa dạng, đáp ứng yêu cầu về việc đo lường mức độ đạt được CDR của học phần, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết (tự luận), vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, báo cáo thực hành môn học, Báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp và được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần và quy định tổ chức thi kết thúc học phần **[H3.03.01.06]**.

Bảng 7: Biểu thống kê phương pháp kiểm tra, đánh giá cập nhật từ năm học 2023-2024

Phương pháp kiểm tra định kỳ				Phương pháp thi kết thúc học phần				
Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập lớn	Kiểm tra TH trên máy	Tiểu luận	Trắc nghiệm	Tự luận	BC chuyên đề	Thi TH trên máy
20	35	15	4	6	17	31	4	4

Các tổ hợp phương pháp kiểm tra, đánh giá được chi tiết theo các mức đánh giá nhằm kiểm tra mức độ đạt được CDR của học phần **[H3.03.01.06]**.

Đối với các môn học được tiến hành đánh giá kiểm tra trực tiếp trên máy tính, bộ bài tập thực hành (như môn Hệ thống thông tin kế toán, Thực hành môn học Kiểm toán BCTC) được tiến hành nghiêm túc, có sự kiểm tra về độ tin cậy của đề thi, điểm thi của Ban Lãnh đạo khoa trước khi công bố cho SV trong chương trình thực hành môn học **[H5.05.03.03]**. Việc quy định tính điểm, đánh giá chất lượng SV về kỹ năng nghề nghiệp của môn Thực hành môn học Kiểm toán BCTC, Báo cáo thực tập tốt nghiệp hay Khóa luận tốt nghiệp còn được phản ánh ý kiến đánh giá từ doanh nghiệp **[H5.05.03.06]**. Điều này thể hiện tính nghiêm túc, công bằng trong đánh giá kết quả học tập và tích hợp đánh giá của người sử dụng lao động đối với kết quả học tập.

Đối với một số môn học được tiến hành bằng các phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên giữa kỳ qua bài tập lớn như Nguyên lý kế toán, Lý thuyết kiểm toán, Đạo đức nghề nghiệp kế toán – kiểm toán **[H5.05.03.02]**, **[H5.05.03.07]**. Bên cạnh đó, việc sử dụng hệ thống phần mềm về thuế, kế toán được kiểm chứng trong kiểm tra, đánh

giá và nhận được kết quả phản hồi tích cực về tính khách quan, chính xác cho kết quả kiểm tra, đánh giá **[H5.05.03.04], [H5.05.03.05]**.

Hàng năm, trong quá trình thực hiện phương pháp kiểm tra đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ, khoa KT-TC đã thực hiện việc xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm và tự luận các học phần trong hệ thống. Với ngân hàng đề thi trắc nghiệm, Nhà trường quy định tối thiểu 150 câu/tín chỉ, mỗi môn học 3 tín chỉ có 450 câu hỏi. Đối với ngân hàng đề thi tự luận, mỗi tín chỉ có khoảng 30 câu hỏi, mỗi môn học có 3 tín chỉ tương đương có 90 câu hỏi. Nội dung trong ngân hàng đề thi câu hỏi thường xuyên được cập nhật, hiệu chỉnh và bổ sung cho phù hợp với đánh giá mức độ đạt CDR của môn học.

Quá trình lưu trữ kết quả thi với hình thức thi trắc nghiệm đã được thực hiện ở các bộ phận khác nhau như Phòng đào tạo, Phòng khảo thí, trên hệ thống máy chủ. Vì vậy, công tác giám sát, lưu trữ bài thi của trường ĐHDL với hình thức thi trắc nghiệm đã được thực hiện đúng quy định trong những năm vừa qua.

Với hình thức thi tự luận, ngân hàng đề thi sẽ được bốc thăm trước khi thi, thực hiện niêm phong phôi, và bài thi đã được đánh số phách để tổ chức thi và chấm thi một cách nghiêm túc. Phòng chấm thi có camera và chuyên viên giám sát, GV nhận bài thi và chấm theo thời gian quy định của phòng khảo thí. Vì vậy, công tác đánh giá kết thúc học phần đảm bảo tính khách quan trong đánh giá năng lực người học.

Hàng năm, các ngân hàng đề thi được rà soát, kiểm tra, hiệu chỉnh những lỗi sai để tăng thêm giá trị và độ tin cậy của đề thi. Nội dung trong câu hỏi trắc nghiệm và tự luận được điều chỉnh thông qua đề cương chi tiết của mỗi học phần 2 năm/lần.

Việc đánh giá kết quả học tập nằm trong chủ trương của Nhà trường nhằm đánh giá khả năng đạt CDR của người học. Mỗi học kỳ các CVHT tổ chức sinh hoạt lớp đồng thời lắng nghe ý kiến phản hồi của người học về việc đánh giá kết quả học tập, nhìn chung đều nhận được những phản hồi tốt **[H5.05.03.01] [H4.04.01.08]**.. Thông qua khảo sát người học về phương pháp kiểm tra đánh giá, đại đa số sinh viên được hỏi đánh giá tốt về phương pháp đánh giá kết quả học tập. Hàng năm khi sinh viên đi thực tập đều nhận được những phản hồi tốt của đơn vị thực tập, nhà tuyển dụng **[H5.05.03.06], [H3.03.01.03]**.

Công tác phúc khảo bài thi được quy định cụ thể, khi GV hoàn thành công tác chấm thi phúc khảo thì kết quả về dữ liệu về điểm phúc khảo bài thi của người học được

thể hiện ngay trong tài khoản người học [H5.05.03.01] [H2.02.03.04]. Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCL thực hiện tổng kết kết quả điểm học tập SV theo từng lớp đối với mỗi học phần với tỷ lệ phần trăm phân loại điểm số làm cơ sở đánh giá hệ số chất lượng GV và đề xuất điều chỉnh đề thi đối với một số học phần có kết quả đặc biệt [H5.05.02.01]. Công tác xây dựng đề thi kết thúc học phần cũng được Nhà trường thường xuyên thực hiện song song với việc hiệu chỉnh CTĐT để đảm bảo việc đánh giá được đa dạng hóa ngân hàng đề và công bằng cho NH.

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành Kiểm toán giúp kiểm tra chính xác CDR (thuế, thực hành kiểm toán BCTC) hay đánh giá trong thực hành thực tế giúp SV có được kết quả công bằng, khách quan và chính xác.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện phân tích kết quả bài thi (phân tích phổ điểm) toàn diện của từng học phần giữa các khoá, các lớp học ngành kiểm toán với nhau để có sự so sánh kết quả học tập, từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong CTĐT và bộ ngân hàng đề thi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023 -2024, Khoa KT-TC sẽ phối hợp với Phòng KT & ĐBCL rà soát, đánh giá ngân hàng đề ngành kiểm toán thông qua phân tích kết quả thi từng học phần để có những điều chỉnh phù hợp với CTĐT, bộ ngân hàng đề thi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm đạt 5/7.

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Hoạt động đánh giá kết quả học tập, công bố kết quả tới người học luôn được nhà trường thực hiện theo đúng quy định. Năm 2011, nhà trường thành lập Phòng KT&ĐBCL, với nhiệm vụ xây dựng các văn bản hướng dẫn quy trình công tác khảo thí theo quy định của Bộ GD&ĐT; chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong trường xây dựng quy trình kiểm tra, tổ chức thi hết học phần; quản lý lưu trữ bảo mật đề thi, bài thi; công bố kết quả thi cho người học,... [H5.05.04.01].

Nhà trường đã đưa vào khai thác phần mềm tổ chức thi và triển khai công tác tổ chức thi nói chung theo một quy trình thống nhất **[H5.05.02.02]**. Theo đó, Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và thực hiện tất cả các khâu của hoạt động trong công tác tổ chức thi. Kết quả đánh giá thường xuyên được giảng viên giảng dạy trực tiếp nhập vào hệ thống và thông báo tới sinh viên ngay khi có kết quả thi, kiểm tra; kết quả thi được hệ thống tự động tổng hợp từ kết quả chấm thi của giảng viên và thông báo công khai tới từng tài khoản sinh viên. Sinh viên có thể tra cứu kết quả học tập của mình tại trang cá nhân theo địa chỉ <http://svdbcl.epu.edu.vn> hoặc <http://sinhvien.epu.edu.vn> **[H5.05.04.04]**. Như vậy, các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và SV.

Nhờ việc ứng dụng CNTT vào quản lý quá trình tổ chức thi, kiểm tra, hệ thống tự động đưa ra các cảnh báo về thời gian, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên, do đó việc thông báo kết quả tới người học luôn kịp thời và đúng quy định của Nhà trường. Người học có thể tra cứu kết quả học tập từ nhiều nguồn. Các vấn đề phản hồi kết quả đánh giá về điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần được quy định và có biểu mẫu thực hiện. Các phản hồi như phúc khảo điểm thi đều có sự rà soát của Ban Lãnh đạo Khoa và được công bố cho SV **[H5.05.04.04]**.

Qua kết quả khảo sát người học và thông qua các buổi họp lớp các CVHT về việc đánh giá kết quả học tập có thể thấy tất cả các sinh viên hài lòng về các quy định cũng như việc công bố cách thức kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ **[H5.05.02.13]**. Nếu sinh viên có kiến nghị về kết quả học tập, phòng khảo thí sẽ lập danh sách SV phúc khảo bài thi gửi Trưởng khoa phân công GV chấm thi **[H5.05.04.05]**, **[H5.05.04.06]** và đã được Nhà trường giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của sinh viên **[H5.05.02.13]**.

Sự phản hồi kết quả học tập của SV, đánh giá tổng hợp hoạt động học tập được Phòng KT&ĐBCL phối hợp cùng Khoa KT-TC để có những bước cải thiện **[H5.05.04.03]**, **[H5.05.02.13]**. Qua kết quả phản hồi từ sinh viên, Khoa đã có những điều chỉnh phù hợp về nội dung môn học, về cách đánh giá học phần, thông qua các buổi seminar bộ môn và các đợt hiệu chỉnh chương trình đào tạo. Tỷ lệ hài lòng về kết quả kiểm tra đánh giá của sinh viên hiện tại cao **[H5.05.04.02]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học. Khoa KT-TC có những quan tâm, kết hợp tốt với Phòng KT&ĐBCL trong việc đánh giá phản hồi của người học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận kết quả đánh giá của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 -2023, Phòng KT & ĐBCL và TTCNTT tăng cường ứng dụng thông tin trong việc tiếp nhận kết quả đánh giá kịp thời.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 4/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Đối với hoạt động học tập, người học sẽ được đánh giá quá trình học và bài thi kết thúc học phần. Trong đó cụ thể việc khiếu nại được thực hiện như sau:

(1) Đối với điểm đánh giá quá trình học tập sẽ được giảng viên công bố vào buổi học cuối cùng. Nếu SV có khiếu nại thì sẽ được giảng viên giải quyết ngay trong buổi học đó.

(2) Đối với điểm bài thi kết thúc học phần, sau khi thi kết thúc học phần 5 ngày, người học có thể xem kết quả thi của mình trên hệ thống phần mềm quản lý thi PMT-EMS. Người học có thể nộp đơn phúc tra online về kết quả thi của mình nếu thấy có sai sót. Người học được phép nộp đơn phúc tra trong khoảng 3 ngày tính từ thời gian công bố điểm.

Mỗi sinh viên khi nhập trường đều được phát 1 cuốn sổ tay sinh viên trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại **[H2.02.03.01]**. Việc phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập được công bố trên website quản lý người học, trang www.ktdbcl.epu.edu.vn, sinhvien.epu.edu.vn để SV nắm bắt trước mỗi học kỳ **[H5.05.04.04]**.

Trên cơ sở các quy định liên quan đến quá trình đào tạo và tổ chức hoạt động dạy và học, rèn luyện, chế độ chính sách đã được Nhà trường, Khoa Kinh tế & Quản lý phổ biến tới sinh viên trong tuần lễ định hướng đầu khóa học và đề cập trong cuốn sổ tay sinh viên. Sinh viên có đủ các thông tin cụ thể và rõ ràng về lộ trình học tập cũng như

các quy định, quy chế cần thiết liên quan đến quá trình học như: Điều kiện tốt nghiệp, cách tính điểm đánh giá thành phần, cách tính điểm học phần, hệ thống điểm số, điểm chữ và cách quy đổi, cách tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, ...

Các quy trình về đào tạo, tổ chức thi kiểm tra; các hướng dẫn và quy trình đánh giá quá trình rèn luyện của sinh viên với các tiêu chí đánh giá cụ thể và các hướng dẫn về quyền khiếu nại kết quả học tập, ... cũng được thông báo cho sinh viên từ đầu khóa học. Ngoài ra, các thông báo này sinh viên cũng dễ dàng tiếp cận được trên hệ thống website của Nhà trường, ví dụ khi sinh viên phúc tra điểm của học phần, sinh viên có thể xem và tải mẫu trên website của Trường **[H5.05.04.04]**.

Tại buổi học đầu tiên của học phần, GV giảng dạy có trách nhiệm thông báo chi tiết đến sinh viên những nội dung như: tên học phần, số tín chỉ, nội dung học tập, đề cương chi tiết, hình thức điểm danh, hình thức và những tiêu chí đánh giá kết quả học tập như số lượng bài kiểm tra, số lượng bài tập về nhà (nếu có), bài thảo luận nhóm, các tiêu chí đánh giá sẽ áp dụng trong học phần đó. Cuối học phần, GV sẽ thông báo cho sinh viên kết quả đánh giá điểm thành phần để sinh viên chủ động có kế hoạch cải thiện kết quả học thông qua bài thi kết thúc học phần chủ động lên kế hoạch đăng ký học lại; học bổ sung các học phần không được dự thi hoặc chưa học. CTĐT cũng được công bố công khai trên website của Trường nhằm hỗ trợ GV, sinh viên chủ động trong dạy và học **[H1.01.01.15]**.

Chính việc công bố rõ ràng và công khai, minh bạch về các quy định trong KTĐG kiến thức, công bố kết quả học tập và xét thành tích học tập, ... là cơ sở để sinh viên nắm rõ các quy định và có đề xuất khiếu nại và thắc mắc về điểm số. Và để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, Trường đã có kênh thu thập các thắc mắc khiếu nại của sinh viên qua hòm thư đồng thời hàng năm tổ chức buổi gặp mặt giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên để lắng nghe tâm tư nguyện vọng, trao đổi, trả lời giải đáp các ý kiến khiếu nại, thắc mắc của sinh viên **[H5.05.04.04]**.

Vào đầu khóa học, đầu mỗi năm học, Nhà trường và Khoa phổ biến về các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập cho sinh viên trong buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm. Ngoài ra, sinh viên còn có các buổi họp lớp với CVHT. Hoặc, sinh viên có thể hỏi về các thủ tục cũng như các quy định về khiếu nại hoặc thắc mắc về kết quả học tập qua Thư ký khoa, CVHT, Trưởng khoa. Các kênh khiếu nại và địa điểm tiếp

cận dễ dàng, đa dạng. Phòng KT & ĐBCL có trách nhiệm tiếp nhận thông tin kết quả giải quyết các khiếu nại, phản nàn của sinh viên.

Trong quá trình học tập, nếu có sai sót, hoặc nhầm lẫn về điểm số, sinh viên hoàn toàn có quyền khiếu nại ngay trên lớp với GV hoặc làm đơn khiếu nại điểm thành phần gửi tới Bộ môn, Khoa để được giải quyết **[H2.02.03.01]**, **[H5.05.04.04]**.

Kết thúc mỗi học kỳ, sinh viên được thông báo kết quả học tập qua tài khoản cá nhân của sinh viên trên hệ thống nhập điểm và thông báo điểm trực tuyến của Nhà trường **[H5.05.04.04]**. Sau thời gian có thông báo cụ thể về kết quả thi và thời gian tiếp nhận các khiếu nại của sinh viên về kết quả học tập, Phòng KT & ĐBCL sẽ rà soát về các khiếu nại của sinh viên và có thông báo chính thức kết quả học tập.

Nếu sinh viên còn chưa thỏa đáng với kết quả phúc khảo, có thể tiếp tục làm đơn thư khiếu nại gửi Phòng KT & ĐBCL. Tiếp theo Phòng KT & ĐBCL sẽ thực hiện theo quy trình để giải quyết các khiếu nại của sinh viên và trả lời thỏa đáng cho sinh viên. Thông qua quy định mới của Phòng KT & ĐBCL thì hiện nay sinh viên có tối đa 7 ngày để thực hiện việc khiếu nại về điểm số học tập của mình các học phần trong học kỳ kể từ ngày công bố điểm trên hệ thống website của Nhà trường và tài khoản của sinh viên **[H2.02.03.01]**, **[H5.05.05.01]**.

Kết quả cuối cùng của sinh viên được ghi nhận và in thành bảng điểm học tập để lưu trữ **[H5.05.02.12]**. Như vậy, sinh viên được đảm bảo tiếp cận với quy trình khiếu nại, các chuyên viên, GV và CVHT của Khoa Kinh tế & Quản lý, Ban chủ nhiệm khoa thường xuyên quan tâm và theo dõi mọi ý kiến thắc mắc, khiếu nại của sinh viên về kết quả học tập để kịp thời hỗ trợ và giải quyết cũng như liên hệ các bộ phận liên quan cùng giải quyết đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

Thực tế thì tỷ lệ khiếu nại, phúc khảo điểm khá nhỏ và kết quả điểm bài phúc tra thay đổi là tương đối thấp **[H5.05.05.02]**.

2. Điểm mạnh

Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Một số sinh viên chưa thực sự tiếp cận và nắm rõ các quy định trong công tác khiếu nại về KQHT nên chưa thực hiện phúc khảo điểm kịp thời theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 -2023, Phòng KT & ĐBCL cùng các đơn vị trong trường tăng cường tuyên truyền phổ biến về quy trình đánh giá KQHT.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa KT-TC được thực hiện một cách công bằng, khách quan theo các hướng dẫn của Trường ĐHĐL để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa KT-TC luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi cử, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường ĐHĐL có sứ mạng là “*Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung trong công cuộc hiện đại hóa và phát triển bền vững*”. Mục tiêu của Nhà trường hướng tới đào tạo sinh viên trở thành những kỹ sư, cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo và tiến hành NCKH và phát triển công nghệ, kết hợp đào tạo với NCKH và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ. Do đó, đội ngũ giảng viên có vai trò then chốt, quyết định việc thực hiện thành công của hoạt động đào tạo nói chung và thực hiện cho bất kỳ một chương trình đào tạo nào của nhà trường. Chính vì thế, việc xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và tư cách nhà giáo, có sức khỏe tốt và yêu nghề là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường, các khoa đào tạo chuyên ngành nói chung và cụ thể là Khoa Kế toán - Tài chính (khoa KT&QL trước đây) nói riêng.

Hiểu rõ như vậy, Nhà trường và Khoa đã xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý trong từng năm học phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường

và Khoa. Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng. Kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm cho thấy các cán bộ quản lý và giảng viên Khoa đều có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng đáp ứng và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhằm nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ chuyên môn của các cán bộ quản lý và giảng viên, nhà trường và Khoa đã có những chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia học tập, nghiên cứu nâng cao trong nước và ngoài nước, đồng thời có những biện pháp tích cực để thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý, giảng viên có trình độ cao. Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên Khoa đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trường.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc quy hoạch - tuyển dụng đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, dựa trên những quy định về ban hành điều lệ của trường Đại học **[H6.06.01.51]**, Nhà trường đã đưa ra Chiến lược phát triển trong giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 **[H1.01.01.07]**. Trong đó, Nhà trường đề cập đến mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng thực hành đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, trường tiếp tục tuyển sinh đa ngành, đa cấp, tập trung đào tạo đạt chuẩn chất lượng cao, quy mô đào tạo ổn định khoảng 12.000 đến 15.000 sinh viên chính quy. Về NCKH, số công trình công bố hàng năm đạt 300 (trong đó 15% là công bố quốc tế đạt ISI, SCOPUS) . Bên cạnh đó, Khoa Kế toán - Tài chính (khoa KT&QL trước đây) đã tổ chức chương trình hội thảo về Chiến lược và kế hoạch phát triển Khoa trong giai đoạn 2017-2022 ngày 21/10/2017. Nội dung buổi hội thảo đề cập đến: Chương trình đào tạo kết hợp chương trình quốc tế (ACCA, CMA...), kết nối doanh nghiệp để sinh viên có nhiều cơ hội đi khảo sát thực tế tại doanh nghiệp với phương châm “*Học đi đôi với hành*”; đẩy mạnh phong trào và tăng cường hiệu quả của công tác NCKH đối với các cán bộ giảng viên và sinh viên của Khoa **[H5.05.04.07]**. Nhằm tạo môi trường để GV, cán bộ luôn học hỏi

lẫn nhau, trau dồi chuyên môn và nâng cao ý thức, khoa KT-TC (Khoa KT&QL trước đây) nói chung và ngành Kiểm toán nói riêng đã thực hiện các hoạt động như:

- Seminar, sinh hoạt tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục về đổi mới dạy học theo tiếp cận năng lực của SV, về phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá năng lực người học. **[H1.01.03.03]**

- Khuyến khích các GV tham gia cộng đồng học tập giữa các trường đại học trong cùng ngành để hỗ trợ nhau phát triển chuyên môn thông qua hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua các hội thảo, đặc biệt là các hội thảo thông qua Zoom online trong thời kỳ dịch Covid.

Các chỉ số về mục tiêu phát triển đội ngũ GV của khoa được thể hiện qua số lượng GV được tuyển mới, số lượng GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cụ thể được thể hiện ở bảng sau **[H6.06.01.13] [H6.06.04.04] [H4.04.02.04] [H6.06.05.02] [H6.06.01.52]**.

Bảng 8: Số lượng GV của Khoa được tuyển mới, được cử đi đào tạo, nâng cao trình độ trong giai đoạn 2019-2024

Chỉ số	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
GV được tuyển mới	04	0	5	1	1
GV được cử đi đào tạo	02	0	0		
GV tham gia khóa bồi dưỡng, nâng cao trình độ	17	8	3		

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng được các tiêu chuẩn của một trường đại học, công tác tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ luôn được nhà trường và Khoa KT-TC quan tâm, triển khai thực hiện. Nhà trường đưa ra rất nhiều quy chế thu hút và khuyến khích nguồn nhân lực chất

lượng cao [H6.06.01.23] [H6.06.01.24] [H6.06.01.25] [H6.06.01.26] [H6.06.01.27] [H6.06.01.29] [H6.06.01.30] [H6.06.01.34] [H6.06.01.35] [H6.06.01.65]. Đề án vị trí việc làm là cơ sở để Nhà trường xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức, giảng viên để thực hiện hiệu quả công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong Nhà trường [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.16], [H6.06.01.17]. Hàng năm, trên cơ sở mục tiêu, khối lượng công việc, cân đối với thực trạng đội ngũ giảng viên của Khoa và sinh viên hiện có cùng với kế hoạch chiến lược đã đề ra, Khoa KT-TC xác định nhu cầu bổ sung nhân sự cho đơn vị [H6.06.01.66], [H5.05.04.07], [H6.06.01.83], [H6.06.01.86], [H6.06.01.53], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05]. Với kế hoạch tuyển sinh, phát triển ngành mới, kế hoạch quy hoạch cán bộ quản lý cấp bộ môn và cấp khoa, Nhà trường và Khoa KT&QL thực hiện phân tích nhu cầu và có những đề xuất phù hợp đảm bảo cơ cấu lao động phù hợp với các bộ môn, ngành đào tạo và tuân thủ theo các văn bản quy định [H6.06.01.82], [H6.06.01.18], [H6.06.01.19], [H6.06.01.20], [H6.06.01.21], [H6.06.01.22], [H6.06.01.59], [H6.06.01.60], [H6.06.01.61], [H6.06.01.62], [H6.06.01.63], [H6.06.01.64]. Tính đến 31/12/2024, tổng số cán bộ giảng viên của Khoa KT-TC là 28 cán bộ giảng viên, trong đó có 03 PGS, 10 Tiến sĩ, 15 Thạc sĩ. Với mục tiêu Chiến lược của Khoa là tăng học vị tiến sĩ để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đưa ra những chương trình đào tạo tích hợp quốc tế hiệu quả đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo sinh viên và công tác NCKH. Số lượng giảng viên ngành Kiểm toán là 06 GV. Tổng số GV đang làm NCS của Khoa là 03 GV, trong đó có 01 GV thuộc ngành Kiểm toán [H6.06.01.87], [H6.06.01.88]. Các GV làm NCS trong và ngoài trường luôn nhận được sự quan tâm và sát sao của Nhà trường và Khoa, để đảm bảo tiến độ sớm và đúng hạn [H6.06.01.06].

Hàng năm, Khoa căn cứ vào điều lệ, chế độ làm việc và quy mô sinh viên tuyển sinh của ngành Kiểm toán do Phòng Đào tạo gửi, Khoa làm bản kế hoạch nhu cầu nhân sự gửi Phòng Tổ chức cán bộ [H6.06.01.51], [H6.06.01.52], [H6.06.01.53], [H6.06.01.54], [H6.06.01.55], [H6.06.01.56], [H6.06.01.57], [H6.06.01.58], [H6.06.01.59]. Căn cứ vào nhu cầu nhân sự của Khoa gửi lên, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nhân lực hàng năm trong đó xác định rõ yêu cầu và vị trí tuyển dụng [H6.06.02.03], [H6.06.01.80], [H6.06.01.81], [H6.06.01.89]. Dựa vào kế hoạch tuyển dụng, Phòng TCCB triển khai công tác tuyển dụng theo đúng quy trình. Thông tin về tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, gửi

email về cho các phòng ban và Khoa chuyên ngành và công khai một số phương tiện thông tin đại chúng; mọi thông tin liên quan đến chỉ tiêu, điều kiện dự tuyển, hồ sơ dự tuyển... đều được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong thông báo tuyển dụng **[H6.06.01.03]**.

Công tác bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với các trường hợp hết tập sự, chuyển ngạch được thực hiện đúng quy trình **[H6.06.03.05]**, **[H6.06.01.83]**, **[H6.06.03.07]**. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý Khoa KT-TC được thực hiện dựa trên năng lực và thành tích trong công tác đào tạo, NCKH nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo cũng như đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường. Quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý các Khoa đều thực hiện công khai, đảm bảo đúng tiêu chuẩn và quy trình theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương **[H6.06.01.36]**, **[H6.06.01.37]**, **[H6.06.01.38]**, **[H6.06.01.39]**, **[H6.06.01.40]**, **[H6.06.01.41]**. Nhằm xây dựng nguồn cán bộ kế cận đồng bộ, đảm bảo số lượng và chất lượng, đáp ứng được yêu cầu đổi mới, xây dựng và phát triển của Nhà trường, Trường Đại học Điện lực cũng đã thực hiện công tác quy hoạch cán bộ các giai đoạn và tiến hành rà soát, bổ sung hàng năm và cử đi học phát triển đội ngũ **[H6.06.01.67]**, **[H6.06.01.68]**, **[H6.06.01.69]**, **[H6.06.01.70]**, **[H6.06.01.71]**, **[H6.06.01.72]**, **[H6.06.01.73]**, **[H6.06.01.74]**, **[H6.06.01.75]**, **[H6.06.01.76]**, **[H6.06.01.77]**, **[H6.06.01.78]**, **[H6.06.01.79]**, **[H6.06.01.83]**, **[H6.06.01.84]**, **[H6.06.01.85]**. Đội ngũ GV của Nhà trường và Khoa KT-TC được đánh giá thi đua hàng tháng, hàng năm nhằm quản lý và khuyến khích nâng cao chất lượng đào tạo, củng cố và đẩy mạnh phong trào NCKH và phục vụ cộng đồng **[H6.06.01.07]**, **[H6.06.01.28]**, **[H6.06.01.31]**, **[H6.06.01.32]**, **[H6.06.01.33]**, **[H6.06.01.42]**, **[H6.06.01.43]**, **[H6.06.01.44]**, **[H6.06.01.45]**, **[H6.06.01.46]**, **[H6.06.01.47]**, **[H6.06.01.48]**.

Việc xét hết hạn hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ của giảng viên được thực hiện nghiêm túc và đúng kế hoạch. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ chế độ đều được Nhà trường thông báo trước tới Khoa và đương sự. Đối với cán bộ GV sắp nghỉ hưu, GV sẽ được thông báo 2 lần (thời hạn 6 tháng trước khi nghỉ hưu và thời hạn 3 tháng trước nghỉ hưu). Tuy nhiên, với hiện trạng của Khoa là nguồn cán bộ GV tương đối trẻ nên trong 5 năm gần đây không có trường hợp GV đến tuổi nghỉ hưu. Đối với GV ký hợp đồng có thời hạn, Nhà trường và Phòng TCCB sẽ gửi thông báo qua email trước thời hạn kết thúc hợp đồng. Khoa sẽ họp bộ môn với cán bộ GV để đánh giá mức

độ hoàn thành nhiệm vụ và đưa ra Biên bản lấy ý kiến của Trường khoa gửi Nhà trường và Phòng TCCB [H6.06.01.13], [H6.06.01.14], [H6.06.01.15], [H6.06.01.50]. Công việc thực hiện của GV được đánh giá hàng tháng, hàng năm [H6.06.01.08], [H6.06.01.09], [H6.06.01.10], [H6.06.01.11], [H6.06.01.12], [H6.06.06.02] để làm cơ sở đề xuất đăng ký nhu cầu đào tạo của GV trong bộ môn, khoa [H6.06.01.83], [H6.06.01.86].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được các chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có các chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các giảng viên trình độ tiến sĩ. Nhờ đó, Khoa đã tuyển được đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu đào tạo trong ngành kiểm toán, công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ giảng viên trong ngành Kiểm toán có học hàm PGS, học vị tiến sĩ chưa cao. Tuy nhiên, điểm tồn tại này sẽ được Khoa và ngành khắc phục trong tương lai gần, khi các GV của Khoa và ngành hoàn thành khóa học nghiên cứu sinh của mình. Bên cạnh đó, một số giảng viên trong ngành Kiểm toán còn chưa tập trung nghiêm túc cho công việc nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn và hoàn thành khóa học nghiên cứu sinh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 -2025, Khoa tăng cường tổ chức các buổi seminar chuyên đề, sinh hoạt bộ môn mang tính chuyên sâu nhằm đẩy mạnh tinh thần nghiên cứu khoa học theo nhóm và cá nhân, xây dựng các chính sách của Khoa nhằm khuyến khích các giảng viên tinh thần nghiên cứu khoa học và sáng tạo trong chuyên môn giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Tổng số giảng viên cơ hữu của Khoa hiện nay là 28 giảng viên, độ tuổi bình quân là 45 tuổi; số cán bộ đạt trình độ PGS.TS là 03 giảng viên (chiếm 10,8%), Tiến sĩ là 10 giảng viên (chiếm 35,7%), Thạc sĩ là 15 giảng viên (chiếm 53,6%) **[H6.06.01.87]**. Trong đó ngành Kiểm toán, số lượng GV hiện tại đáp ứng nhu cầu đào tạo là 06 GV, trong đó: 01 PGS.TS, 01 TS, 01 NCS và 03 thạc sĩ **[H6.06.02.01]**, **[H6.06.01.87]**, **[H6.06.01.88]**, **[H6.06.02.04]**. Ngoài ra, Khoa KT-TC còn hợp tác với các giảng viên thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước (như ACCA, VACPA, Smart Train...).

Bảng 9: Bảng thống kê GV thuộc ngành Kiểm toán

T T	Trình độ, học vị,	Số lượng g người i	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (ng)				
				Nam	Nữ	<3 0	30- 40	41- 50	51- 60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-	-	-					
2	Phó Giáo sư	1	16,7%	-	1			1		
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-					
4	Tiến sĩ	1	16,7%		1					1
5	Thạc sĩ	4	66,6%	1	3		3	1		
6	Đại học	-	-		-					-
	Tổng số	6	100%	1	5	0	3	2	0	1

Hàng năm, Phòng Đào tạo thực hiện tính toán xác định tỷ lệ GV/người học của CTĐT làm căn cứ tuyển sinh. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên đều đảm bảo quy định theo Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ GD&ĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ **[H6.06.01.53]**, **[H6.06.01.89]**.

Khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Khoa KT-TC được quy định cụ thể về chế độ làm việc giảng viên (theo Bảng 10) và được phân công tới từng giảng viên trong kế hoạch giảng dạy từng kỳ **[H6.06.01.61]** **[H6.06.01.04]** **[H6.06.01.05]**.

Bảng 10: Khung định mức chuẩn giảng dạy các nhiệm vụ của giảng viên

Chức danh giảng viên	Định mức giờ chuẩn	Thời gian giảng dạy	Thời gian NCKH
Giáo sư và giảng viên cao cấp (hạng I)	300	900	740
Giảng viên chính (hạng II)	280	840	670
Giảng viên (hạng III)	270	810	586
Giảng viên giảng dạy các môn đại cương	350	1.050	300
Giảng viên định hướng nghiên cứu	200	980	600
Giảng viên tập sự	135	405	300

Cuối kỳ, khối lượng công việc giảng dạy và các công việc khác của GV được quy đổi về giờ tiêu chuẩn và tính thừa giờ đối với các bậc đào tạo khác nhau và các lớp có lượng sĩ số khác nhau theo hệ số quy đổi theo Bảng 11, 12:

Bảng 11: Hệ số quy đổi giữa các bậc đào tạo

Bậc đào tạo	Hệ số quy đổi
Cao học (cho GV biên chế EPU)	1.5
Tiến sỹ	2
Đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề	1
Dạy môn Tiếng Anh và dạy các môn chuyên môn bằng Tiếng Việt cho lớp CLC	1.2
Dạy các môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh cho các lớp CLC	1.5

Bảng 12: Bảng quy đổi hệ số theo sĩ số cho tiết lý thuyết

Số lượng sinh viên/lớp	Đại học	Đại học CLC	Thạc sỹ	Tiến sỹ
Sĩ số ≤ 40	1	1,2	1,5	2
$40 < \text{Sĩ số} \leq 60$	1,2	1,3	1,8	
$60 < \text{Sĩ số} \leq 80$	1,3	1,4	1,95	
Sĩ số > 80	1,4	1,5	2,0	

Trung bình 1 năm học, GV ngành Kiểm toán phải đáp ứng 270 tiết (tương đương với 810 giờ quy đổi) giảng dạy và 586 giờ nghiên cứu khoa học.

Bảng 13 là thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy và FTE của toàn bộ giảng viên của Khoa giảng dạy ngành Kiểm toán từ 2019-2024. Số liệu về FTE hàng năm cho thấy thời gian tiếp xúc và tư vấn học thuật của giảng viên đối với sinh viên.

Bảng 13: Bảng thống kê giảng viên và FTE giảng viên ngành Kiểm toán

Năm học	Hạng mục	Na m	N ữ	Tổng số		Tỷ lệ có bằng PGS, tiến sĩ
				Số lượng thực cán bộ giảng viên	(FTEs)*củ a giảng viên ngành KT	
Năm học 2018- 2019	Giảng viên toàn thời gian	1	5			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	1	5	6	8	2/7
Năm học 2019- 2020	Giảng viên toàn thời gian	1	5			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	1	5	6	8	2/7
Năm học 2020- 2021	Giảng viên toàn thời gian	1	5			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			

Năm học	Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		Tỷ lệ có bằng PGS, tiến sĩ
				Số lượng thực cán bộ giảng viên	(FTEs)* của giảng viên ngành KT	
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	1	5	6	8	2/7
Năm học 2021-2022	Giảng viên toàn thời gian	1	5			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	1	5	6	8	2/7
	Giảng viên toàn thời gian	1	5			
Năm học 2022-2023	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	1	5	6	8	2/7
	Giảng viên toàn thời gian	1	5			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
Năm học 2023-2024	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			
	Tổng số	1	5	6	8	2/7
	Giảng viên toàn thời gian	1	5			
	Giảng viên không toàn thời gian	0	0			
	Giảng viên thỉnh giảng	0	0			

Năm học	Hạng mục	Na m	N ữ	Tổng số		Tỷ lệ có bằng PGS, tiến sĩ
				Số lượng thực cán bộ giảng viên	(FTEs)* củ a giảng viên ngành KT	
	Tổng số	1	5	6	9	2/7

Tỷ lệ Tiến sĩ của Ngành Kiểm toán năm 2023-2024 là 1/6 và sẽ đạt cao hơn nữa trong yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của trường là sẽ tăng cường đẩy mạnh NCS hoàn thành nghiên cứu. Bảng 14 là số liệu và tỷ lệ GV/SV trong các năm học gần đây:

Bảng 14: Bảng tỷ lệ giảng viên/ người học ngành Kiểm toán

Năm học	Tổng số FTEs của GV	Tổng số sinh viên	Tổng số FTEs của sinh viên	Tỷ lệ sinh viên/tổng giảng viên quy đổi
2018-2019	8.0	58	13.8	1.7
2019-2020	8.0	141	29.9	3.7
2020-2021	8.0	206	94.0	11.8
2021-2022	8.0	247	137.3	17.2
2022-2023	9.0	305	164.7	18.3
2023-2024	8.0	58	13.8	1.7

Định kỳ hàng tháng, Khoa KT-TC và Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc, tuân thủ kỷ luật của các giảng viên, từ đó tiến hành xếp loại thi đua giảng viên **[H6.06.01.31], [H6.06.01.43]**. Việc quy đổi khối lượng công việc và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV được Khoa KT-TC và Nhà trường thực hiện vào cuối năm và đảm bảo quy định trong mô tả vị trí công việc **[H6.06.01.02]**. Quy đổi khối lượng được dựa trên văn bản quy định của Nhà nước (*Thông tư 47*) và văn bản hướng dẫn của Nhà trường **[H6.06.01.61], [H6.06.01.59]**. Các cán bộ giảng viên tự tổng hợp và quy đổi khối lượng giảng dạy hàng kỳ, gửi về cho Giáo vụ khoa để tổng hợp **[H6.06.02.02]**. Trong các năm học, việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cán bộ giảng viên thực hiện theo các công văn về triển khai công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức, cụ thể như khoản 4, mục II Công văn số 9226/BCT-TCCB, Công văn số 6837/BCT-TCCB và các hướng dẫn của Nhà trường hàng năm **[H6.06.01.45]**.

Nhà trường có ban hành quy định về đánh giá CBCC và GV hàng tháng thông qua hệ số đánh giá việc tuân thủ nội dung, quy chế, đánh giá hiệu quả hoạt động (Quyết định 1177/QĐ-ĐHDL ngày 06 tháng 08 năm 2018 và Quyết định 2083/QĐ-ĐHDL ngày 07 tháng 11 năm 2018; Quyết định 38/QĐ-ĐHDL, ngày 16/01/2020) **[H6.06.01.31]**, **[H6.06.01.32]**, **[H6.06.01.33]** trong đó có kèm theo biểu mẫu đánh giá việc thực hiện chức trách đánh giá cán bộ GV, đạo đức nghề nghiệp, thực hiện các nội quy về giờ giấc, theo thang bậc định lượng. Cuối tháng, Ban lãnh đạo khoa và Công đoàn khoa sẽ tiến hành tổng kết đánh giá từng giảng viên trong khoa về hiệu quả làm việc và công khai kết quả trong khoa. Sau đó, kết quả được gửi về Hội đồng Thi đua Khen thưởng để phê duyệt **[H6.06.02.02]**. Đồng thời Quyết định 38/QĐ-ĐHDL đã quy định hệ số áp dụng để làm cơ sở chi trả tiền lương, quy định đưa ra các thang định lượng tính điểm đánh giá với điểm số cao nhất là 100. Thang điểm này đã đánh giá được tổng thể mức độ hoàn thành công việc của GV đối với các chức danh PGS, TS và các chức danh GV khác **[H6.06.01.34]**, **[H6.06.01.35]**.

Vào cuối năm học, các giảng viên Khoa KT-TC đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua bản tự đánh giá kết quả dựa trên khối lượng giảng dạy và NCKH **[H6.06.02.03]**, **[H6.06.01.05]**. Căn cứ trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đối với mỗi giảng viên, lãnh đạo Khoa đánh giá, trình lên Nhà trường và Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường phân loại, bình xét và xếp loại thi đua: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Bằng khen cấp Bộ”, “Bằng khen cấp EPU”, “Giấy khen cấp trường” Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ mà còn giúp cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả đào tạo, đăng ký học tập để bồi dưỡng và đánh giá quá trình học tập không ngừng của giảng viên **[H6.06.01.86]**, **[H6.06.01.83]**. Một số cán bộ và giảng viên của Khoa nhiều năm liền đạt được thành tích như Bằng khen, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Đây là kết quả của sự phấn đấu nỗ lực không ngừng của toàn bộ GV trong Khoa nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, sự phát triển của Nhà trường và nâng cao phẩm chất năng lực bản thân mỗi giảng viên **[H6.06.01.07]**.

Bảng 15: Thống kê giờ giảng và giờ NCKH của giảng viên khoa KT-TC

Năm học	Giờ giảng	Giờ NCKH
---------	-----------	----------

2019-2020	12.744	7.176
2020-2021	14.634	6.431
2021-2022	32.332	31.304
2022-2023	20.325	23.259
2023-2024	50.867	35.548

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của khối ngành đào tạo kiểm toán đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo). Các quy chế trả lương, định mức giờ giảng dạy và nghiên cứu được xây dựng cụ thể cho từng bậc giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Một số GV còn chưa đạt hiệu quả cao trong việc cân đối thời gian giảng dạy và NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 -2025, Phòng TCCB và Khoa KT-TC thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đối với ngành Kiểm toán, xây dựng thêm nhiều biện pháp khuyến khích GV nâng cao chuyên môn, tham gia các khóa học online và offline để tăng chất lượng và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Công tác tuyển dụng là một trong những yếu tố then chốt để xây dựng đội ngũ giảng viên có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ để đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.03.05]. Vì vậy, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình về công tác tuyển dụng [H6.06.01.80], [H6.06.01.81], [H6.06.01.82]. Quy định tiêu chí,

trách nhiệm và nghĩa vụ đối với từng chức vụ Trưởng khoa, phó trưởng khoa, GV chính, GV tập sự được quy định trong Quyết định 555/QĐ-ĐHDL ngày 27/4/2018, Quyết định 20/QĐ-HĐT ngày 01/10/2019 và Quyết định 39/QĐ-HĐT ngày 26/8/2020 của Nhà Trường **[H6.06.03.01], [H6.06.03.02], [H6.06.03.03]**. Đối với Trưởng khoa phải có trình độ Tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo tại Khoa, đối với Phó khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải có trình độ tiến sĩ trở lên.

Các ứng viên tham gia dự tuyển làm giảng viên ngành Kiểm toán của Khoa KT-TC phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại điều 22 của Luật Viên chức năm 2010 và điều 4 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp quy định tại Thông tư 36/2014/TT-BGD&ĐT, có trình độ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản **[H6.06.03.04], [H6.06.03.05], [H6.06.02.04]** và phải vượt qua bài sát hạch theo hình thức giảng dạy và phỏng vấn trực tiếp. Tất cả các tiêu chuẩn tuyển chọn giảng viên đều được Nhà trường công bố công khai trong thông báo tuyển dụng, trên trang thông tin điện tử của Nhà trường **[H6.06.01.03]**. Hội đồng tuyển dụng được thành lập đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Giảng viên mới trúng tuyển phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Trong thời gian tập sự phải hoàn thành việc nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường theo chính sách nhân sự của Trường **[H6.06.01.17]**. Giảng viên sẽ được chính thức bổ nhiệm ngạch khi hoàn thành chương trình tập sự và đạt được các yêu cầu của Nhà trường. Đối với GV tập sự, khi kết thúc thời hạn tập sự, Khoa sẽ tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV tập sự, căn cứ vào kết quả của Khoa gửi lên, Nhà trường và phòng TCCB tổ chức họp rà soát để đưa ra kết luận về kéo dài/ký kết Hợp đồng lao động đối với GV tập sự **[H6.06.01.07], [H6.06.01.14] [H6.06.01.15]**.

Khoa KT-TC tuân thủ các quy định thực hiện tuyển dụng GV. Từ năm 2019-2024, Khoa KT-TC (khoa KT&QL trước đây) đã tuyển dụng được 17 cán bộ giảng viên, trong đó có 03 giảng viên trình độ chuyên môn PGS.TS, 07 cán bộ giảng viên có trình độ chuyên môn Tiến sĩ, 07 cán bộ GV có trình độ Thạc Sĩ và đang làm nghiên cứu sinh. Đối với ngành Kiểm toán, số GV hiện có đáp ứng CTĐT là 01 PGS.TS, 01 Tiến sĩ, 04 Thạc sĩ **[H6.06.01.88], [H6.06.02.04]**. Các cán bộ giảng viên này đều có phẩm chất đạo

đức và năng lực học thuật, NCKH tốt; được trau dồi kiến thức và học tập tại nước ngoài (Pháp, Australia, Trung Quốc...) hoặc tại các trường đại học có danh tiếng trong nước (Trường ĐH KTQD, Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, Trường Học viện Tài chính...).

Nhà trường và Khoa KT-TC cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của giảng viên (giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng khoa, phó trưởng khoa và các trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH. Trong năm học 2022-2023, Khoa có 02 CBGV năm 2022-2023 được bổ nhiệm làm GV chính [bs minh chứng], đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo Thông tư 08/2018/BGDĐT về điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các trường đại học.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển được thực hiện trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt và được rà soát, bổ sung hàng năm; đồng thời đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương [H6.06.03.04], [H6.06.01.68], [H6.06.01.69], [H6.06.01.70].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định hiện hành. Tuyển được đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt yêu cầu công việc và các điều kiện về tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí kinh nghiệm thực tế kế toán, kiểm toán; ngoại ngữ chưa được chú trọng trong tiêu chí tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 -2025, Khoa KT-TC và Phòng TCCB nâng cao tiêu chí tuyển dụng GV, NCV ngành Kiểm toán.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá.

1. Mô tả

Giảng viên là nguồn lực rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, vì vậy công tác đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng luôn

là một trong những mục tiêu then chốt trong định hướng phát triển của Nhà trường và Khoa KT-TC (Khoa KT&QL trước đây).

Tiêu chí về năng lực đội ngũ giảng viên đã được xác định rất rõ ràng ngay từ khâu tuyển dụng. Mặc dù, những ứng viên trúng tuyển làm giảng viên của Khoa KT-TC đều đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị Thạc sĩ, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm theo quy định và trình độ tiếng Anh phải đạt IELTS 5.0 hoặc TOEFL 450 quốc tế. Trong những năm qua, nhằm chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm cho đội ngũ giảng viên, Nhà trường thường xuyên cử các giảng viên của Khoa đi tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và cũng đã tổ chức riêng 2 khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giảng viên **[H6.06.04.05]**. Thông qua các chương trình học này, giảng viên được trang bị kiến thức, kỹ năng để chuẩn hóa năng lực sư phạm, nâng cao năng lực NCKH giúp cho việc đào tạo, giảng dạy của giảng viên ngày càng hiệu quả. Giảng viên của Nhà trường được đào tạo bài bản, tỷ lệ giảng viên được đào tạo trình độ Tiến sĩ tại nước ngoài cao. Khoa KT&QL đã tuyển dụng cán bộ giảng viên đáp ứng trình độ ngoại ngữ, tin học, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng của Nhà trường tổ chức và đạt được Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm **[H4.04.02.04]**. GV ngành Kế toán và Kiểm toán thường xuyên được cử tham gia các hội thảo khoa học, khóa học nâng cao chuyên môn, cập nhật chuyên môn của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc (ACCA), Hiệp hội kế toán quản trị Hoa Kỳ (IMA).

Kết thúc mỗi học phần, Nhà trường đều khảo sát lấy ý kiến người học đối với các hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thông qua phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá khuyết danh. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của sinh viên đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học **[H5.05.01.05]**. Chất lượng công tác giảng dạy của mỗi giảng viên cũng được nhà trường đánh giá hàng tháng, năm và làm căn cứ để chi trả thu nhập hàng tháng cho đội ngũ giảng viên **[H6.06.01.61]**, **[H6.06.01.08]**. Các cán bộ GV của Khoa luôn nhận được thông tin phản hồi tích cực từ kết quả đánh giá của người học về môn học giảng dạy thông qua phiếu đánh giá khuyết danh **[H6.06.04.10]**.

Khoa KT-TC luôn tích cực thực hiện đánh giá năng lực giảng dạy cùng với tổ chức hoạt động Seminar thường xuyên **[H1.01.03.05]**. Năm học 2018-2019, GV ngành Kế toán Kiểm toán hoàn thành một đề tài cấp bộ. CBGV luôn có ý thức nâng cao năng

lực bản thân thông qua những chứng chỉ nghề nghiệp Kế toán, Kiểm toán có uy tín trong nước và quốc tế. Cụ thể, có 01 GV đạt chứng chỉ ACCA - Chứng chỉ kiểm toán Anh Quốc, 01 GV đạt chứng chỉ CPA của Bộ Tài Chính, 03 GV đang theo học chương trình ACCA và 01 GV đạt học bổng chứng chỉ CertIFR tại Smarttrain - tổ chức đào tạo hàng đầu tại Việt Nam chuyên cung cấp các chương trình đào tạo kế toán - tài chính quốc tế chuyên sâu. Cán bộ GV ngành Kế toán và Kiểm toán thường xuyên được cử đi học và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ các khóa đào tạo chuyên sâu và các hội thảo trong nước và quốc tế **[H6.06.04.04], [H6.06.04.05], [H6.06.04.06], [H6.06.01.52]**.

Năm học 2019-2020, giảng viên của khoa thực hiện: 01 đề tài cấp bộ, 03 đề tài NCKH cùng SV, tổng bài báo và hội thảo 46 bài (trong đó 4 bài scopus). Năm 2020-2021, Khoa tiếp tục thực hiện: 08 đề tài NCKH cùng SV trong đó 07/08 bài nghiệm thu cấp trường, tổng bài báo 52 bài (trong đó 9 bài ISI & Scopus). Trong năm học 2021-2022, GV của toàn khoa đã hoàn thành 60 bài báo hội thảo và bài đăng tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế. Trên đà phát triển trong nghiên cứu khoa học vào những năm học sau, năm 2022-2023: Khoa QTKD&DL thực hiện: 01 đề tài cấp bộ, 01 đề tài cấp trường, 10 đề tài NCKH cùng SV, tổng bài báo và hội thảo đạt 59 bài. Các CBGV luôn không ngừng nâng cao năng lực bản thân thông qua những khóa học khác nhau nhằm nâng cao trình độ, hoàn thành khóa học nghiên cứu sinh.

Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của giảng viên; định mức giờ chuẩn cho từng giảng viên **[H6.06.01.61], [H6.06.04.01], [H6.06.04.02], [H6.06.04.03]**. Đây là cơ sở để Nhà trường tổ chức đánh giá, bình xét thi đua năm học và đánh giá viên chức hàng năm. Theo đó, mỗi giảng viên báo cáo kết quả giảng dạy, NCKH của cá nhân, tự đánh giá, phân loại và tự nhận hình thức thi đua khen thưởng **[H6.06.01.04], [H6.06.02.05], [H6.06.01.07], [H6.06.04.08]**. Báo cáo đánh giá được trình bày trong cuộc họp Khoa để tập thể Khoa đóng góp ý kiến và đánh giá, phân loại, bình bầu các danh hiệu thi đua hàng năm cho từng cán bộ GV của Khoa và Trường **[H6.06.01.10]**. Sau đó, kết quả này được Nhà trường và Hội đồng thi đua đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Các kết quả đều được lưu trữ tại phòng Hành chính quản trị và Nhà trường. Trong năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 Khoa đã nhận được danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, GV bộ môn luôn hoàn thành xuất sắc, tốt các nhiệm vụ, thể hiện sự nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao năng lực giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục

vụ cộng đồng **[H6.06.04.09]**, **[H6.06.01.07]**. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn thường xuyên triển khai và tổ chức các lớp bồi dưỡng năng lực và nghiệp vụ, thu hút số lượng GV tham gia đông đảo **[H4.04.02.04]**. Tỷ lệ GV đạt trình độ tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm của Khoa từ năm 2018-2022 đạt mức cao.

Bảng 16: Tỷ lệ giảng viên của Khoa và bộ môn TCKT đạt bằng, chứng chỉ

Chứng chỉ	Tỷ lệ có bằng, chứng chỉ của GV khoa	Tỷ lệ có bằng, chứng chỉ của GV BM TCKT
Tin học	100%	100%
Ngoại ngữ	97,3%	100%
Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	97,3%	100%

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy kiểm toán được Nhà trường và Khoa KT-TC xác định rất rõ ràng và nhất quán; được thực hiện đánh giá đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau **[H6.06.01.07]**. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng phấn đấu nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH; các cấp quản lý có cơ sở để xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực giảng viên của Khoa KT-TC được xác định rõ ràng và được đánh giá thường xuyên, theo đúng quy định. Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của phiếu đánh giá giảng viên. Việc đánh giá GV chưa tổng hợp đầy đủ các ý kiến đánh giá của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 -2025, Phòng KT&ĐBCL kết hợp với Khoa KT-TC sẽ phổ biến tới sinh viên tầm quan trọng của phiếu đánh giá trong việc đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên. Nhà trường cần thay đổi phương thức thực hiện đánh giá giảng viên để thu nhận được nhiều ý kiến phản hồi hơn trong công tác đánh giá. Việc đánh giá cần được đánh giá toàn diện (bao gồm các bên liên quan) và có tỷ trọng phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin, việc học tập, bồi dưỡng, nâng cao phát triển trình độ chuyên môn là nhu cầu tất yếu. Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên đóng vai trò là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Nhà trường và Khoa KT-TC rất chú trọng trong những năm vừa qua. Hàng năm, Nhà trường có gửi thông báo về đăng ký kế hoạch bồi dưỡng. Sau đó, Khoa KT-TC tiến hành tổ chức đăng ký kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cho các cán bộ GV trong Khoa theo yêu cầu của Nhà trường. Bản kế hoạch đăng ký có nội dung về thời gian học, hình thức các khóa học (online, offline) và kinh phí được tài trợ **[H6.06.01.83]**. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của giảng viên, cũng như nhân sự cho công tác chuyên môn, Khoa sẽ gửi bản tổng hợp đăng ký kế hoạch lên Phòng TCCB **[H6.06.01.83]**, **[H6.06.05.02]**. Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và xây dựng chế độ, chính sách nhằm khuyến khích cán bộ, giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ **[H6.06.01.85]**. Cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động này đều được nhà trường hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thời gian tham gia, cụ thể: hỗ trợ tiền lương và giảm định mức giảng dạy; Hỗ trợ kinh phí khi hoàn thành chương trình NCS và được cấp bằng tiến sĩ; đảm bảo các chế độ đúng theo quy định trong thời gian đi học **[H6.06.01.52]**. Đối với cán bộ giảng viên làm nghiên cứu sinh tại Trường sẽ được hỗ trợ học 100% học phí nghiên cứu sinh và giảm trừ 40% định mức giảng dạy mỗi năm **[H6.06.01.34]**, **[H6.06.01.35]**.

Khoa KT-TC thường xuyên cử GV tham gia các buổi hội thảo về nghề nghiệp Kế toán và Kiểm toán được tổ chức bởi các tổ chức đào tạo quốc tế có uy tín trong và ngoài nước như: ACCA, CMA, VACPA, Smarttrain... Từ năm 2018 -2020, 8 cán bộ giảng viên của Khoa (danh sách GV được cử đi học đính kèm trong minh chứng) đã được cử đi tham dự khóa đào tạo chuyên sâu về Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế IFRS của Bộ Tài Chính tổ chức **[H6.06.05.01]**. Thông qua những khóa học ngắn hạn này, các giảng viên được cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn thường xuyên để đáp ứng nhu cầu đào tạo sinh viên đúng như Chiến lược của Khoa đã đề ra **[H5.05.04.07]**. Bên cạnh đó, cán bộ GV bộ môn TCKT của Khoa luôn có tinh thần bồi

dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn bằng cách tham gia các Hội thảo online và offline về cập nhật kiến thức của các bên đối tác - trung tâm đào tạo chuyên môn kế toán và kiểm toán có danh tiếng như: ACCA, ICAEW, CPA Việt Nam, Smarttrain, Vietsourcing, ... Các hoạt động này nhận được sự hưởng ứng và tham gia tích cực từ đội ngũ cán bộ GV của Khoa. Bên cạnh các khóa học đào tạo, bồi dưỡng nằm trong kế hoạch của Nhà trường, GV ngành Kiểm toán cũng tích cực tham gia các khóa học không nằm trong kế hoạch đăng ký với nhà trường, do cá nhân tự bỏ kinh phí để học tập như: khóa học dài hạn và ngắn hạn về chứng chỉ kiểm toán quốc tế ACCA, khóa học Cer-IFR, Dip-IFRS, khóa học ngắn hạn về thuế của BTC, khóa học Management accounting của Smarttrain...

Việc nâng cao chuyên môn, phát triển đội ngũ học tập có chất lượng cao đã đưa đến những sự phát triển trong nghiên cứu, triển khai nội dung chuyên môn cập nhật yêu cầu quốc tế. Cụ thể, tháng 10/2018, Trường Đại học Điện Lực và Khoa KT-TC (khoa KT&QL trước đây) kết hợp với Viện nghiên cứu chiến lược thương hiệu và cạnh tranh (BSCI) đã tổ chức Hội thảo Khoa học cấp Quốc gia *“Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của DN Việt Nam”*, các cán bộ GV đã tích cực tham gia xây dựng, viết bài và chỉnh sửa bài Hội thảo, đóng góp công sức to lớn vào sự thành công của Hội thảo Khoa học. Năm 2020, hội thảo khoa học quốc gia *“Tăng trưởng xanh: Quản trị và phát triển doanh nghiệp”*, Khoa KT-TC (khoa KT&QL trước đây) – Trường ĐHQG cùng Khoa Kinh tế và Kế toán, Khoa TCNH và QTKD - Trường Đại học Quy Nhơn (QNU), Khoa QTKD - Trường Đại học Thương mại (TMU), Khoa Kế toán – Kiểm toán - Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (UEB) và BCSI, các nghiên cứu thể hiện năng lực NCKH của GV trong khoa, ứng dụng đào tạo chuyên môn trong kết nối mạng lưới **[H6.06.05.01]**. Năm 2023, nối tiếp những thành công rực rỡ trong sự kết nối và hợp tác tổ chức Hội thảo giữa các tổ chức giáo dục và các trường Đại học, Khoa KT-TC (khoa KT&QL trước đây) đồng tổ chức thành công Hội thảo Quốc tế ICRMAT lần thứ 5 diễn ra trong 2 ngày 09-10/8/2024 cùng với các trường: Đại học Công nghiệp, học viện Tài chính, trường Đại học Công nghệ Đông Á...hội thảo đã tạo ra một diễn đàn học thuật trao đổi, thảo luận về quản lý và đổi mới công nghệ trong thời kỳ chuyển đổi số.

Khoa KT-TC hiện tại có 03 GV đang học NCS. Trong đó ngành kiểm toán có 01 NCS, số GV còn lại đang chuẩn bị các điều kiện về ngoại ngữ, NCKH và các ý tưởng

cho việc đăng ký NCS trong năm tới. Khoa luôn đề cao và khuyến khích GV bổ sung kiến thức cũng như thi chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán trong và ngoài nước. Hiện tại, ngành kế toán và kiểm toán đang có 03 GV theo học Chứng chỉ ACCA của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc, 01 GV đạt học bổng chứng chỉ CertIFR tại Smarttrain - tổ chức đào tạo hàng đầu tại Việt Nam chuyên cung cấp các chương trình đào tạo kế toán - tài chính quốc tế chuyên sâu. Số lượng GV tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn khác của đội ngũ GV của khoa được thể hiện ở bảng 17.

Bảng 17: Thống kê hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV của Khoa trong giai đoạn 2018 - 2022

Năm	Nội dung	Số lượng GV khoa tham gia	Số lượng GV TCKT tham gia
2018	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	2	0
2019	Tập huấn khai thác tài nguyên giáo dục cho cán bộ chủ chốt về CNTT và thư viện điện tử	1	1
2019	Bồi dưỡng chứng chỉ CNTT cơ bản	22	11
2019	Tập huấn nghiệp vụ viết báo	2	1
2019	Bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên dạy chuyên môn bằng tiếng Anh	7	3
2019	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III	30	16
2019	Tập huấn nghiệp vụ văn thư lưu trữ	3	1
2020	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng II	19	11
2020	Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính 2020	4	1
2020	Trung cấp chính trị - hành chính K7-CT11	4	1

Năm	Nội dung	Số lượng GV khoa tham gia	Số lượng GV TCKT tham gia
2021	Khóa đào tạo giảng viên nguồn về quản trị DNNN	8	6
2023	Chuyển đổi số trong giáo dục và kỹ thuật xây dựng bài giảng điện tử E-learning cho giảng viên	6	4
2024	Khóa bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giảng viên dạy chuyên môn bằng tiếng anh	3	1

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm. Các GV ngành kiểm toán được lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân GV (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).

3. Điểm tồn tại

Các GV chưa thực hiện đăng ký đầy đủ các nhu cầu đào tạo chuyên sâu ngành kiểm toán, chưa chủ động trong quá trình cập nhật các khóa học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, Khoa KT-TC có kế hoạch khuyến khích học tập chuyên sâu cho các GV kiểm toán nâng cao trình độ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Để đánh giá hiệu quả công việc của GV dựa trên khối lượng giảng dạy và NCKH, Nhà trường ban hành Quyết định 136 về chế độ làm việc của giảng viên và Quyết định 796, Quyết định 510 về Quy chế quản lý hoạt động KHCN, có quy định cụ thể riêng cho GS và giảng viên cao cấp, GV chính, GV và GV tập sự [H6.06.01.61], [H6.06.01.64].

Định kỳ năm, Khoa triển khai kế hoạch làm việc theo năm của GV theo các nội dung đào tạo (giảng dạy, ra đề thi, chấm thi), nghiên cứu khoa học, phát triển khoa, học tập bản thân, truyền thông, hỗ trợ cộng đồng,... **[H5.05.04.07], [H6.06.01.02], [H6.06.06.05].**

Hàng tháng, GV tự đánh giá xếp loại thi đua gửi về Khoa, Khoa sẽ tổng hợp xếp loại gửi về phòng TCCB. Sau đó, Nhà trường tổ chức cuộc họp về kết quả lao động trong tháng để làm cơ sở trả thu nhập cho đội ngũ giảng viên (hiện tại là Quyết định 38/QĐ-ĐHDL, ngày 16/01/2020) và có gửi lại Kết luận cuộc họp của Hội đồng Thi đua - khen thưởng qua email cho từng Khoa và cán bộ GV. Cuối năm, Nhà trường có thông báo về các đơn vị tổ chức đánh giá, phân loại công chức, viên chức **[H6.06.01.08]**. Các Khoa sẽ tổ chức buổi tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên trong năm học để làm cơ sở bình xét các hình thức thi đua, khen thưởng khác nhau theo những tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong các quy chế về thi đua khen thưởng **[H6.06.01.09], [H6.06.01.10], [H6.06.06.01], [H6.06.06.02], [H6.06.06.03], [H6.06.06.04].**

Những giảng viên hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác; cụ thể là đối với mức độ đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, cán bộ giảng viên phải đáp ứng các tiêu chí a, b, c, d tại khoản 1 Mục 4.1 Công văn số 9226/BCT-TCCB của Bộ Công Thương, trung bình cộng điểm thi đua trung bình 7 tháng đầu năm đạt từ 97 điểm trở lên và trung bình cộng điểm đánh giá hiệu quả công việc 3 tháng cuối năm đạt từ 81 điểm trở lên. Đối với mức độ đánh giá “Hoàn thành nhiệm vụ”, cán bộ GV phải đáp ứng các tiêu chí a, b, c, d tại khoản 1 Mục 4.1 Công văn số 9226/BCT-TCCB, trung bình cộng điểm thi đua trung bình 7 tháng đầu năm đạt từ 94 điểm trở lên và trung bình cộng điểm đánh giá hiệu quả công việc 3 tháng cuối năm đạt từ 80 điểm trở lên. Mức độ đánh giá cuối cùng là “Không hoàn thành nhiệm vụ”, cán bộ GV có 1 trong các tiêu chí tại khoản 1 Mục 4.1 Công văn số 9226/BCT-TCCB, trung bình cộng điểm thi đua trung bình 7 tháng đầu năm đạt dưới 91 điểm và trung bình cộng điểm đánh giá hiệu quả công việc 3 tháng cuối năm đạt dưới 78 điểm **[H6.06.01.45]**. Trong các năm từ 2015-2020, Khoa KT&QL và ngành kế toán và kiểm toán luôn có cán bộ, GV đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua” theo hướng dẫn của Bộ Công thương và hướng dẫn hàng năm của Trường Đại học Điện lực, tỷ lệ GV ngành đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cao” **[H6.06.01.07], [H6.06.01.10]**. Bên cạnh đó, Khoa

KT&QL có thực hiện hệ thống đánh giá riêng của khoa đối với từng GV **[H6.06.06.02]**, **[H6.06.06.07]**, **[H6.06.06.08]**, **[H6.06.06.09]**, **[H6.06.01.28]** .

*Bảng 18: Số lượng giảng viên của ngành Kế toán và Kiểm toán
được khen thưởng các cấp*

Hình thức	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Chiến sĩ thi đua	01	01	01	01	01
Hoàn thành XS nhiệm vụ	01	01	01	02	05
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	10	11	15	15	12

Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ giảng viên chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân sẽ tạo động lực cho cán bộ giảng viên phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu. Ngoài ra, hàng tháng Nhà trường đều tổ chức đánh giá hiệu quả công việc của mỗi giảng viên để làm cơ sở trả thu nhập hàng tháng cho đội ngũ giảng viên. Trong nhiều năm, các GV của Khoa đa số được đánh giá đạt hiệu quả cao trong công việc, một số GV được cộng điểm do có sự đóng góp trong các hoạt động ngoại khóa của Trường và Khoa **[H6.06.01.04]**, **[H6.06.01.05]**, **[H6.06.01.07]**, **[H6.06.01.08]**.

Nhà trường cũng có quy định khen thưởng đối với những công trình khoa học công bố trên các tạp chí uy tín của nước ngoài. Theo đó, những bài báo được đăng tải trên các tạp chí thuộc danh mục Scopus, ISI đều được thưởng tiền từ 20.000.000 triệu đến 30.000.000 triệu đồng **[H6.06.01.34]**, **[H6.06.01.35]**. Đối với giảng viên là NCS, nhà trường luôn chú trọng sát sao theo dõi kết quả học tập của các NCS để có thể kịp thời đôn đốc, hỗ trợ và khuyến khích NCS hoàn thành kế hoạch trước thời hạn **[H6.06.06.01]**. Đối với giảng viên là tiến sĩ, nhà trường có định mức về các công trình công bố hàng năm, và đây là cơ sở để các giảng viên được hưởng hệ số thu hút khi chi trả lương hàng tháng **[H6.06.01.26]**. Từ năm 2018 đến nay, Khoa KT-TC (khoa KT&QL trước đây) có 09 GV được hưởng hệ số thu hút chi trả lương. Khối lượng nghiên cứu, giảng dạy và năng lực chuyên môn của GV được ghi chép trong hồ sơ khoa học, năng lực để từ đó có cơ sở đánh giá, ghi nhận **[H6.06.01.88]**.

Bằng những chính sách quản trị theo kết quả công việc nêu trên nên trong những năm qua, nhiều giảng viên của nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt danh

hiệu chiến sĩ thi đua. Số lượng các công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín ngày càng tăng. Số lượng công trình nghiên cứu khoa học của Khoa từ năm 2018-2022 tăng theo cấp số nhân **[H6.06.01.05]**.

Các quy chế về lương, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý khoa học và công nghệ, quy chế thi đua khen thưởng đều được lấy ý kiến góp ý của tất cả các cán bộ, giảng viên trong nhà trường; quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động. Các công văn lấy ý kiến xây dựng, góp ý cho dự thảo các Văn bản quy định hiện hành về đánh giá hiệu quả công việc đều được gửi qua email cho cán bộ GV của Khoa, của ngành và thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức và người lao động **[H6.06.04.01]**, **[H6.06.04.02]**.

Qua các buổi họp Khoa, Nhà trường, các cán bộ, GV hài lòng với kết quả thi đua khen thưởng hàng năm của Khoa, Nhà trường. Các cán bộ, GV trong Khoa có kết quả thi đua khen thưởng đều được đánh giá cao của tập thể cán bộ GV Khoa **[H6.06.01.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có những quy định cụ thể, rõ ràng về khối lượng công việc của mỗi giảng viên, có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, NCKH mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Chính sách NCKH mới áp dụng cho GV, NCV tiến sĩ, chưa được mở rộng cho GV, NCV có trình độ Thạc sĩ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022 -2023, Phòng TCCB xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích NCKH (cho các GV, NCV có trình độ thạc sĩ).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa KT-TC đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác NCKH đối với từng giảng viên. Các loại hình và định mức NCKH của giảng viên được quy định rõ trong quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

của nhà trường. Từ năm 2018, ngoài các định mức chung về khối lượng NCKH quy định trong quy chế quản lý hoạt động KH&CN, đối với các giảng viên của Khoa có trình độ tiến sĩ, nhà trường còn có quy định cụ thể về số lượng công trình công bố trên các tạp chí là tối thiểu 02 bài báo trên các tạp chí được tính. Việc triển khai các hoạt động KH&CN đã được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục; được quy định cụ thể trong Quy chế Hoạt động Khoa học công nghệ **[H6.06.04.07]**, **[H6.06.06.03]**. Quy chế về QLKH CN của Trường đã xác định rõ các loại hình nghiên cứu khoa học của trường, đồng thời, quy chế này cũng đưa định mức chuẩn về NCKH cho từng chức danh giảng viên, từ GV cao cấp đến GV hợp đồng, GV cao cấp là 280 (theo QĐ 510 là 740 tiết nghiên cứu KH/năm), GV chính theo QĐ 510 là 670 tiết/năm, GV phải đạt 160 tiết NCKH/năm (theo QĐ 510 là 586 tiết). Quy chế cũng quy đổi tính giờ NCKH cho GV giữ chức vụ quản lý (đối với Trưởng khoa, phó Khoa).

Tổng hợp khối lượng NCKH qua 5 năm (2018-2022) đã được Khoa KT-TC (khoa KT&QL trước đây) thống kê gồm 03 đề tài các cấp, 178 bài báo đăng trên các tạp chí và 69 bài hội thảo trong nước và quốc tế **[H6.06.01.05]**.

Bảng 19: Bảng so sánh khối lượng nghiên cứu khoa học qua trong 4 năm của Khoa KT&QL

Khoa KT&QL trước đây	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 20201- 2022	Năm học 20202- 2023	Năm học 20203- 2024	Tổng cộng
Đề tài Cấp Bộ	1	0	0	0	0	1
Đề tài Cấp trường	0	0	0	0	0	0
Bài báo	45	52	57	45	62	261
Hội thảo	30	1	10	5	8	54

Để đánh giá chính xác và khoa học về chất lượng KH&CN của giảng viên, Nhà trường và Khoa KT-TC (khoa KT&QL trước đây) tổ chức định kỳ rà soát yêu cầu tất cả đề tài NCKH các cấp đều phải có công bố khoa học. Trước khi được nghiệm thu, mỗi đề tài phải có ít nhất 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học hoặc 01 bài hội thảo **[H6.06.04.07]**. Nhà trường cũng có các chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên

đăng tải các bài báo trên các tạp chí uy tín quốc tế (ISI, SCOPUS) cũng như khuyến khích công bố các kết quả NCKH tại các hội nghị trong và ngoài nước.

Bảng 20: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây (2019-2024)

T T	Phân loại đề tài	Hệ số (**)	Số lượng					
			Năm 2019- 2020	Năm 2020- 2021	Năm 2021- 2022	Năm 2022- 2023	Năm 2023- 2024	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(7)	(7)	(8)
1	Đề tài cấp NN	2	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1	1	0	0	0	0	1
3	Đề tài cấp trường	0.5	0	0	0	0	0	0,5
	Tổng	3	1	0	0	0	0	1,5

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 2,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,03.

Bảng 21: Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Khoa thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong giai đoạn 2019 - 2024

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	4	6	10	7	8	52,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	41	47	47	38	54	227

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		45	53	57	45	62	279,5

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 187,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,2

Cán bộ giảng viên của Khoa cũng tích cực tham gia biên soạn xuất bản sách tham khảo, sách giáo trình dành cho sinh viên chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Kiểm toán, Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng.

Bảng 22: Số lượng cán bộ cơ hữu thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2019 – 2024

TT	Phân loại sách	Hệ số**		Số lượng				
			Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0		-	-	-	-	-
2	Sách giáo trình	1,5	-	-	1	-	2	3
3	Sách tham khảo	1,0	-	-	2	-	0	2
4	Sách hướng dẫn	0,5		-	8	-	0	4
5	Tổng		-	-	11	-	2	9

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 11,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,13.

Bảng 23: Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong

giai đoạn 2019 – 2024

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	10	13	20
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	0	14	7	20

Kết thúc năm học, Khoa KT-TC (khoa KT&QL trước đây) luôn có hoạt động đánh giá, so sánh kết quả thực hiện các hoạt động NCKH của giảng viên qua các năm. Mỗi GV có tổng hợp công trình NCKH hàng năm đảm bảo yêu cầu của một GV đại học [H6.06.01.88]. Từ đó, Khoa và các giảng viên sẽ đưa ra các định hướng nghiên cứu mới và khắc phục những nhược điểm còn tồn tại trong công tác NCKH [H1.01.03.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có những quy định cụ thể về các loại hình KHCN và khối lượng NCKH đối với từng chức danh giảng viên. Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hằng năm khi kết thúc năm học. GV Bộ môn TCKT, Khoa tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có phân tích, đánh giá thống kê để có định hướng NCKH giảng viên những năm tiếp theo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 -2023, Phòng QLKH&HTQT và Khoa KT-TC (khoa KT&QL trước đây) thực hiện phân tích, đánh giá số liệu thống kê NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên của Nhà trường và Khoa KT-TC đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn và NCKH. Hoạt động NCKH được Khoa KT-TC rất coi trọng, nhờ đó

các giảng viên được nâng cao năng lực chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường và Khoa KT-TC đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng giảng viên hằng năm trên cơ sở phân tích nhu cầu, khối lượng công việc của từng khoa. Giảng viên được tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định và tiêu chí tuyển dụng đã được nhà trường công bố công khai trong các kỳ tuyển dụng.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên được nhà trường và Khoa KT-TC thực hiện bài bản theo đúng quy định, nhờ đó đội ngũ giảng viên đã đáp ứng được đúng, đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ hỗ trợ, phục vụ là thành phần không thể thiếu và là một trong những yếu tố quan trọng giúp GV hoàn thành tốt công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của nhà trường có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng được yêu cầu đối với mỗi loại chức danh công việc, hỗ trợ tốt cho chương trình đào tạo ngành Kiểm toán.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Các căn cứ vào kế hoạch sử dụng lao động, các công văn của trường ĐHĐL, quyết định của trường về phê duyệt kế hoạch bổ sung lao động cho các đơn vị trực thuộc trường, kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ hỗ trợ các bộ phận (TTHL, trung tâm Công nghệ thông tin, phòng ĐT, KT&ĐBCL, phòng CTSV, trực giảng, trung tâm Thực hành – thí nghiệm) **[H6.06.01.83]**. Điều này đã thể hiện rõ công tác phân tích/ dự báo về nhu cầu về đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong trường ĐHĐL nói chung, ngành Kiểm toán nói riêng.

Tại trường ĐHĐL, các quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ hỗ trợ rõ ràng, các quy hiện hành về việc chấm dứt hợp đồng và cho cán bộ nghỉ hưu đối với cán bộ hỗ trợ được áp dụng theo Luật lao động, Luật viên chức **[H6.06.01.09]**. Đồng thời, nhà trường

có chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đặc biệt, đội ngũ cán bộ hỗ trợ có trình độ là tiến sỹ, nhà trường có hệ số phụ cấp lương thu hút, nhằm thu hút được lực lượng lao động chất lượng cao trong quản lý **[H6.06.01.83]**, **[H6.06.01.25]**, **[H6.06.01.26]**, **[H6.06.01.27]**.

Căn cứ vào nhu cầu nhân sự của các đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nhân lực hàng năm trong đó xác định rõ yêu cầu và vị trí tuyển dụng **[H6.06.01.09]**, **[H7.07.01.01]**. Căn cứ vào kế hoạch tuyển dụng, phòng TCCB nhà trường triển khai công tác tuyển dụng theo đúng quy trình về công tác tuyển dụng **[H6.06.01.81]**. Thông tin về tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và một số phương tiện thông tin đại chúng; mọi thông tin liên quan đến chỉ tiêu, điều kiện dự tuyển, hồ sơ dự tuyển... đều được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong thông báo tuyển dụng **[H6.06.01.03]**. Cơ cấu, số lượng của từng vị trí việc làm đối với đội ngũ hỗ trợ, phục vụ cũng được nhà trường phân tích và xác định rõ trong đề án vị trí việc làm **[H6.06.01.01]**, **[H6.06.01.02]**.

Quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý các bộ phận như TTHL, trung tâm Công nghệ thông tin, phòng ĐT, KT&ĐBCL, phòng CTSV, trực giảng, trung tâm Thực hành – thí nghiệm ... được thực hiện theo các quyết định phê duyệt quy hoạch cán bộ cấp đơn vị giai đoạn 2017-2021 và 2021-2026 nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt luôn đủ về số lượng, chất lượng, thực hiện nhiệm vụ nhà trường giao trong mọi giai đoạn công việc **[H6.06.01.54]**, **[H6.06.01.55]**, **[H6.06.01.58]**.

Việc thu hút, tuyển dụng, phát triển và quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được **[H7.07.01.]**, thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng **[H6.06.01.85]**. Đội ngũ hỗ trợ phục vụ cho CTĐT ngành Kiểm toán đơn vị chuyên môn luôn được đào tạo, phát triển hàng năm **[H6.06.01.83]**.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên trong trường cụ thể như sau:

TTHL có 06 lao động với chuyên môn phù hợp **[H7.07.01.08]**, **[H7.07.01.09]**, **[H7.07.01.21]**, **[H7.07.01.22]**, **[H7.07.01.23]**, **[H7.07.01.025]** có nhiệm vụ hỗ trợ quản lý đầu mục giáo trình, sách tham khảo, báo cáo và luận văn tốt nghiệp của ngành; tư vấn hỗ trợ SV nhiệt tình trong quá trình mượn, trả học liệu. Thư viện luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin và lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động

học tập và nghiên cứu của GV và SV trong trường nói chung và cho ngành Kiểm toán nói riêng. Thư viện nhà trường mở cửa phục vụ SV học tập từ 7h30 tới 19h hằng ngày (trong đó có thời gian hỗ trợ mượn tài liệu thư viện và thời gian tự học của SV tại thư viện), thể hiện rõ qua bản mô tả công việc của TTHL **[H7.07.01.20]**.

Phòng Đào tạo có 08 lao động **[H7.07.01.21]**, **[H7.07.01.22]**, **[H7.07.01.23]**, **[H7.07.01.025]**; thực hiện quy trình đào tạo, hỗ trợ SV đăng ký môn học và xếp thời khóa biểu, tư vấn lịch học phù hợp đối với các đối tượng SV của ngành Kiểm toán; hỗ trợ xét điều kiện tốt nghiệp, phát bằng tốt nghiệp. Thái độ của nhân viên hỗ trợ đào tạo luôn nhẹ nhàng, niềm nở và nhiệt tình đối với SV **[H7.07.01.03]**, **[H7.07.01.05]**, **[H7.07.01.09]**, **[H7.07.01.15]**.

Phòng KT&ĐBCL có 07 lao động **[H7.07.01.02]**, **[H7.07.01.21]**, **[H7.07.01.22]**, **[H7.07.01.23]**, **[H7.07.01.025]**; bao gồm các công việc hỗ trợ xây dựng quy trình, kế hoạch thi kết thúc học phần, thi cuối khóa, quản lý hệ thống ngân hàng đề thi cho từng môn học của ngành Kiểm toán; hỗ trợ quản lý bài thi và lưu trữ bài thi; hỗ trợ cập nhật và thống nhất điểm thi cho SV ngành Kiểm toán **[H7.07.01.17]**.

Phòng CTSV có 07 lao động **[H7.07.01.04]**, **[H7.07.01.21]**, **[H7.07.01.22]**, **[H7.07.01.23]**, **[H7.07.01.025]**; thực hiện hỗ trợ quản lý SV nghỉ học, bỏ học, quản lý báo cáo kết quả rèn luyện của SV, hỗ trợ thống kê học bổng cho SV; hỗ trợ quản lý chế độ bảo hiểm, miễn giảm học phí cho SV **[H7.07.01.16]**.

Trung tâm Công nghệ thông tin có 05 nhân sự **[H7.07.01.07]**, **[H7.07.01.21]**, **[H7.07.01.22]**, **[H7.07.01.23]**, **[H7.07.01.025]**; thực hiện công việc hỗ trợ quản lý account, email; hỗ trợ đăng nhập sử dụng các phần mềm phục vụ tốt cho công tác đào tạo và quản lý SV **[H7.07.01.09]**.

Trung tâm CNTT có 05 lao động đều có bằng cấp về CNTT **[H7.07.01.09]**, **[H7.07.01.08]**, **[H7.07.01.21]**, **[H7.07.01.22]**, **[H7.07.01.23]**, **[H7.07.01.025]**; đảm bảo khả năng hỗ trợ GV và SV trong việc giảng dạy và học tập về các vấn đề liên quan hệ thống thông tin, mạng Internet **[H7.07.01.08]**.

Phòng Trực giảng có 06 lao động **[H7.07.01.09]**, **[H7.07.01.06]**, **[H7.07.01.21]**, **[H7.07.01.22]**, **[H7.07.01.23]**, **[H7.07.01.025]**; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ việc sử dụng có hiệu quả hệ thống giảng đường và thiết bị trên giảng đường, hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo của ngành Kiểm toán cả môn lý thuyết và môn thực hành **[H7.07.01.06]**.

Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm có 9 lao động **[H7.07.01.12], [H7.07.01.21], [H7.07.01.22], [H7.07.01.23], [H7.07.01.025]** thực hiện quản lý hệ thống phòng thí nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác giảng dạy và học tập các môn thực hành, thực tập.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng tốt về nhu cầu nghiên cứu khoa học. Hiện tại Phòng QLKH&HTQT có 07 lao động **[H7.07.01.21], [H7.07.01.22], [H7.07.01.23], [H7.07.01.025]**, thực hiện công việc hỗ trợ tổng hợp kết quả sơ duyệt các sáng kiến, các đề tài nghiên cứu khoa học của SV và giảng viên ngành KIỂM TOÁN để xét duyệt, xác nhận khối lượng nghiên cứu khoa học.

Tất cả đội ngũ hỗ trợ, phục vụ đều được đảm bảo số lượng nhân viên phù hợp, hiệu quả trong hoạt động, đều có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, (đa phần các trưởng phòng đều có trình độ Tiến sỹ, như trung tâm CNTT, Đào tạo, CTSV, KT&ĐBCL, QLKH và HTQT) để đảm đương được khối lượng công việc được phân công, hỗ trợ đắc lực để giải quyết các vấn đề cho GV và người học ngành Kiểm toán **[H7.07.01.21], [H7.07.01.22], [H7.07.01.23], [H7.07.01.025]**.

Bên cạnh đó, có 05 giảng viên ngành Kiểm toán cũng được phân công kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, quản lý SV của ngành; tư vấn cho SV các vấn đề liên quan đến học tập; hướng dẫn SV tiếp cận các nguồn học liệu; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong nhà trường trong việc tổ chức cho SV tham gia các hoạt động, phong trào xã hội, hoạt động cộng đồng; phối hợp với Phòng CTSV, Đoàn thanh niên nhà trường để theo dõi, đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của SV; kết hợp với Ban cán sự và Chi đoàn lớp chấm điểm rèn luyện học kỳ, năm học của SV. Đội ngũ giảng viên ngành Kiểm toán kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có trình độ công nghệ thông tin, hỗ trợ và giải đáp thắc mắc kịp thời, nhiệt tình cho SV của ngành. Bên cạnh đó, việc tương tác giữa cố vấn học tập và nhân viên hỗ trợ của các phòng ban tạo điều kiện cho SV dễ dàng tiếp cận được các thông tin về học tập, nghiên cứu khoa học cũng như hoạt động xã hội một cách nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ. Điều này đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Bảng 24: Công tác cố vấn học tập các lớp thuộc ngành KIỂM TOÁN năm 2020-2022

T T	Lớp	Họ và tên GV	Thời gian CVHT	Số QĐ
1	D16KIỂM TOÁN	Nguyễn Thị Kiều Trang	2021-2025	
2	D17KIỂM TOÁN 1	Nguyễn Đức Quang	2022-2026	
3	D17KIỂM TOÁN 2	Nguyễn Tố Tâm	2024-2026	1479 ngày 20/9/2024
4	D18 KIỂM TOÁN	Bùi Nhất Giang	2024-2027	1479 ngày 20/9/2024
5	D19 KIỂM TOÁN1	Nguyễn Thị Kiều Trang	2024-2028	1479 ngày 20/9/2024
6	D19 KIỂM TOÁN2	Nguyễn Đức Quang	2024-2028	1479 ngày 20/9/2024

Ngoài ra, khoa có 1 thư ký khoa thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổ chức sắp xếp và quản lý văn bản, hồ sơ, tài liệu của ngành; trực văn phòng, cập nhật và gửi các văn bản, thông báo, quyết định, các thông tin của nhà trường tới các giảng viên; đảm bảo yêu cầu thông tin liên lạc, tổ chức sắp xếp công việc hàng ngày nhằm hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của ngành Kiểm Toán.

Phiếu khảo sát SV, GV hàng năm về mức độ hài lòng đối với các phòng ban, TTHL, Trung tâm CNTT đã được thực hiện nhằm tìm hiểu về trạng thái thỏa mãn mức độ hài lòng của SV về đội ngũ GV và hỗ trợ **[H7.07.01.24]**.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ SV tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của SV liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp SV có thành tích học tập đồng thời, giúp SV hoàn thiện các kỹ năng mềm, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Đề án vị trí việc làm còn chưa cập nhật tác động của CMCN 4.0.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, phòng TCCB cập nhật đề án vị trí việc làm theo yêu cầu của CMCN 4.0.

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7 điểm.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Để xây dựng đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực để đáp ứng được yêu cầu công việc được phân công, nhà trường luôn chú trọng tới công tác tuyển dụng. Nhà trường có văn bản thông báo tuyển dụng bao gồm tiêu chí tuyển dụng đối với cán bộ hỗ trợ theo từng vị trí việc làm cụ thể **[H6.06.01.61]**.

Các tiêu chí được đưa ra cụ thể trong quá trình tuyển dụng, lựa chọn các nhân viên hỗ trợ thực hiện CTĐT trong quá trình thực hiện của ngành đào tạo **[H6.06.01.61]**.

Tiêu chí chung áp dụng đối với các cán bộ nhân viên trong trường học:

1. Đủ sức khỏe, kỹ năng, khả năng, chuyên môn, trình độ phù hợp trong công việc được phân công để làm việc.
2. Có tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống phù hợp, ý thức kỷ luật tốt.
3. Có năng lực làm việc tốt, yêu nghề, giao tiếp và hỗ trợ tốt khoa chuyên môn và SV trong thực hiện CTĐT.

Trên thực tế, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển được thực hiện trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt và được rà soát, bổ sung hàng năm **[H7.07.02.01]; [H7.07.02.02]** ; đồng thời đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương **[H6.06.01.80], [H6.06.01.81], [H6.06.01.83], [H6.06.02.04]**. Dựa vào các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên hỗ trợ đào tạo ngành, nhà trường xét cụ thể các tiêu chí tuyển dụng hàng năm, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan **[H7.07.01.24]; [H7.07.02.05]** nhằm tuyển dụng nhân lực phù hợp, nhằm đạt hiệu quả cao trong tuyển dụng, đồng thời tuyển dụng được nguồn nhân lực phù hợp cho nhiệm vụ hỗ trợ ngành đào tạo.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường

và trong thông báo tuyển dụng của Nhà trường [H7.07.02.01], [H7.07.02.03], [H7.07.02.04], [H7.07.02.06] với những tiêu chí cụ thể sau:

- Có quốc tịch Việt Nam và có địa chỉ thường trú tại Việt Nam;
- Có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ luật tốt;
- Có văn bằng, chứng chỉ, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu của ngành dự tuyển; trình độ ngoại ngữ phù hợp theo quy định của bộ giáo dục.
- Có lý lịch rõ ràng

Bên cạnh đó, các ứng viên dự tuyển cần đáp ứng thêm một số tiêu chuẩn như tuổi đời dự tuyển không quá 40, không có khuyết tật về hình thể và không nói ngọng, nói lắp.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định. Nhân viên hỗ trợ, phục vụ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm để hỗ trợ tốt cho ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa sử dụng hiệu quả kết quả phân tích khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, phòng KT&ĐBCL và phòng TCCB thực hiện phân tích sâu kết quả khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7 điểm.

Tiêu chí 7.3. Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá.

1. Mô tả

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược của nhà trường và thỏa mãn đề án việc làm [H6.06.01.89]. Chính vì vậy, công tác xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ cán bộ viên chức luôn được Nhà trường quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Các quy định về các phương thức đánh giá năng lực của cán bộ công nhân viên được ghi rõ ràng trong một số văn bản [H7.07.03.01].

Căn cứ dựa trên các tiêu chí của mỗi công việc theo đề án việc làm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi viên chức đều được Nhà trường đánh giá theo tháng dựa trên các tiêu chí về chấp hành các quy định của nhà trường, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao **[H7.07.03.01-01]**, **[H7.07.03.01-02]**, **[H7.07.03.01-03]**, **[H7.07.03.01-04]**, **[H7.07.03.01-05]**. Kết thúc năm, nhà trường cũng triển khai đánh giá, phân loại viên chức, bình xét thi đua năm học **[H7.07.03.04]** nhằm làm rõ ưu, khuyết điểm, mạnh mẽ, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể các viên chức trong nhóm đội ngũ công tác hỗ trợ khoa chuyên môn trong triển khai CTĐT, được xem xét và đánh giá khá chi tiết quá trình thực hiện công việc của cá nhân.

Việc xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đã được thực hiện hàng năm và đồng thời được lưu tại 02 bộ phận: phòng ban chức năng và phòng TCCB **[H7.07.03.04]**. Năng lực của đội ngũ nhân viên còn được đánh giá bởi sự hài lòng của các bên liên quan như GV, SV, cụ thể phiếu khảo sát sự hài lòng đã được thực hiện từ năm 2018 **[H7.07.01.24]**.

Thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá thông qua các cuộc họp thường xuyên tại các bộ phận chức năng. Kết quả đánh giá đội ngũ hỗ trợ, phục vụ ngành đào tạo đều đạt mức hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở cho thấy đội ngũ hỗ trợ, phục vụ của nhà trường đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu của vị trí việc làm **[H6.06.01.89]**. Tuy nhiên trong một số trường hợp, các cán bộ công nhân viên thực hiện công việc chưa tốt, hoặc không đạt tiêu chuẩn, nhà trường thực hiện luân chuyển cán bộ phù hợp để thực hiện triển khai công việc hỗ trợ đào tạo hợp lý **[H7.07.01.01]**.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ công nghệ thông tin tốt; liên tục được đào tạo, nâng cao trình độ đảm bảo thích ứng kịp thời với công việc; hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ phát triển nghề nghiệp của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, phòng TCCB và các đơn vị sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7 điểm

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động nhằm duy trì và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên góp phần quyết định để Nhà trường phát triển trong môi trường cạnh tranh trong đào tạo như hiện nay. Vì vậy, công tác đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ được nhà trường thực hiện một cách bài bản [H7.07.04.01], [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Hàng năm, trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên thông qua nhu cầu đào tạo cá nhân, đồng thời nhu cầu của nhà trường để xác định các nội dung đào tạo trong tương lai gần cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02].

Dựa trên đánh giá nhu cầu đào tạo cá nhân, tổ chức, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên và xây dựng chế độ, chính sách nhằm khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.01.83].

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng, số lượng cán bộ công nhân viên đã tham dự các khóa đào tạo tại mỗi năm học. Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã cử 212 người đi học lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên; mở 01 lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng cho 139 người và cử 52 lượt viên chức phòng chức năng tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ khác [H6.06.01.83]. Bên cạnh đó, số GV khoa KT&QL đã tham gia các khóa đào tạo cụ thể được thể hiện ở tiêu chuẩn 6. Cán bộ, GV và nhân viên tham gia các hoạt động này đều được nhà trường hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thời gian tham gia, cụ thể: hỗ trợ tiền lương; đảm bảo các chế độ trong thời gian đi học.

Tất cả các chế độ chính sách đào tạo được công khai trong toàn trường thông qua quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm, Trường ĐHĐL đã chi với số tiền hàng trăm triệu đồng cho đào tạo nhằm nâng cao chất lượng GV và cán bộ công nhân viên tại các bộ phận, phòng ban [H7.07.04.02], [H7.07.04.03], [H7.07.04.04], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.07], [H7.07.04.08], [H7.07.04.09], [H7.07.04.10]. Về ý kiến phản hồi, đánh giá mức độ hài lòng của GV, CBCNV đều được thực hiện ngay sau khóa đào tạo, người học được hỏi đánh giá về khóa học và điền phiếu khảo sát sau khi tham gia đào tạo, tuy nhiên điều này chỉ áp dụng với một số khóa đào tạo.

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, phòng TCCB và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7 điểm.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc [H7.07.05.01], [H7.07.05.02] của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được nhà trường tổ chức đánh giá hàng tháng và đây là cơ sở để nhà trường trả lương. Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch thông qua các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong các chính sách về nhân sự, về lương của nhà trường [H7.07.05.01], [H7.07.05.02].

Hàng kỳ, Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét thi đua năm học. Những nhân viên hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng **[H7.07.05.05]**, theo đúng Quy định về thi đua khen thưởng của Nhà trường. Sự công nhận và khen thưởng hàng năm được triển khai là động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ tích cực hơn trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao **[H7.07.03.07]**. Năm 2021, sự đánh giá của người học về đội ngũ hỗ trợ đạt từ mức trung bình trở lên, tỷ lệ không hài lòng rất thấp **[H7.07.01.12]**.

Các đội ngũ nhân viên đều có bản kế hoạch thực hiện công việc hàng tháng, năm dựa trên bản kế hoạch công việc hàng tháng cụ thể tại mỗi phòng ban chức năng. Giáo vụ khoa thường xuyên hỗ trợ SV, giải đáp các thắc mắc qua nhiều hình thức: gặp trực tiếp, điện thoại cá nhân, email. Phòng ĐT thực hiện hỗ trợ SV đăng kí môn học, mọi thắc mắc đã được trả lời nhanh chóng. Phòng CTSV trực tiếp hỗ trợ SV nhanh chóng và hiệu quả trong quá trình hoạt động như xét học bổng, miễn giảm học phí, bảo lưu học tập. TTHL đã cung cấp các giáo trình phù hợp cho môn học, thực hiện cập nhật thường xuyên các giáo trình theo yêu cầu của khoa chuyên môn. Tất cả các bộ phận hỗ trợ đã nâng cao hoạt động hiệu quả của các nhân viên hỗ trợ đào tạo, thống nhất hướng tới hiệu quả chung trong việc cung cấp một chất lượng dịch vụ hoàn hảo nhất cho các SV tại Trường ĐHDL.

Trong các văn bản dự thảo trước khi được ban hành chính thức, trường ĐHDL thường cho phép 100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Đồng thời, các hội nghị công nhân viên chức hàng năm là thời điểm một văn bản được xem xét lần cuối cùng trước khi ban hành chính thức dựa trên số đông cán bộ công nhân viên đồng ý.

Do căn cứ xem xét về kết quả công việc khá rõ ràng, đội ngũ nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của trường ĐHDL và các cấp có thẩm quyền không có đơn thư khiếu nại về các kết luận của hội đồng về thi đua khen thưởng tại Trường ĐHDL.

2. Điểm mạnh

Có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai; có cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của GV.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, phòng KT&ĐBCL và phòng TCCB, đơn vị sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ của nhà trường đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn, đủ về số lượng. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm trên cơ sở phân tích nhu cầu, khối lượng công việc của từng đơn vị. Nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định và tiêu chí tuyển dụng đã được nhà trường công bố công khai trong các kỳ tuyển dụng.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên cũng được nhà trường thực hiện bài bản theo đúng quy định, nhờ đó đội ngũ GV đã đáp ứng được đúng, đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 4/7.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hỗ trợ người học

Mở đầu

Với quan điểm của giáo dục hiện đại, người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Chất lượng người học sẽ quyết định đến sự phát triển về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chất lượng đầu ra của ngành Kiểm toán và của Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) . Vì vậy tất cả các hoạt động của Trường ĐHDL, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) đều hướng đến việc phục vụ người học, đáp ứng các yêu cầu của người học, đồng thời cam kết đảm bảo đầy đủ quyền lợi và lợi ích chính đáng theo văn bản hiện hành của Nhà nước, quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường.

Để trợ giúp người học trong quá trình học tập tại ngành Kiểm toán thì Nhà trường và Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) đã luôn tạo điều kiện tốt

nhất cho người học như thành lập trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và việc làm, định kỳ tổ chức các buổi giao lưu giữa sinh viên và doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý sinh viên, kí kết hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp [H8.08.04.07].

Ngay từ khi mới nhập học, tất cả sinh viên đều được nhà trường phổ biến, hướng dẫn đầy đủ và chi tiết về chương trình giáo dục, tiến độ đào tạo, quy chế thi, kiểm tra đánh giá học phần, điều kiện để được thi kết thúc học phần, điều kiện để được thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và các quy định khác trong Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT ban hành để sinh viên hiểu rõ và tự giác phấn đấu học tập, rèn luyện đạt kết quả tốt, cũng như các hoạt động hỗ trợ sinh viên, hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học (NCKH), Câu lạc bộ kỹ năng cho sinh viên và đảm bảo an toàn trong trường học.

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện chính để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, khẳng định uy tín của ngành Kiểm toán, của Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL), của nhà trường trong lĩnh vực kế toán và tài chính. Các sinh viên ngành Kiểm toán cũng đã và đang phát huy truyền thống của ngành, Khoa và Nhà trường, từ đó góp phần đưa Nhà trường trở thành một trường đại học có chất lượng.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật.

1. Mô tả

Là đơn vị tự chủ, trực thuộc Bộ Công thương đồng thời chịu sự quản lý của Bộ GD&ĐT về lĩnh vực đào tạo, Trường ĐHĐL luôn luôn thực hiện đúng các qui định về tuyển sinh của BGD&ĐT. Đề án tuyển sinh các năm của Trường ĐHĐL đã xác định rõ về chính sách tuyển sinh của nhà trường. Đề án đã quy định chi tiết về toàn bộ các đối tượng tuyển sinh, quy trình tuyển sinh [H8.08.01.01]. Năm 2014, Trường ĐHĐL thực hiện tuyển sinh hệ chính quy với các đối tượng là người hoàn thành chương trình học phổ thông, có điểm thi tuyển 3 môn Toán, Văn, Tiếng Anh hoặc Toán, Lý, Hoá lớn hơn điểm sàn quy định. Từ năm 2015 đến nay, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học của BGD&ĐT nhà trường đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy.

Theo đúng tinh thần của đề án, hàng năm các thông tin về tuyển sinh trường ĐHDL bao gồm: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh các ngành trong đó có ngành Kiểm toán công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin tuyển sinh, trong cuốn những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm. Đề án tuyển sinh các năm của trường được công bố công khai trên cổng thông tin của Bộ (thituyensinh.com.vn), của Trường ĐHDL (epu.edu.vn, tuyensinh.epu.edu.vn), tờ rơi, facebook của trường ([epu235](https://www.facebook.com/epu235)), của khoa (fem.epu.edu.vn). Nhà trường tham gia ngày hội tuyển sinh của Bộ GDĐT tổ chức tại các địa điểm trường đại học, trường phổ thông trong cả nước [H8.08.02.04].

Khi xét tuyển thì các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt. Trước năm 2015, các thí sinh trúng tuyển vào trường là những thí sinh có điểm tổng 03 môn thi lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển chung của cả trường sẽ được gọi nhập học theo ngành. Tất cả các thông tin đều được công bố công khai trong đề án tuyển sinh (năm 2018 với các khối thi A00, A01, D01 D07) [H8.08.01.01].

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được phòng đào tạo tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh (Bảng 25) [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.08].

Bảng 25: Thống kê tuyển sinh trong 5 năm 2019-2024(hệ chính quy)

Năm học	Số TS đăng ký vào CTĐT	Số sinh viên trúng tuyển nhập học (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm 30	Số lượng SV Quốc tế nhập học (người)
1	2	3	4	5
2020- 2021(D15)	60	83	15	0
2021-2022 (D16)	60	72	19.5	0
2022-2023 (D17)	60	82	23	0
2023-2024 (D18)	60	72	22.5	0
2024-2025 (D19)	100	92	21.5	0

Riêng đối với các trường hợp tuyển thẳng, hoặc đào tạo theo hiệp định chính phủ thì quy trình tuyển sinh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và được thể hiện trong đề án tuyển sinh của nhà trường **[H8.08.01.01]**.

Chính sách tuyển sinh của nhà trường được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, đánh giá số lượng tuyển sinh các ngành cũng như nhu cầu thị trường lao động. Hàng năm, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) có thực hiện khảo sát ý kiến của người học về CTĐT và chính sách chung của nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên về cơ bản hài lòng về chính sách tuyển sinh của nhà trường trong thời gian vừa qua **[H8.08.01.06]**. Hàng năm, trường tổ chức họp đánh giá cùng trong Hội đồng tuyển sinh trong trường để tổng kết để điều chỉnh quy mô, phương thức tuyển sinh **[H8.08.01.02]**, **[H8.08.01.03]**. Đồng thời, để xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm, Trường gửi thông báo tới Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) để phân tích xác định nhu cầu nhân lực cho ngành Kiểm toán, xác định con số tuyển sinh phù hợp nhân lực của khoa. Khoa đã họp và đánh giá số lượng giảng viên và dự báo số lượng nhân sự nghỉ theo chế độ, dự kiến định biên để xây dựng kế hoạch phát triển khoa từ đó xác định số lượng tuyển sinh đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội và phù hợp quy mô nhân sự và cơ sở vật chất của Khoa. Khoa lập kế hoạch phát triển khoa gửi Nhà trường để xây dựng chiến lược tuyển sinh **[H8.08.01.04]**, **[H8.08.01.07]**.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội, chỉ tiêu của Nhà trường, xu hướng phát triển của ngành, được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội.

3. Điểm tồn tại

Công tác xây dựng đề án tuyển sinh phù hợp gặp nhiều khó khăn trong việc xác định chỉ tiêu và dự đoán số lượng tuyển sinh thực tế do sự thay đổi về chính sách tuyển sinh những năm gần đây.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 -2025, Phòng quản lý Đào tạo cùng với Khoa KT-TC (trước là khoa Kinh tế và Quản lý) sẽ tổ chức hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh toàn diện, phân tích chi tiết để đảm bảo chất lượng công tác tuyển sinh đại học chính

quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển và sự thay đổi của xã hội nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức điểm 4/7.

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ĐHĐL được ghi rõ trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường **[H8.08.01.01]**. Từ năm 2015, thực hiện rõ ràng, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT đó là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm các môn thi Toán, Văn, Tiếng Anh, cộng điểm ưu tiên xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển theo ngành đào tạo của nhà trường sẽ được gọi nhập học **[H8.08.01.02]**.

Thí sinh dự tuyển tra cứu kết quả xét tuyển tại cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường trên website: <http://tuyensinh.epu.edu.vn/home/XacNhanNH> **[H8.08.01.02]**.. Sau khi có kết quả xét tuyển thì hội đồng tuyển sinh của nhà trường gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển ngành Kiểm toán để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong Giấy báo. Quá trình nhập học được tổ chức bài bản, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nhập học.

Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) kết hợp với nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cho phù hợp với nhu cầu đào tạo của trường và theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hàng năm, sau khi hoàn thành tuyển sinh, Trường ĐHĐL tổ chức họp phân tích cơ cấu sinh viên, đánh giá số liệu sinh viên đầu vào, cải thiện tiêu chí tuyển chọn **[H8.08.02.01]**. Trong năm 2018 chỉ xét kết quả thi THPTQG, năm 2019 có xét thêm phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập các năm THPT. Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) tham gia quảng bá tuyển sinh, các hoạt động tuyển sinh của Nhà trường **[H8.08.02.03]**.

Các cuộc họp về tiêu chí và phương thức tuyển chọn đầu vào đều có ý kiến đại diện của Hội đồng tuyển sinh, Đoàn Thanh niên, các khoa để có đưa ra những phản hồi tích cực trong công tác tuyển sinh **[H8.08.02.01]**, **[H8.08.01.08]**. Bên cạnh đó, thông qua hội nghị đối tác doanh nghiệp hàng năm, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là

Khoa KT&QL) nhận được những đóng góp về tiêu chí tuyển sinh, những thay đổi của thị trường lao động [H8.08.01.06].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học của nhà trường rõ ràng, theo quy định của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như ngành Kiểm toán.

3. Điểm tồn tại

Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, phòng Quản lý Đào tạo cùng Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) thực hiện tham khảo ý kiến đầy đủ các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức điểm 4/7.

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Để giám sát sự tiến bộ học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập và cảnh báo học vụ, nhà trường giao trách nhiệm cho Phòng Quản lý Đào tạo và Phòng CTSV. Phòng Quản lý Đào tạo phân công nhiệm vụ cho chuyên viên chịu trách nhiệm, theo đó, sinh viên hàng năm đăng ký khối lượng tín chỉ theo từng học kỳ trên phần mềm, chuyên viên thông báo về kết quả đăng ký. Phòng CTSV cùng với Phòng Quản lý Đào tạo giám sát công tác tiến bộ học tập của người học thông qua việc ban hành Hướng dẫn sử dụng thông tin điện tử cho phụ huynh tra cứu về kết quả học tập, tình trạng học phí,... [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Bên cạnh đó, CVHT là người sát sao với SV để theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và có những hỗ trợ SV đạt được mục tiêu học tập của mình [H4.04.02.01].

Hàng kỳ, Phòng Quản lý Đào tạo kết hợp với Phòng CTSV thống kê số lượng sinh viên các đạt kết quả cao trong học tập, số sinh viên phải học lại, sinh viên thôi học của ngành Kiểm toán đến Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) và cố

vấn học tập để kiểm soát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của sinh viên; trên cơ sở đó, nhà trường, Khoa và CVHT có biện pháp can thiệp kịp thời **[H8.08.03.03]**, **[H8.08.03.04]**, **[H8.08.03.05]**. Kết quả thống kê này được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của khoa, nhà trường **[H8.08.03.08]**, **[H8.08.04.01]**.

Đối với ngành Kiểm toán, người học sẽ phải hoàn thành 131 tín chỉ, từ năm 2022 sau khi hiệu chỉnh CTĐT thì số lượng tín chỉ phải hoàn thành là 128 tín chỉ (quy đổi 1 tín chỉ bằng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thảo luận hoặc bài tập) trong 4 năm (8 học kỳ chính). Thời gian khóa học quy định với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 13 học kỳ (6,5 năm) **[H2.02.01.02]**, kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo loại thang điểm là thang điểm 10 và thang điểm chữ (hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập được thể hiện trong đề cương chi tiết của các học phần). Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm chữ đạt từ điểm D (4-4,9 trên thang điểm 10). Trong trường hợp SV không đạt phải đăng ký học lại học phần đó. SV được trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2.0 trở lên theo thang điểm 4. Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành Kiểm toán không vượt 20 tín chỉ (trừ học kỳ 2 năm thứ nhất có các môn học liên quan đến quốc phòng an ninh, học tập trung trên cơ sở 2). SV được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ.

Ngay từ khi nhập học, sinh viên ngành Kiểm toán cũng như sinh viên toàn trường được phổ biến, hướng dẫn nội quy quản lý SV, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học. Điểm rèn luyện của người học được đánh giá đảm bảo chính xác, công khai theo đúng quy định. Kết thúc học kỳ, năm học và khóa học, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) tổ chức cho sinh viên tự chấm điểm đánh giá kết quả rèn luyện của mình thông qua tập thể lớp bình xét từng người một, trình hội đồng khoa và cuối cùng là Nhà trường xem xét và quyết định công nhận. Đây là cơ sở để xét học tiếp, ngừng học, buộc thôi học, xét công nhận tốt nghiệp và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV **[H8.08.03.03]**, **[H8.08.03.04]**, **[H8.08.03.05]**

Bảng 26: Kết quả rèn luyện của sinh viên ngành Kiểm toán giai đoạn 2020-2024

Khóa	Học kỳ	Số lượng	Xuất sắc	Tốt	Kh á	Trung Bình	Yếu	Kém	% khá trở lên
2020-2021	1	90	2	64	21	3	0	0	96.77%
	2	87	5	54	27	0	1	0	98.85%
2021-2022	1	157	7	108	37	3	2	0	96.81%
	2	157	10	123	19	1	4	0	96.81%
2022-2023	1	237	15	164	51	3	4	0	97.04%
	2	231	11	156	60	1	3	0	98.27
2023-2024	1	298	37	230	30	1	0	0	99.66
	2	298	35	232	30	1	0	0	99.66

(Nguồn: Phòng CTSV)

Bên cạnh đó, các GV ngành Kiểm toán, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) , Nhà trường luôn có kế hoạch và triển khai các biện pháp phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập của sinh viên, khuyến khích tinh thần học tập của SV như tổ chức các buổi giới thiệu nghề nghiệp, kết hợp với các tổ chức nghề nghiệp như ACCA, VACPA tổ chức sinh viên tham gia các buổi Job tour tại các công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán; trao học bổng cho sinh viên **[H8.08.04.01], [H8.08.04.13]**.

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ Trường ĐHDL đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể là: Đã xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, website quản lý đào tạo, website thông tin đào tạo, cung cấp tài khoản cho người học, thành lập hội đồng đánh giá và các quyết định về công tác rèn luyện SV; hội đồng và các quyết định về công tác công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học, quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học **[H8.08.03.07], [H8.08.03.10]**.

2. Điểm mạnh

Việc quy định chi tiết và ban hành công khai trong Sổ tay SV về quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy của Nhà trường cùng với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành Kiểm toán nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Công tác của CVHT chưa thực sự sâu sát về theo dõi sự tiến bộ của người học trong việc rèn luyện và học tập. Phần mềm quản lý đang được xây dựng và hoàn thiện nên đôi khi còn có lỗi vận hành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, Phòng CTSV, Phòng ĐT và Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) đã cùng các CVHT sử dụng hiệu quả các dữ liệu thống kê cho việc phân tích kết quả và đưa ra các giải pháp để nâng cao tiến độ chất lượng của người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Để giúp SV học tập tốt, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc khi tốt nghiệp thì ngoài khía cạnh giảng dạy trên lớp, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện thì Trường ĐHDL nói chung, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) nói riêng đã huy động toàn hệ thống chính trị vào cuộc. Hệ thống chính trị (Đảng ủy Trường, Ban giám hiệu, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL), Phòng CTSV, Phòng ĐT, Đoàn thanh niên Nhà trường, Trung tâm HTVL&KN đã thực hiện các hoạt động như: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của các CVHT [H04.04.02.01], tổ chức hội thảo việc làm, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học SV, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc, vay vốn tín dụng SV, [H8.08.04.05], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07], [H8.08.04.08] [H8.08.04.10],[H8.08.04.11], [H8.08.04.12], [H8.08.04.17]. Nhà trường đưa vào hệ thống quản lý phần mềm mới để phục vụ quá trình học tập, quá trình thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên như website đăng ký môn học trực tuyến sinhvienepu.edu.vn, dkmh.epu.edu.vn; hệ thống tổ chức thi hết học phần QKT.E.TEST, tăng cường liên kết gia đình Nhà trường. Chính nhờ những hoạt động này cùng với hoạt động quảng bá, giới thiệu về trường, khoa, ngành Kiểm toán trên các phương tiện đại chúng và SV được bố trí thời gian đi thực tập tốt nghiệp nhằm

giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành Kiểm toán sau 1 năm tốt nghiệp trong 2 năm chiếm tỷ lệ cao.

Với sinh viên mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học thì Nhà trường đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học, biết được các hoạt động CLB **[H4.04.01.02]**. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, NCKH tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình **[H8.08.04.02]** và đánh giá hoạt động tham gia CLB, nhóm nghiên cứu để tăng cường kỹ năng cho SV **[H8.08.04.01]**.

Bảng 27: Bảng thống kê số lượng sinh viên nhận học bổng ngành Kiểm toán năm 2020-2024

Khóa	Số lượng SV	Xuất sắc	Giỏi	Khá
2020-2021	13	0	9	4
2021-2022	12	1	11	0
2022-2023	17	2	15	0
2023-2024	43	17	25	1

(Nguồn: Phòng CTSV)

Nhà trường không ngừng hợp tác với các hiệp hội, doanh nghiệp trong việc hợp tác đào tạo như ACCA Anh, IMA Hoa Kỳ, VACPA, Smart Train, MISA cho ngành Kiểm toán. Đồng thời trao học bổng cho sinh viên, phần thưởng khi tốt nghiệp, học bổng của doanh nghiệp, học bổng cho thủ khoa, trong các chương trình chào tân sinh viên của Nhà trường, của khoa. Các năm học đều nhận được học bổng tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức tài chính **[H8.08.04.01]**, **[H8.08.04.07]**.

Trường ĐHĐL có Trung tâm HTVL& KN chịu trách nhiệm hỗ trợ việc làm cho người học **[H8.08.04.14]**. Cùng với đó, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) định kỳ tổ chức hội thảo tiếp cận doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, trao đổi kinh nghiệm giữa cựu sinh viên và sinh viên đang học **[H8.08.04.10]**. Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) cử 1 GV phụ trách web, fanpage và liên tục cập

nhật về tư vấn việc làm cho SV. Bên cạnh đó, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) mở trang fanpage riêng về việc làm cho SV **[H8.08.04.16]**.

Các đối tác của Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) hỗ trợ SV ngành Kiểm toán thực hành môn học, thực tập tốt nghiệp, các buổi định hướng nghề nghiệp, các học bổng nâng cao trình độ, hỗ trợ cho các hoạt động ngoại khoá cho SV ngành Kiểm toán - Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) và có những hỗ trợ về tư vấn việc làm cho SV **[H8.08.04.08], [H8.08.04.10], [H8.08.04.15]**.

Bên cạnh các hoạt động triển khai hoạt động như: tư vấn học tập từ các cố vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức cho SV của khoa, của các câu lạc bộ, các hoạt động phong trào của trường, của Khoa. Nhà trường còn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, Nhà trường thực hiện đầy đủ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, 49/2010/NĐ-CP, NĐ 74/2013/NĐ-CP, TT 20/2014/TTLT-BDGDĐT-BTC-BLĐTBXH. Trước năm học 2015-2016, Nhà trường cấp giấy xác nhận để SV thuộc đối tượng này về nhận trợ cấp tại các địa phương nơi gia đình SV cư trú. Từ học kỳ I năm học 2015-2016, Nhà trường trực tiếp chi trả cho SV. Nhà trường Có văn bản thông báo cụ thể thời hạn tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các chế độ ưu đãi cho SV. Chính vì thế mọi SV đều hiểu rõ thực hiện nghiêm túc, mọi chế độ liên quan đến SV đều được Nhà trường giải quyết nhanh chóng, kịp thời và đúng chế độ quy định của Nhà nước **[H8.08.04.02]**.

Bảng 28: Bảng số lượng sinh viên miễn giảm học phí ngành Kiểm toán năm 2020-2024

Năm học	Ngành	Học kỳ	Số lượng	Miễn 100% HP	Miễn 70% HP	Miễn 50% HP
2020-2021	Kiểm toán	1	2	0	1	1
		2	2	0	0	2
2021-2022	Kiểm toán	1	2	0	0	2
		2	2	0	0	2
2022-2023	Kiểm toán	1	3	0	0	3
		2	3	0	0	3
2023-2024	Kiểm toán	1	4	0	0	4

		2	4	0	0	4
Tổng			22	0	1	21

(Nguồn Phòng CTSV)

Khảo sát ý kiến người học cho thấy Nhà trường chăm lo tốt nhu cầu cho SV về sức khỏe, nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các hoạt động Đoàn, Hội giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với SV **[H8.08.04.11]**.

Nhà trường triển khai thăm dò ý kiến người học về chất lượng giảng dạy các môn học, về giảng viên; thăm dò ý kiến người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo. Ý kiến người học được tổng hợp theo các tiêu chí cho từng giảng viên, cho đơn vị và toàn trường. Để công tác thăm dò ý kiến người học thực hiện với số lượng phiếu lớn (mỗi đợt hơn 10 ngàn phiếu), đảm bảo 100% sinh viên được lấy ý kiến hàng năm và trên 90% giảng viên được lấy ý kiến, Nhà trường đã trang bị cho Phòng KT& ĐBCL phần mềm lấy ý kiến người học online, các kết quả được công bố công khai để giảng viên và người học được biết. Trường đã thực hiện việc khảo sát về việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên. Các kết quả cho thấy, hàng năm, tỉ lệ sinh viên xin được việc làm trên 97 % số sinh viên trả lời **[H8.08.04.12]**. Hàng năm, số liệu khảo sát tỷ lệ SV có việc làm được công khai trên Website Nhà trường và chi tiết theo từng ngành học. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm cũng được nhà trường và Khoa KTQL chú trọng và nhận được sự đánh giá cao từ phía người học. Kết quả khảo sát những năm 2018-2019 cho thấy sự hài lòng cao 90% người học hài lòng về chất lượng, hiệu quả tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm **[H8.08.04.11]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, khoa, đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ SV trong ngành Kiểm toán tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập, Trao học bổng, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Nhiều SV và GV chưa tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Chưa phát huy được hết các kết nối với các doanh nghiệp để thực hiện tốt hơn các hoạt động thực tập, hướng nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL) duy trì và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập và hỗ trợ khác, hoạt động ngoại khóa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, có được việc làm đúng ngành nghề khi tốt nghiệp ra trường.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Mặc dù khuôn viên, diện tích, điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường còn hạn chế, cụ thể trường có diện tích 1,98ha ở cơ sở 1 tại địa chỉ 235 Hoàng Quốc Việt - Bắc Từ Liêm - Hà Nội với tổng diện tích xây dựng 26.375m², và 7.9302 ha ở cơ sở 2 tại Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội với tổng diện tích xây dựng 37.736m², nhưng Nhà trường đã có nhiều biện pháp cùng với GV, người học tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Hiện nay khuôn viên của trường được tách làm hai phần rõ rệt. Một khu vực dành cho đào tạo, NCKH, các khối hành chính, văn phòng với các phòng học được trang bị điều hòa, máy chiếu, camera. Một khu vực dành cho thực hành, thí nghiệm, giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng được đầu tư, bài bản, hiện đại, tầm cỡ của quốc gia với không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, ghế đá, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, hội trường **[H8.08.05.01]**. Tại các khu vực này đều có những bảng, biểu hướng dẫn sử dụng cũng như quy tắc ứng xử của CBGV, SV trong Nhà trường **[H8.08.05.03]**.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường đã ký hợp đồng khám sức khỏe với các trung tâm y tế, đảm bảo 100% sinh viên nhập học được khám sức khỏe **[H8.08.05.02]**. Trong năm học, Phòng y tế của Trường thực hiện nhiệm vụ tư vấn sức khỏe, sơ cứu, điều trị, cấp phát thuốc các bệnh thông thường cho sinh viên và chuyển tuyến trong những trường hợp cần thiết. Nhà trường thực hiện đúng việc mua bảo hiểm y tế cho sinh viên theo quy định của Nhà nước, mua bảo hiểm thân thể tự nguyện cho sinh viên **[H8.08.05.02]**. CVHT, Đoàn TN và Trung tâm HTVL&KN đóng vai trò là bộ phận tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc đồng thời trực tiếp quản lý mọi mặt các hoạt động của tập thể lớp, của từng sinh viên trong quá trình

học tập tại trường. Các CVHT đã lên kế hoạch, bố trí thời gian theo thời khóa biểu để gặp gỡ sinh viên, tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, lập danh sách lý lịch trích ngang sinh viên, cùng gia đình sinh viên hướng dẫn phương pháp học tập đại học, NCKH, tư vấn tâm lý cho sinh viên... Hàng năm, Phòng CTSV đều tiến hành tổng kết công tác quản lý sinh viên và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo.

Thư viện điện tử của Trường có phòng đọc rộng, được trang bị máy lạnh, có đầy đủ tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các sinh viên đều được hướng dẫn phương pháp học ở đại học, hướng dẫn sử dụng thư viện, tìm kiếm tài liệu học tập, các thông tin mới nhất về các thư viện sách truyền thống và thư viện điện tử được cập nhật cho sinh viên **[H8.08.05.07]**.

Nhà trường, Khoa KT-TC (trước đây là Khoa KT&QL) thường xuyên tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia hoạt động, tập luyện văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, Nhà trường có sân thể thao đa năng, và một số sân thể thao riêng về cầu lông, bóng bàn, bóng rổ, bóng đá ở cơ sở 1 và 2. Hàng năm, Nhà trường duy trì: Tổ chức hội diễn văn nghệ toàn trường vào dịp 20/11; Hội thao toàn trường vào dịp 26/3, thi giọng ca vàng, nữ sinh thanh lịch, thi cắm hoa, thi nấu ăn, thi đấu bóng đá, bóng chuyền, tennis, cầu lông, ...Đến năm 2024, Đoàn thanh niên đã thành lập được 11 câu lạc bộ sở thích để các sinh viên tham gia như Câu lạc bộ (CLB) thanh niên tình nguyện, CLB thanh niên vận động hiến máu, CLB Sinh viên nghiên cứu khoa học, CLB Robocon, CLB văn nghệ, CLB Guitar, CLB Kỹ năng sống, CLB Tiếng Anh, CLB võ thuật, CLB cầu lông, CLB nữ sinh **[H8.08.04.15]**. Công tác an ninh trật tự trong Trường luôn được giữ vững với nhiều biện pháp khác nhau để triển khai nhiệm vụ an ninh, an toàn trong trường học, cụ thể là: Ban hành nội quy cơ quan, nội quy Ký túc xá. Đối với Khoa KT-TC có 3 CLB trực thuộc (CLB Kế toán – Kiểm toán – Tài chính AAF, CLB Tiếng Anh FMEC, CLB Truyền thông FEM2C) **[H8.08.05.08]** và tạo điều kiện cho SV Kiểm toán có cơ hội tham gia các hoạt động ngoại khoá, tăng cường các kỹ năng và sự tự tin trong quá trình học tập tại môi trường đại học.

Nhà trường có đội ngũ giữ gìn an ninh trật tự, hệ thống camera theo dõi thường xuyên, Nhà trường đã phối hợp Công an các phường, xã trên địa bàn để kiểm tra, nắm rõ tình hình học sinh, sinh viên, đăng ký tạm trú tạm vắng cho sinh viên trong ký túc xá. Do đó sinh viên luôn được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe cũng như tài sản cá nhân.

Trường duy trì tổ chức bếp ăn tập thể, căng tin để phục vụ ăn uống và các nhu cầu thiết yếu hàng ngày của sinh viên; định kỳ đã được cơ quan Y tế Hà Nội kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm **[H8.08.05.04]**.

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong Nhà trường cũng được thực sự quan tâm. Nhà trường hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV **[H8.08.05.05]**.

Văn hoá học đường là một môi trường rất quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp, vấn đề xây dựng văn hoá học đường phải được coi là trọng tâm và quan trọng trong từng trường học. Với nhận thức đó, Nhà trường đã lên kế hoạch dự thảo và lấy ý kiến để ban hành Bộ Quy định về văn hoá học đường và quy tắc ứng xử văn hoá của người học tại Đại học Điện lực. Mục đích của Bộ quy định này là hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện tại Nhà trường, quy định cách ứng xử và những việc phải làm hoặc không được làm đối với người học đang học tập tại Trường; xây dựng văn hoá học đường văn minh, hiện đại, phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, điều kiện kinh tế - chính trị của đất nước và điều kiện thực tế của Nhà trường đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng chống bạo lực học đường **[H8.08.05.03]**. Tại Khoa KT-TC, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ giảng viên luôn đề cao việc xây dựng văn hoá ứng xử giữa giảng viên và sinh viên, tạo môi trường học tập lành mạnh, văn minh cho người học.

Bên cạnh đó, các hoạt động hỗ trợ việc làm, hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tổ chức các hoạt động học thuật, các cuộc thi sáng tạo cũng được Khoa KT-TC hết sức quan tâm. Đối với ngành Kiểm toán, với sự đồng hành của các đối tác là các doanh nghiệp như: ACCA, VACPA, Công ty kiểm toán RSM, Unistars, Mazars... tham gia EPU's Job Fair hàng năm thu hút đông đảo sự quan tâm của người học. Khởi đầu mỗi năm học mới, Khoa KT-TC tổ chức chương trình Định hướng nghề nghiệp cho các chuyên ngành đào tạo trong đó có ngành Kiểm toán, đã giúp người học hiểu rõ hơn về chuyên ngành đào tạo, những kiến thức và kỹ năng đạt được khi theo học **[H8.08.05.08]**.

Môi trường và cảnh quan của Nhà trường được người học đánh giá tốt bởi đã tạo được hứng thú cho họ để phát huy khả năng học tập. Nhìn chung, các hoạt động hỗ trợ SV đã có tác dụng tích cực, giúp SV đạt kết quả tốt trong học tập và rèn luyện, số lượng

sinh viên được khen thưởng ngày càng tăng. SV được khảo sát đánh giá hài lòng về môi trường, cảnh quan phục vụ học tập [H8.08.04.11].

Trong giai đoạn từ năm 2020-2022, đại dịch Covid -19 đã ảnh hưởng tới Việt Nam nói chung và sinh viên trường Đại học Điện lực nói riêng, nhà trường đã quyết định hỗ trợ sinh viên ở mức 500.000 đ/sinh viên, cùng với những suất quà hỗ trợ cho các bạn là F0 đang ở ký túc xá tại trường. Điều kiện để được hưởng trợ cấp được thông báo rộng rãi cụ thể trên trang: sinhvien.epu.edu.vn. Sự hỗ trợ kịp thời này đã động viên rất lớn tới sức khỏe và tinh thần của của các em sinh viên khi theo học. [H8.08.05.09]

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, nghiên cứu và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào tình nguyện... qua đó giúp rèn luyện sinh viên về thể chất, tinh thần, có tác dụng giáo dục tốt, góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Mặt bằng của nhà trường còn hạn chế, tiến độ xây dựng còn chưa đáp ứng nhu cầu (mặc dù đã có quy hoạch, KH).

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024 – 2025, Trường ĐHDL sẽ trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong Nhà trường. Nhà trường đặt thêm nhiều ghế đá, hoàn thiện vườn hoa cây cảnh tạo không gian, cảnh quan phù hợp trong trường đại học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Kiểm toán. Trường ĐHDL và Khoa KT-TC (trước đây là Khoa Kế toán - Tài chính (trước đây là Khoa KT&QL)) đã có nhiều biện pháp để đảm bảo chất lượng người học. Chất lượng này thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của các chuyên ngành khi nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại nhà trường của người học, được lưu trữ trên phần mềm quản lý của Nhà trường, có hệ thống giám sát kết quả học tập và rèn luyện, kết nối nhà trường và gia đình sinh viên.

Bên cạnh đó, người học còn được sự hỗ trợ của Khoa, nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, cấp học bổng cho những SV có thành tích học tập và rèn luyện đạt tiêu chuẩn quy định của Nhà trường, cho vay vốn theo chương trình hỗ trợ của ngân hàng, các hoạt động hỗ trợ học bổng, tư vấn hướng nghiệp, hoạt động đoàn thể ... nhằm khuyến khích người học nâng cao kết quả học tập, rèn luyện và NCKH.

Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Hệ thống các phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường ĐHDL thường xuyên đầu tư bổ sung, cải tạo, sửa chữa đã làm giàu thêm, phong phú thêm cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH cho Nhà trường. Nhà trường đã tăng cường công tác quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả tối đa cơ sở vật chất hiện có, đồng thời xây dựng môi trường Nhà trường cảnh quan đảm bảo xanh - sạch - đẹp. Công tác quản lý nề nếp ngày càng đi vào thực chất đáp ứng mọi nhu cầu của người học. Từ Thư viện, phòng học lý thuyết tới các phòng thực hành, phòng thí nghiệm... Trong thời gian tới Nhà trường sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực và tiếp tục đầu tư thêm các trang thiết bị để phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường bố trí hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đầy đủ các trang thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Không chỉ như vậy, để tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhóm người lao động và người học chất lượng cao, Nhà trường bố trí phòng làm việc riêng bao gồm phòng giáo sư, phó giáo sư, phòng nghiên cứu sinh và học viên cao học. Mặc dù việc bố trí phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu Nhà trường mới chỉ dựa vào số biên chế, tính chất công việc và cách tổ chức sắp xếp nhân sự của từng đơn vị để quyết định số lượng phòng và diện tích phòng làm việc mà chưa có quy định hay thống nhất chung về vấn đề này. Nhưng điều này hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu làm việc của người lao động. Dưới đây là bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Nhà trường:

Bảng 29: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Nhà trường

Danh mục	Số lượng/đơn vị	Ghi chú
Diện tích đất sử dụng	Cơ sở 1: 19,826 m ² . Cơ sở 2: 79,302 m ² .	[H9.09.01.01]
Diện tích sàn xây dựng	Cơ sở 1: 33,503 m ² . Cơ sở 2: 37,736 m ² .	[H9.09.01.01]
Số phòng học	129 phòng học lý thuyết. 62 phòng thí nghiệm, thực hành. 2 hội trường.	[H9.09.01.01] [H9.09.01.02] [H9.09.01.03]
Diện tích sử dụng giảng dạy	Phòng học lý thuyết: 16,610 m ² . Phòng thí nghiệm, thực hành: 10,424 m ² . Hội trường: 992 m ²	[H9.09.01.01]

(Nguồn: Báo cáo ba công khai năm học 2023-2024)

Trang thiết bị vật chất trong phòng làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu như: bàn, ghế ngồi làm việc, tủ đựng tài liệu, máy in, máy phôtô đèn, quạt, điều hòa nhiệt độ, bộ phát wifi, máy tính được nối mạng đảm bảo đủ tốc độ làm việc.... Đồng thời, nhà trường áp dụng triển khai ứng dụng CNTT mạnh mẽ trong hầu hết các nội dung quản lý với nhiều phần mềm quản lý chuyên dụng như: phần mềm quản lý đào tạo Edusoft, cổng thông tin tuyển sinh, phần mềm tổ chức thi kết thúc học phần, phần mềm thi trắc nghiệm, phần mềm thống kê lấy ý kiến người học, phần mềm chấm thi trắc nghiệm tuyển sinh, phần mềm quản lý đề thi tự luận, phần mềm thư viện điện tử, cổng thông tin Trường Đại học Điện lực (<http://epu.edu.vn>), phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý nhân sự. Hệ thống phòng học, giảng đường được trang bị với nhiều trang thiết bị hiện đại nhìn chung đã đáp ứng đủ phòng học phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Các phòng học của Nhà trường đã được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện dạy và học gồm: bàn, ghế, bảng, bục, đèn chiếu sáng, quạt, điều hòa nhiệt độ và phần lớn đã được phủ sóng wifi... [H9.09.01.02]

Để tăng cường công tác quản lý và khai thác có hiệu quả các phòng học năm 2017 nhà trường đã quyết định thành lập tổ trực giảng và quản lý cơ sở vật chất với nhiệm vụ trực giảng, quản lý và tổ chức sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi bị hỏng hóc. Các trang thiết bị, phương tiện dạy và học đã được tổ trực giảng định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời. Mặt khác ngay sau khi được đầu tư Nhà trường đã bàn giao cho các

đơn vị quản lý đưa vào sử dụng theo lịch học của Trường nên đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu về phòng học, đã hỗ trợ kịp thời và hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường **[H9.09.01.04]**, **[H9.09.01.05]**

Qua kết quả lấy ý kiến của người học về tình trạng của phòng học, cơ sở vật chất với hơn 86,11% người được khảo sát không có ý kiến phản nản về tình trạng thiếu phòng học, giảng đường, và các trang thiết bị phục vụ học tập cho thấy rằng hiện tại Nhà trường đã đảm bảo tương đối số phòng học, giảng đường lớn phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo **[H9.09.01.06]**.

Hàng năm Nhà trường vẫn tiếp tục cải tạo, sửa chữa và đầu tư thêm một số phòng làm việc, phòng học **[H9.09.01.07]**, **[H9.09.01.08]**. Trong thời gian tới Nhà trường tiếp tục triển khai lên kế hoạch đầu tư tiếp theo nhằm phục vụ tốt hơn nữa khả năng đáp ứng yêu cầu của người học **[H9.09.01.09]**, **[H9.09.01.10]**.

Khoa KT-TC đã được Nhà trường bố trí đầy đủ, kịp thời phòng làm việc và trang thiết bị cần thiết cho quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nhà trường cũng đã bố trí vị trí làm việc riêng cho lãnh đạo từng khoa **[H9.09.01.11]**. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Khoa phục vụ chuyên ngành đào tạo Kiểm toán được thống kê ở bảng dưới đây **[H9.09.01.12]**:

Bảng 30: Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Khoa KT-TC

Danh mục CSVC	Khả năng/số lượng
1 bàn họp ovan lớn	Hơn 20 người họp
Máy in/máy foto	3
Bàn làm việc	2
Máy tính để bàn	1
Tủ gỗ để tài liệu	1
Tủ sắt phục vụ GV	2 tủ với số lượng 30 ngăn
Giá sách	1
Bảng viết	1
Quạt trần	4
Điều hòa	2
Tivi	1

Thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện, khu vực tiếp khách	với đầy đủ bàn ghế, tủ lạnh phục vụ đối tác, phụ huynh và người học
--	---

(Nguồn: Thống kê trang thiết bị Khoa KT-TC)

Văn phòng Khoa KT-TC đặt tại M302 được phân thành 4 khu vực: Khu vực 1 là khu vực làm việc riêng của Trưởng Khoa; Khu vực 2 phục vụ cho họp và seminar sinh hoạt chuyên môn, khoa học; Khu vực 3 tiếp khách và giáo vụ; Khu vực 4 phục vụ nhu cầu riêng cho giảng viên. Khu vực làm việc của Trưởng khoa được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy in, tủ đựng tài liệu phục vụ nhu cầu quản lý. Khu vực 2 với bàn họp oval lớn có khả năng phục vụ 20 người họp. Khu vực 3 có bàn làm việc của giáo vụ khoa, được trang bị đầy đủ máy tính, máy tính, tủ tài liệu. Khu vực 4 có các tủ sắt mỗi giảng viên được bố trí một ô phục vụ nhu cầu riêng của từng giảng viên. Tại văn phòng khoa chưa có bộ phận riêng phục vụ nhu cầu liên quan đến ngành đào tạo Kiểm toán. Tuy nhiên, mọi hoạt động sinh hoạt chuyên môn của chuyên ngành đào tạo vẫn được đảm bảo thông qua việc đăng ký sinh hoạt về thời gian cụ thể cho giáo vụ khoa để phục vụ tốt các hoạt động đào tạo, nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành [H9.09.01.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định và đều được trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị để làm việc. Nhà trường có đủ số phòng học với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có quy định về chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị.

3. Điểm tồn tại

Không gian làm việc làm việc cho các bộ môn, họp, seminar của giảng viên và sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, căn cứ trên số lượng của giảng viên và nhu cầu thực tế, Phòng QT-DV và các đơn vị liên quan bổ sung, sắp xếp bố trí phòng làm việc của khoa KT-TC và phòng hội thảo, Seminar.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Thư viện Trường Đại học Điện lực được bố trí tại cả hai cơ sở. Thư viện được quản lý và vận hành bởi đội ngũ người lao động của Nhà trường nhằm hỗ trợ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Bảng 31: Bảng thống kê danh mục Thư viện

Danh mục	Khả năng phục vụ	Minh chứng
Thư viện Cơ sở 1 (Nhà D)		
Diện tích sàn	1,176 m ²	[H9.09.01.01]
Số phòng đọc	3 phòng	[H9.09.01.01]
Số chỗ ngồi	200 chỗ	[H9.09.01.01]
Hệ thống máy tính	8 máy tính	[H9.09.01.01]
Số lượng sách, giáo trình điện tử	5,869 đầu sách	[H9.09.01.01]
Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	86 TVĐT	[H9.09.01.01]

(Nguồn: Báo cáo ba công khai năm học 2023-2024)

Trong thời gian qua, Thư viện Trường Đại học Điện lực - thành viên của Liên Chi hội Thư viện Đại học khu vực phía Bắc, đã từng bước được nhà trường đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện về cơ sở vật chất và các nguồn học liệu đã thỏa mãn phần lớn nhu cầu nghiên cứu và học tập của cán bộ giảng viên, sinh viên trong trường [H9.09.02.01]. Các trang thiết bị chuyên dụng của thư viện phục vụ trực tiếp và đảm bảo hoạt động thông tin - thư viện hàng ngày như hệ thống chiếu sáng, hệ thống điều hòa, bàn ghế, giá, tủ, hệ thống wifi với đường truyền Internet tốc độ cao đã đáp ứng yêu cầu và phù hợp mục đích sử dụng của bạn đọc. Hệ thống các phòng đọc được qui hoạch phù hợp với từng đối tượng độc giả: phòng đọc tài liệu chuyên ngành, đọc tại chỗ, tự học, mượn trả, với 200 chỗ ngồi đã đáp ứng được nhu cầu đa dạng của bạn đọc [H9.09.01.01].

Thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 8.0 bao gồm các phân hệ, mỗi phân hệ có các chức năng phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ: tra cứu, biên mục, bổ sung, lưu thông, báo cáo thống kê, v.v... [H9.09.02.02]. Toàn bộ hoạt động của thư viện được quản lý và được truy cập thông qua mạng máy tính [H9.09.02.03]. Thư viện đã xây dựng cơ sở dữ liệu cho các loại hình tài liệu hiện có, thông tin được mã hóa sử dụng hệ thống chip từ, mã vạch [H9.09.02.04]. Tại các phòng đọc, bạn đọc có thể kết nối Internet bằng hệ thống wifi hoặc mạng LAN để tra cứu tài liệu, tài liệu số thông qua phần mềm Libol 8.0 cũng như thông qua liên kết thư viện số [H9.09.02.05], [H9.09.02.06].

Vốn tài liệu của thư viện rất phong phú và đa dạng bao gồm sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của trường. Đối với ngành Kiểm toán số đầu sách là 274 tương đương 1.531 cuốn sách [H9.09.02.07], [H9.09.02.08]. Học liệu liên quan đến chương trình đào tạo của ngành Kiểm toán cũng được cung cấp rất đầy đủ, bao gồm các giáo trình chính và tài liệu tham khảo của các môn học. Nhiều môn học được trang bị tài liệu tham khảo với cả đầu sách tiếng Việt và tiếng nước ngoài (Tiếng Anh) [H9.09.02.09]. Bên cạnh đó, Khoa KT-TC cũng được hỗ trợ truy cập những tư liệu online từ các Hiệp hội nghề nghiệp uy tín như ACCA –Anh, IMA- Mỹ [H9.09.02.10]. Ngoài công tác đầu tư, mua sắm bổ sung sách và tài liệu, Thư viện cũng cập nhật thêm các nguồn học liệu khác thông qua nguồn sách tặng từ các dự án, cá nhân, tổ chức [H9.09.02.11].

Hàng năm, Thư viện đều tổng hợp số liệu, lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc đến thư viện học tập, nghiên cứu và truy cập các nguồn tài liệu [H9.09.02.12]. Trong tuần lễ công dân các năm học, sinh viên được giới thiệu về mô hình hoạt động, các qui định và hướng dẫn tra cứu, sử dụng để khai thác các tài nguyên học liệu [H9.09.02.05]. Sách và tài liệu được bổ sung theo kế hoạch để sử dụng trong các chương trình đào tạo của nhà trường. Trung bình số lượng ấn phẩm được mượn hàng năm là khoảng 3.000 lượt [H9.09.02.08].

Kết quả quá trình khảo sát lấy ý kiến của người đọc qua các năm về mức độ hài lòng của người đọc cho thấy Thư viện nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc. Cụ thể năm 2018, Khoa KT&QL đã khảo sát 1.740 bạn cựu sinh viên thì có 72,8% sinh viên hài lòng về cơ sở vật chất, 76,4% sinh viên hài lòng về tài liệu trong thư viện và 84,8% sinh viên hài lòng về mức độ hoạt động quản lý, phục vụ. Trong kết quả khảo sát đối với giảng viên, có 80% GV hài lòng về cơ sở vật chất, 90% giảng viên hài lòng về

mức độ hoạt động quản lý, phục vụ [H9.09.02.12]. Năm 2019, TTHL cũng đã khảo sát ý kiến của 1.040 sinh viên, với 86.4% sinh viên hài lòng về cơ sở vật chất, 86.8% sinh viên hài lòng về tài liệu trong thư viện và 93.3% sinh viên hài lòng về các hoạt động quản lý và phục vụ tại Thư viện [H9.09.02.12].

Ngoài ra, tại văn phòng Khoa Kế toán – Tài chính cũng bố trí, trang bị một số giáo trình và sách tham khảo dành riêng cho sinh viên ngành Kiểm toán và khối ngành kinh tế. Bởi vì diện tích tại văn phòng khoa có giới hạn nên Khoa cũng đã được Nhà trường cung cấp một nhà kho để chứa giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, báo cáo thực tập của sinh viên. Khoa KT-TC thường xuyên nhận được các đầu sách chương trình đào tạo Kiểm toán như của IMA, ACCA, VACPA, SmartTrain và các ấn phẩm tạp chí chuyên ngành Kiểm toán [H9.09.02.10].

2. Điểm mạnh

Thư viện được nhà trường phân công cho đội ngũ người lao động có trình độ chuyên trách quản lý, có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, được xây dựng ở vị trí độc lập với khu giảng đường, không gian rộng, thoáng, yên tĩnh, cơ sở vật chất khang trang giúp cho việc học tập và nghiên cứu đạt hiệu quả tốt.

Thư viện có nguồn học liệu phong phú trên nhiều lĩnh vực và chủng loại: sách, tài liệu, từ điển, ngoại ngữ, luận văn, luận án, báo cáo khoa học và các tạp chí, tài liệu chuyên ngành. Hệ thống máy tính, phần mềm và mạng tốc độ cao, giúp sinh viên dễ dàng tra cứu, khai thác nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Nguồn tài liệu số nội sinh, ngoại sinh còn chưa phong phú, cần được bổ sung để phát triển và đa dạng hóa hơn các tài liệu, học liệu chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Thư viện tăng cường số hóa các tài liệu học tập.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Đối với ngành học Kiểm toán, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành không được sử dụng nhiều. Hiện tại, hệ thống mạng Internet, máy chiếu được lắp và truyền tới các

phòng học. Laptop là công cụ học tập phù hợp và sinh viên sử dụng trong quá trình học tập nên quá trình học thực hành, học kỹ năng được thực hiện giữa giảng viên và sinh viên trên lớp học. Hệ thống phòng máy phục vụ cho thực hành trên máy và hình thức thi trắc nghiệm được Trung tâm Thí nghiệm – Thực hành phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện thống kê về số lượng phòng máy, số máy phục vụ trong phòng **[H9.09.03.01], [H9.09.01.01]**. Trung tâm Thí nghiệm – Thực hành thống kê tần suất sử dụng trang thiết bị phòng máy người học CTĐT Kiểm toán **[H9.09.03.02]**. Trung tâm Thí nghiệm – Thực hành mới được thành lập năm 2018 **[H9.09.03.03], [H9.09.03.04], [H9.09.03.05]**. Trung tâm Thí nghiệm – Thực hành thống kê chi phí hàng năm chi cho trang cấp, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị phòng máy. Bảng thống kê về trang thiết bị sử dụng phòng máy của sinh viên của Trường Đại học Điện lực **[H9.09.03.06]**:

Bảng 32: Thống kê về trang thiết bị sử dụng phòng máy của SV của Trường ĐHDL

Phòng	Số lượng	A102	A104	A105	A107	A108	AB10 1
Máy tính	242	50	30	50	40	42	30
Máy chủ	6	1	1	1	1	1	1
Tủ tài liệu	6	1	1	1	1	1	1
Máy chiếu	6	1	1	1	1	1	1
Bàn ghế	34	70	50	45	50	40	50
Giá sắt	6	1	1	1	1	1	1
Quạt	34	6	6	6	6	6	4
Điều hòa	12	2	2	2	2	2	2

Bên cạnh đó, tại văn phòng Khoa KT-TC trang bị thêm tivi để phục vụ các buổi seminar nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Ngoài ra, các trang thiết bị khác như máy trợ giảng, loa, ... cũng đã được trang bị **[H9.09.01.12]**.

Trong quá trình học tập, các phần mềm kế toán doanh nghiệp như MISA SME.NET hay HTKK được cập nhật và sử dụng. Các phần mềm hỗ trợ sinh viên trong đào tạo, tiếp cận với công việc thực tế **[H9.09.03.07]**.

Thay bằng đầu tư hệ thống phòng thực hành, sinh viên ngành Kiểm toán được trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp kiểm toán (với 4 tuần Thực hành môn học).

Đây là sự đổi mới trong đào tạo của Khoa, Nhà trường đối với ngành Kiểm toán [H9.09.03.08], [H9.09.03.09].

Mặc dù hệ thống phòng thực hành và các trang, thiết bị hiện tại của Nhà trường đã đầy đủ và phù hợp với chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên của Trường nhưng để đảm bảo luôn có đủ trang thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học, định kỳ hàng năm Nhà trường vẫn dành một khoản kinh phí hàng tỷ đồng cho việc mua sắm bổ sung, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị trong toàn trường [H9.09.01.09], [H9.09.01.10]. Để nâng cao chất lượng, hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu ngày một tốt hơn định kỳ hàng năm Nhà trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến đối với giảng viên và người học về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị, kết quả khảo sát cho thấy có 82% giảng viên và người học hài lòng về số lượng và chất lượng trang thiết bị giảng dạy [H9.09.03.10].

2. Điểm mạnh

Phòng máy phục vụ chương trình đào tạo được giao cho Trung tâm Thí nghiệm – Thực hành phụ trách quản lý tạo điều kiện thuận lợi cho trang bị, bảo dưỡng, thay mới. Việc có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn. Các máy tính trang thiết bị mới được đầu tư bổ sung phục vụ nhu cầu học và thi tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Số lượng máy tính chưa đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng QT-DV tăng số lượng máy tính đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo thực tiễn, Khoa Kế toán – Tài chính đề xuất với nhà trường xây dựng phòng thực hành chuyên môn phục vụ cho các môn thực hành trong CTĐT ngành Kiểm toán.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Về trang thiết bị và cơ sở vật chất: Hệ thống CNTT được Nhà trường đầu tư đầy đủ, phù hợp và định kỳ được cập nhật đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học,

nghiên cứu khoa học và quản lý của nhà trường. Thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học cho từng chuyên ngành gồm: 293 máy tính để bàn, 16 máy tính xách tay, 4 máy chủ và 43 phần mềm phục vụ cho giảng viên và sinh viên giảng dạy, học tập như Edusoft, QMCE.Test, phần mềm đào tạo Elearning, mô phỏng tính toán lưới điện phân phối và phần mềm thư viện điện tử, WinCC... **[H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03].**

Thiết bị tin học để hỗ trợ cho công tác quản lý, điều hành gồm: 6 máy chủ, 179 máy tính để bàn, 29 máy tính xách tay cho các bộ phận: Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm, trưởng bộ môn và chuyên viên đảm bảo 1 máy tính/người. Mỗi văn phòng khoa được trang bị ít nhất 01 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay **[H9.09.04.02].**

Sinh viên, CBCNV được sử dụng máy tính, cơ sở hạ tầng thông tin của Trường cho các hoạt động tìm kiếm, trao đổi tài liệu phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học. SV ngành Kiểm toán sử dụng hệ thống CNTT để thực hiện học tập trên giảng đường đối với các nội dung thực hành như phần mềm Misa SME.NET, HTKK....

Về phần mềm hỗ trợ quản lý thông tin: Nhà trường sử dụng 14 phần mềm quản lý chuyên dụng như: phần mềm quản lý đào tạo Edusoft, Cổng thông tin tuyển sinh, phần mềm quản lý tiền đặt cọc, cổng thông tin Trường Đại học Điện lực (<http://epu.edu.vn>), phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý nhân sự. Mỗi cán bộ quản lý, GV, nhân viên đều có email công vụ và tài khoản truy cập internet miễn phí. Mỗi CB làm việc tại văn phòng được trang bị một máy tính để bàn **[H9.09.04.04], [H9.09.04.05].**

Nhà trường đã xây dựng website, đầu tư hệ thống wifi cho phần lớn các khu vực trong trường như KTX, Thư viện, lớp học và kết nối mạng nội bộ (mạng LAN), mạng Internet cho tất cả các máy tính trong toàn trường. Nhà trường đang sử dụng 7 đường truyền FTTH của các nhà cung cấp: Viettel, FPT, VNPT. Với tổng số băng thông là 335 MB đảm bảo cho 670 kết nối đồng thời với tốc độ 512 kbps **[H9.09.04.06], [H9.09.04.07].**

Về quản lý hệ thống công nghệ thông tin: Để tăng cường công tác quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin của Trường, Nhà trường đã quyết định thành lập Trung tâm CNTT gồm các thành viên có trình độ chuyên môn cao và giao

nhiệm vụ quản lý, vận hành hạ tầng mạng và các thiết bị tin học phục vụ công tác quản lý, giảng dạy của Nhà trường [H9.09.04.08], [H9.09.04.09]. Các công việc duy trì hệ thống do Trung tâm CNTT thực hiện.

Hiện nay, Nhà trường chưa bố trí hệ thống công nghệ thông tin phục vụ riêng cho học tập, nghiên cứu CTĐT Kiểm toán. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho CTĐT Kiểm toán thuộc hệ thống thông tin phòng máy chung của Trường do Trung tâm TH-TN phụ trách. Nhà Trường cũng trang bị các thiết bị tối ưu trong Hội trường M, B1 bao gồm màn hình LED, ti vi các dãy ngồi, hệ thống loa âm thanh, wifi phục vụ hội thảo, nghiên cứu, hoạt động ngoại khóa của GV, SV Nhà trường.

Mặc dù chưa có hệ thống thông tin riêng phục vụ CTĐT tuy nhiên với việc bố trí hợp lý từ đăng ký sử dụng phòng máy dựa trên kế hoạch học tập, thời khóa biểu. Thêm vào đó việc đưa SV CTĐT Kiểm toán đến các khóa đào tạo thực tế tại các đơn vị với trang thiết bị hệ thống thông tin đầy đủ cho các lĩnh vực quan trọng như thuế và hệ thống thuế Việt Nam, hệ thống thông tin kế toán...đảm bảo được việc đáp ứng được yêu cầu từ người học của CTĐT Kiểm toán [H9.09.04.10].

Định kỳ, Nhà trường kiểm tra thực trạng của công nghệ thông tin, hệ thống Email, các phần mềm và khảo sát đối với cán bộ, giảng viên và người học về các thiết bị tin học, kết quả khảo sát cho thấy có 86% cán bộ giảng viên và người học hài lòng về các thiết bị tin học phục vụ giảng dạy phục vụ hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý [H9.09.04.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Trường đã áp dụng hệ thống CNTT hợp nhất toàn trường nhưng chưa ổn định và chưa khai thác hết chức năng sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng QT-DV, TT CNTT và TT TH-TN hoàn thiện hệ thống CNTT trong Nhà trường. Đồng thời, tiếp tục khai thác chức năng của phần mềm hợp nhất trên cách phân hệ một cách hiệu quả nhất nhằm đẩy nhanh tốc độ truyền thông. Bên cạnh đó, nhà trường có phương hướng xây dựng 01 hệ thống quản lý học trực tuyến chuyên nghiệp để ứng phó với tình hình thực tiễn giảng dạy.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Trường Đại học Điện lực có 02 cơ sở cách xa nhau; khuôn viên khá rộng; cơ sở 2 có 3 mặt tiếp giáp với khu dân cư, cơ sở 1 có 2 mặt tiếp giáp với đường giao thông, bên ngoài khuôn viên có nhiều hộ kinh doanh tự phát nên rất khó khăn cho công tác bảo vệ. Trường có những quy định về môi trường học tập, sức khỏe và an toàn trong học tập lý thuyết, thực hành, ...[H9.09.05.01].

Nhằm tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, thiết bị cơ sở vật chất trong Trường, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất và có các biện pháp cụ thể như sau:

Đầu tư xây tường rào bao quanh trường và bổ sung thêm dây thép gai phía trên tường, lắp đặt hệ thống camera giám sát tại một số khu vực và cổng ra vào. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có phương án, tiêu lệnh, hướng dẫn về phòng cháy chữa cháy ở tất cả các khu vực giảng đường, các phòng học thực hành thí nghiệm, ký túc xá [H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04], [H9.09.05.05].

Nhà trường đã trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, giảng viên và sinh viên khi tham gia thí nghiệm, thực hành và ban hành hệ thống các nội quy, quy định như: nội quy phòng làm việc, nội quy phòng học, nội quy phòng thí nghiệm, thực hành, nội quy ký túc xá, nội qui ra vào cơ quan... và được treo, dán tại các khu vực phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng ở và được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên trong Nhà trường để thực hiện [H9.09.05.06], [H9.09.05.07].

Nhà trường đã thành lập ban chỉ huy, đội phòng cháy chữa cháy, ban chỉ huy phòng chống lụt bão. Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy có trách

nhiệm lập kế hoạch, lập phương án và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi có sự cố xảy ra. Hàng năm nhà trường tổ chức tập huấn về công tác PCCC [H9.09.05.08], [H9.09.05.09].

Ngoài ra, để tăng cường công tác an ninh trật tự, Nhà trường thường xuyên phối kết hợp với các đơn vị công an tại khu vực huyện Sóc Sơn và quận Bắc Từ Liêm để tăng cường tuyên truyền giáo dục về pháp luật, về phòng chống các tệ nạn xã hội, ý thức chấp hành pháp luật và các quy định của địa phương; nắm bắt tình hình và bàn biện pháp quản lý số sinh viên nội, ngoại trú và để giải quyết kịp thời khi có sự việc bất thường xảy ra. Phối hợp với Huyện đội Sóc Sơn và Bắc Từ Liêm để thành lập đội dân quân tự vệ, định kỳ lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện và được phân công trực tăng cường trong các ngày lễ, tết và các sự kiện quan trọng khác. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Công an Thành phố Hà Nội về tình hình bảo vệ chính trị nội bộ của Trường Đại học Điện lực [H9.09.05.10].

Nhà trường đã thành lập tổ y tế để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, khám sức khỏe, sơ cứu, cấp cứu, điều trị, cấp phát thuốc các bệnh thông thường tại chỗ cho cán bộ công nhân viên và sinh viên. Sinh viên sau khi nhập trường đều được khám sức khỏe đầu vào và mua bảo hiểm y tế theo quy định của nhà nước, mua bảo hiểm thân thể tự nguyện cho sinh viên [H9.09.05.11], [H9.09.05.12], [H9.09.05.13].

Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí thành khu vực riêng, có thiết kế phù hợp được trang bị các thiết bị hiện đại để thực hành, thí nghiệm và các máy móc thiết bị khác như máy chiếu, máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống âm thanh, hệ thống camera, có mạng Internet, có nội quy và hướng dẫn sử dụng thiết bị. Thư viện điện tử của Trường có phòng đọc rộng, được trang bị máy lạnh, có đầy đủ thiết bị, tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Nhà trường đã đầu tư 2 sân thể thao đa năng, trang bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao và sân bãi đặt tại 2 cơ sở của Trường. Tổng diện tích sân bãi cho các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao của Nhà trường là 11.985m² [H9.09.01.01].

Ký túc xá cho người học được bố trí ở cả 2 cơ sở đào tạo của trường với 253 phòng, sức chứa 2,104 chỗ ở và tổng diện tích các phòng ở là 6,789 m². Các tòa nhà ký túc xá được trang bị cầu thang máy, bình đun nước uống miễn phí cho sinh viên, hệ thống phòng cháy chữa cháy và các tiện nghi tối thiểu khác cho người ở. Trong mỗi

phòng ở được trang bị đủ giường 02 tầng, tủ đựng quần áo, đèn chiếu sáng, quạt trần, giá phơi quần áo và hàng tháng mỗi sinh viên được Nhà trường bao cấp 8kwh điện và 4m³ nước. Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định, nội quy ký túc xá và được công bố công khai [H9.09.05.14], [H9.09.05.15].

Trong khu vực ký túc xá đều có nhà ăn phục vụ sinh viên được thiết kế đúng tiêu chuẩn và trang bị đầy đủ trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Sử dụng nguồn nước sạch và thực phẩm an toàn trong quá trình chế biến. Thức ăn hàng ngày được lưu mẫu theo quy định. Nhân viên phục vụ tại nhà ăn được kiểm tra sức khỏe định kỳ, được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thực phẩm. Định kỳ các cơ quan chức năng của quận, thành phố Hà Nội đến trường kiểm tra vệ sinh học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Kết quả sau khi kiểm tra đều được đánh giá tốt và đã được Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [H9.09.05.16], [H9.09.05.17].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, giảng viên, nhà quản lý về môi trường, sức khỏe và an toàn và được đánh giá tốt [H9.09.05.18].

2. Điểm mạnh

Môi trường, an toàn, sức khỏe luôn triển khai đáp ứng được yêu cầu và tạo ra môi trường học tập, an toàn cho sinh viên.

Trường có đội ngũ nhân viên bảo vệ, cán bộ phục vụ có bề dày kinh nghiệm, tính kỷ luật và trách nhiệm cao, được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ thường xuyên.

Nhà trường đã kết hợp tốt với các cơ quan quản lý trên địa bàn, triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống xử lý nước thải cơ sở 1 chưa được triển khai xây dựng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng QT-DV khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Kết luận tiêu chuẩn 9

Trong suốt thời gian gần 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Điện lực luôn chú trọng đến công tác đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; đặc biệt trong những năm qua Nhà trường đã đầu tư thêm kinh phí và đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đầy đủ các điều kiện phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH cho CB, GV, nhân viên cơ hữu và SV trong toàn trường. Mức đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH của năm sau luôn cao hơn so với năm trước.

Vì vậy, trong tổng số 5 tiêu chí của Tiêu chuẩn 9 thì có 5 tiêu chí đạt yêu cầu. Tuy nhiên ở mỗi tiêu chí còn một số tồn tại cần phải khắc phục. Để khắc phục những tồn tại, trong thời gian tới Nhà trường sẽ tăng cường và đổi mới công tác quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất đồng thời Nhà trường có kế hoạch đầu tư để bổ sung và nâng cấp cả hai cơ sở để đáp ứng nhu cầu của một trường đại học hiện đại.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là nhân tố cốt lõi quyết định sự tồn tại và phát triển của một cơ sở đào tạo. Trường ĐHDL nói chung, Khoa Kế toán-Tài chính (KT&QL trước đây) nói riêng rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Để phát triển CTDH, việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động là hết sức cần thiết. Điều này đã được chính thức hoá trong quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT năm 2019 của Trường ĐHDL, Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHDL năm 2022 [H10.10.01.01]. Việc tiếp nhận thông tin phản hồi

được lấy nguồn từ Phòng KT&ĐBCL là bộ phận trực tiếp thực hiện tiếp nhận phản hồi của các bên liên quan (như người sử dụng lao động, SV) và Khoa chuyên môn.

Tháng 9 hàng năm đối với SV tốt nghiệp, phòng KT&ĐBCL kết hợp với khoa KT&QL gửi phiếu lấy ý kiến phản hồi SV tốt nghiệp để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của SV tốt nghiệp do khoa đào tạo, về tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. Sau 1 năm tốt nghiệp, phòng KT&ĐBCL kết hợp với khoa Khoa gửi thông tin cho cựu SV để đánh giá tình hình việc làm, đáp ứng CDR của SV sau 1 năm ra trường **[H10.10.01.02]**.

Đối với sinh viên đang học, theo quy định của nhà trường, người học phải tham gia phản hồi về học phần trước khi kết thúc học phần trong mỗi học kỳ bằng một phiếu hỏi do Phòng KT&ĐBCL xây dựng nhằm đánh giá về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, mục tiêu, chương trình và nội dung học phần, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất **[H2.02.02.06]**. Đối với cựu SV, Khoa chủ trương xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV để có thêm nguồn thu thập phản hồi của cựu SV hiệu quả hơn cũng như tăng cường kết nối với người học sau khi tốt nghiệp **[H10.10.01.03]**.

Trong giai đoạn 2018-2024, Khoa còn tổ chức tiếp nhận thông tin và phản hồi trực tiếp của các bên liên quan thông qua các buổi hội thảo chuyên môn, giao lưu kết nối doanh nghiệp.... về nhu cầu thực tế đối với CTĐT kiểm toán theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ **[H1.01.01.06]**, **[H1.01.02.04]**. Bộ môn KT-KiT của Khoa cũng tiến hành seminar hàng tuần đưa ra các góp ý phát triển CTĐT ngành kiểm toán **[H2.02.02.02]**, **[H2.02.02.03]**. Việc này đã giúp nâng cao chất lượng đào tạo, phương pháp đào tạo góp phần đảm bảo sinh viên của chuyên ngành Kiểm toán sau tốt nghiệp có cơ hội việc làm cao và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Từ những nguồn này, khoa lồng ghép các kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp **[H10.10.01.04]**, từ đó làm cơ sở việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như sửa đổi chương trình, xác định chuẩn đầu ra **[H1.01.02.03]**, **[H1.01.02.05]**, **[H1.01.02.06]**, **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.02.08]**.

CTĐT ngành Kiểm toán luôn được định kỳ rà soát, cập nhật điều chỉnh 2 năm/lần. Vì vậy, theo lộ trình điều chỉnh, CTĐT ngành Kiểm toán đã được hiệu chỉnh vào năm

2019, 2023 **[H1.01.03.01], [H1.01.03.02]**. Trong các lần cập nhật điều chỉnh CTĐT, Khoa đều mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, giảng viên và cán bộ quản lý các cấp tham gia vào thảo luận, điều chỉnh, góp ý sửa đổi **[H1.01.01.06], [H1.01.02.07]**. Bên cạnh đó, giảng viên Bộ môn KT-KiT cũng thường xuyên tham khảo những CTĐT tiên tiến từ các trường Đại học đào tạo Kiểm toán hàng đầu trong nước như Đại học Ngoại thương, Đại học KTQD, cũng như CTĐT các chứng chỉ nghề nghiệp nước ngoài như ACCA, ICAEW, CIA **[H1.01.01.12]**. Với CTĐT hiệu chỉnh năm 2023, Khoa muốn hướng tới cung cấp cho người học chuyên ngành kiểm toán những chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng phù hợp với xu hướng hội nhập thế giới và công nghệ 4.0. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Trường ĐHDL và Bộ GD&ĐT. Trong các lần điều chỉnh CTĐT, Khoa cùng Phòng Đào tạo đều thực hiện quy trình điều chỉnh đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHDL và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan để sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo nhu cầu xã hội **[H1.01.03.01], [H1.01.01.06]**.

Đối với các hội nghề nghiệp, việc tham khảo ý kiến phản hồi thu được trong các hội thảo, báo cáo về phát triển năng lực nghề nghiệp và sử dụng để cập nhật những nội dung này trong CTDH (như tăng cường kỹ năng thực hành trong môn Thực hành môn học) **[H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03]**.

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT luôn được Trường ĐHDL và Khoa KT&QL dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đưa ra những thay đổi phù hợp cho phát triển CTDH.

Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa, họp bộ môn.

3. Điểm tồn tại

Số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024 -2025, Khoa sẽ kết hợp với Phòng KT&ĐBCL tăng số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

CTDH ngành kiểm toán được định kỳ hiệu chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan và theo hướng dẫn đã được Bộ GD&ĐT ban hành **[H1.01.01.05]**. Nhà trường đã chuẩn hoá quy trình phát triển CTĐT trong năm 2021. Quy trình xây dựng chương trình dạy học thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Nhà trường ban hành kế hoạch số 1652/KH-ĐHĐL-ĐT để hướng dẫn thực hiện cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo đại học **[H10.10.02.01]**. Theo đó, các bước trong quy trình gồm: B1-Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT; B2-Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật, đánh giá CTĐT; B3-Đánh giá, xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; B4-Dự thảo những nội dung cần cập nhật, điều chỉnh, lấy ý kiến hội đồng Khoa; B5-Thông qua Hội đồng Trường; B6-Ký ban hành CTĐT (phiên bản sau cập nhật, đánh giá).

Trong lần hiệu chỉnh, phát triển CTDH (2023), Khoa KT-TC (KT&QL trước đây) tổ chức hội thảo, khảo sát lấy ý kiến từ giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực kiểm toán. Theo hướng dẫn của Trường ĐHĐL, Ban Lãnh đạo Khoa, Bộ môn và đại diện nhóm hiệu chỉnh chương trình đã thảo luận về sự cần thiết hiệu chỉnh, sự thay đổi giữa CTDH cũ và mới, thống nhất mục tiêu, chuẩn đầu ra và kết cấu CTDH hiệu chỉnh. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên trong khoa, chuyên gia ngành kiểm toán từ các trường đại học, người sử dụng lao động để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi đưa ra Hội đồng Khoa **[H10.10.02.02]**. Sau khi họp, thảo luận, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Hội đồng KHĐT **[H10.10.02.03]**, Nhà trường chính thức ban hành khung CTDH ngành kiểm toán sau điều chỉnh năm 2023 **[H2.02.01.02]**, **[H2.02.01.03]**.

Bên cạnh đó, việc hiệu chỉnh chương trình dạy học còn được tham khảo từ CTĐT của một số trường đại học có đào tạo chuyên ngành Kiểm toán trên cả nước, như Đại học Ngoại thương, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí

Minh, Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân, ... Các nội dung tham khảo chủ yếu về khối lượng kiến thức cho các nhóm môn và các môn giảng dạy trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Ví dụ, điểm bổ sung trong CTĐT năm 2023 về kiến thức và kỹ năng yêu cầu của người học chi tiết hơn. Khối lượng kiến thức toàn khoá là 128 tín chỉ năm 2023 (Không kể khối lượng GDTC, GDQP&AN). Khối kiến thức giáo dục đại cương được tinh giảm xuống trong khi đó tăng cường khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Số lượng tín chỉ môn tự chọn cũng được tăng lên để đa dạng hoá và phù hợp sự lựa chọn của người học **[H10.10.02.04]**.

Căn cứ vào chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTDH trình độ đại học ngành kiểm toán, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện CDR trong việc biên soạn đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng chuẩn đầu ra mới **[H2.02.02.03]**. Trong quá trình thực hiện CTDH, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến giảng viên về chất lượng CTDH, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của xã hội **[H1.01.02.02] [H10.10.02.02]**.

Ngoài ra, ý kiến của các chuyên gia có uy tín, giảng viên thường xuyên được ghi nhận trong các biên bản của các Hội nghị, Hội thảo của Khoa, các tọa đàm trao đổi thông tin học thuật nhằm củng cố các khối kiến thức lý thuyết gắn với thực hành nghề, đem lại sự tiếp cận đa dạng cho người học về nghề nghiệp chuyên môn từ thực tiễn chuyên môn của các chuyên gia **[H10.10.02.05]**. Những thay đổi, cập nhật này được chuyển hoá thành nội dung phát triển trong CTDH, giúp Khoa và Bộ môn đánh giá, cải tiến CTDH đáp ứng CDR của CTĐT.

Bên cạnh đó, Hội đồng khoa và Ban lãnh đạo khoa khi nhận được yêu cầu hiệu chỉnh, cập nhật CTDH **[H10.10.02.01]** cũng thực hiện đánh giá, rà soát sự phù hợp của quy trình thiết kế và phát triển CTDH với thực tế và quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, các trường đại học khác, các chương trình đánh giá tiên tiến **[H10.10.02.06]**. Từ đó, làm cơ sở bổ sung biểu mẫu và những đề xuất để quy trình thiết kế và phát triển CTDH được hoàn thiện.

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTDH luôn được thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của trường Đại học Điện lực, bám sát chuẩn đầu ra. CTDH được định kỳ

hiệu chỉnh, cải tiến thông qua đánh giá của các bên liên quan giúp CTDH luôn đáp ứng được nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng. Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học có hướng dẫn chi tiết.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã có hướng dẫn chi tiết về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học nhưng vẫn chưa có các buổi hội thảo tập huấn chuyên sâu cho các giảng viên về việc xây dựng chuẩn đầu ra môn học, lập đề cương chi tiết theo quy định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCL sẽ thực hiện các buổi hội thảo tập huấn cho các giảng viên về việc xây dựng chuẩn đầu ra môn học, lập đề cương chi tiết hỗ trợ việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành Kiểm toán.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Để bảo đảm chất lượng, các phòng ban của nhà trường, Khoa kết hợp với bộ môn và các phòng ban tham gia vào quá trình giám sát và đánh giá như sau:

Ở cấp Trường, Phòng KT&ĐBCL có chức năng khảo sát kết quả học tập của sinh viên, đảm bảo quá trình thi cử được công bằng, đúng quy chế, thực hiện nghiêm túc các quy trình tác nghiệp như giao nhận đề thi, bài thi, báo điểm, phúc tra ..., là đơn vị chủ trì bảo đảm chất lượng bên trong và công tác kiểm định chất lượng phục vụ đánh giá ngoài [H10.10.03.01].

Quy định về việc rà soát/đánh giá, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy – học và đánh giá kết quả học tập của người học với CDR được hướng dẫn cụ thể trong quy chế đào tạo hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại ĐHĐL (Theo 388/ QĐ- ĐHĐL) [H5.05.01.07]. Việc thực hiện rà soát, đánh giá, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy – học và đánh giá kết quả học tập của người học với chuẩn đầu ra được thực hiện như sau: Trong quá trình giảng dạy, học tập, tiến hành lấy ý kiến sinh viên về phương pháp và cách tổ chức bài giảng của giảng viên. Việc làm này

diễn ra thường xuyên vào cuối mỗi kỳ, cho tất cả các học phần. Kết quả khảo sát được tổng hợp và gửi tới từng giảng viên, bộ môn và Khoa để có điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học. Ngoài ra Phòng còn tiến hành lấy ý kiến về các công tác phối hợp nâng cao, cải tiến chất lượng của các phòng ban **[H10.10.03.02]**. 100% các học phần trong CTDH trình độ đại học ngành kiểm toán đều được lấy ý kiến. Sau rà soát/đánh giá quá trình dạy học và kết quả học tập, nhiều nội dung thực tiễn được kết hợp đưa vào giảng dạy, các buổi trải nghiệm thực tế Job tour cũng được tăng cường hơn trước, ... Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và ngày càng được sinh viên đánh giá cao **[H10.10.03.03]**.

Việc tổ chức ra đề thi, chấm thi được Nhà trường tổ chức, theo quy trình: Căn cứ tiến độ đào tạo, Phòng KT&ĐBCL yêu cầu Khoa gửi đề thi và đáp án lên phòng sau 3 tuần học; Phòng KT&ĐBCL tổ chức thi và tiến hành tổ chức chấm thi tập trung. Quy trình tổ chức thi và công nhận kết quả được Nhà trường xây dựng giúp việc đánh giá kết quả học tập và quá trình giảng dạy là độc lập với nhau **[H10.10.03.04]**, **[H5.05.02.08]**. Kết quả học tập qua đó trở thành thước đo quan trọng đánh giá năng lực học tập của người học và khả năng giảng dạy của giảng viên.

Tổ Trục giảng thuộc HCQT kiểm tra các hoạt động dạy/học thường xuyên, mức độ nghiêm túc của các hoạt động giảng dạy như thời gian lên lớp, lịch trình giảng dạy, quy chế thi cử **[H10.10.03.05]**. Khi có bất cứ vi phạm nào Tổ trực giảng sẽ gửi lại thông báo cho Khoa để nhắc nhở các bộ môn và giảng viên và là cơ sở đánh giá thi đua hàng tháng của GV **[H10.10.03.06]**.

Hoạt động giảng dạy là một điều kiện cơ bản để xét thi đua khen thưởng các cấp dịp cuối năm **[H10.10.03.07]**. Hàng tháng, trong các cuộc họp giao ban của các đơn vị trong nhà trường cũng luôn có nội dung trao đổi, kiểm tra, rút kinh nghiệm về công tác giảng dạy và học tập trong Nhà trường. Ngoài ra, trường đã cho lắp camera ở hầu hết các phòng học khu giảng đường tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch thanh tra thường xuyên hoạt động đào tạo do Phòng Đào tạo lập **[H10.10.03.08]**.

Về phía Bộ môn KT-KiT, định kỳ thực hiện Seminar về nội dung giảng dạy, học liệu chuẩn bị cho quá trình giảng dạy. Các hoạt động tham gia hội thảo khoa học, cách tiếp cận phương pháp giảng dạy mới luôn được chú trọng. Đặc biệt đối với GV mới tuyển dụng hoặc môn học mới, môn học cập nhật thay đổi **[H1.01.03.03]**. Kết quả dự

giờ giảng qua các buổi Seminar sẽ được tổng hợp, góp ý cho giảng viên ngay sau khi kết thúc tiết giảng. Việc làm này sẽ giúp cho giảng viên có những nắm bắt và điều chỉnh kịp thời về nội dung kiến thức cách thức truyền đạt và phân phối thời gian giảng dạy hợp lý hơn góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

Về phía Khoa, cuối mỗi năm sẽ tiến hành tổng kết toàn Khoa. Đây là dịp để Ban lãnh đạo Khoa tổng kết, đánh giá các mặt tích cực, những kết quả đạt được của các bộ môn và những tồn tại hạn chế. Ngoài ra Khoa cũng sẽ tập hợp ý kiến các giảng viên để gửi lên các cấp trên trong cuộc họp tổng kết năm học và hội nghị cán bộ công chức, viên chức toàn trường **[H10.10.03.09]**.

Việc tổ chức ra đề thi, chấm thi được Nhà trường tổ chức, theo quy trình: Căn cứ tiến độ đào tạo, Phòng KT&ĐBCL yêu cầu Khoa gửi đề thi và đáp án lên phòng sau 3 tuần học; Phòng KT&ĐBCL tổ chức thi và tiến hành tổ chức chấm thi tập trung. Quy trình tổ chức thi và công nhận kết quả được Nhà trường xây dựng giúp việc đánh giá kết quả học tập và quá trình giảng dạy là độc lập với nhau **[H5.05.01.02]**, **[H5.05.02.08]**. Kết quả học tập cũng là một tiêu chí được Nhà trường sử dụng để ra quyết định giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên **[H10.10.03.10]** và là cơ sở xác nhận đủ điều kiện hoàn thành khoá học tại trường.

2. Điểm mạnh

Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện phân tích phổ điểm toàn diện kết quả học tập các học phần trong CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Khoa Kế toán - Tài chính (KT&QL trước đây) và Phòng KT&ĐBCL thống nhất quy định và thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập các học phần trong CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Khoa KT-TC (KT&QL trước đây) là một trong những khoa có phong trào nghiên cứu mạnh của Trường, cụ thể số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, các đề tài các cấp của giảng viên trong Khoa liên tục tăng cao trong những năm gần đây **[H10.10.04.01]**.

Các đề tài của Khoa có xu hướng ứng dụng rất cao và đã đóng góp đáng kể vào công tác dạy học. Rất nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên kiểm toán **[H10.10.04.02]**.

Trường ĐHĐL và Khoa cũng rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV. Hàng năm, nhà trường thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học SV để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH đăng ký **[H10.10.04.03]**. Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành Kiểm toán đăng ký đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Bên cạnh đó, một số các công trình NCKH của giảng viên trong Khoa có sự tham gia tích cực của sinh viên **[H10.10.04.04]**.

Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính. NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà còn là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy và với sự phát triển nhanh của KH, người GV phải thường xuyên cập nhật thêm nhiều những kiến thức mới, ko thể giảng những kiến thức cũ đã hết giá trị. Nhiệm vụ NCKH của giảng viên được Nhà trường quy định rất cụ thể bằng các quy định như: Quy chế NCKH, Quy định về các hệ số áp dụng trong Quy chế chi trả tiền lương **[H10.10.04.05]**, **[H6.06.01.33]**. Các đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào giảng dạy và học tập đều mang tính thực tiễn và cập nhật cao tại thời điểm nghiên cứu do đó giúp cho người học có được các kiến thức cần thiết ứng dụng trong thực tiễn **[H10.10.04.06]**.

2. Điểm mạnh

Các quy chế về NCKH của Nhà trường là đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH cũng như thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao.

3. Điểm tồn tại

Số lượng sinh viên kiểm toán tham gia NCKH, các đề tài NCKH chưa nhiều. Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động giảng dạy và học tập còn chưa thực sự phát huy được hết khả năng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023- 2024, Khoa KT&QL tăng số lượng sinh viên kiểm toán tham gia NCKH, tiếp tục phát huy tối đa các kết quả đã có được từ các kết quả NCKH đã có trong thời gian qua. Bên cạnh đó, khoa cũng sẽ kết hợp với các đơn vị khác trong và ngoài trường để tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học NCKH, ứng dụng các kết quả NCKH trong thực tiễn cũng như hoạt động giảng dạy và học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Nhà trường đã có những quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác dưới dạng kế hoạch khảo sát SV hàng năm đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.01], [H10.10.05.02], [H10.10.05.03], [H10.10.05.04]. Trước khi SV tốt nghiệp, phòng KT&ĐBCL sẽ có PKS cho SV đánh giá toàn bộ về Nhà trường, trong đó có đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV [H10.10.05.05].

Cụ thể, năm 2020 và 2021 phòng KT&ĐBCL khảo sát trực tuyến với SV, cán bộ, GV về cơ sở vật chất và thư viện, hạ tầng công nghệ thông tin [H10.10.05.03]. Kết quả cho thấy đa phần cán bộ, GV, SV hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Chi tiết về kết quả khảo sát được tóm tắt trong các bảng sau:

Bảng 33: Kết quả KSSV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT kỳ 1 - 2021/2022

STT	Nội dung khảo sát	Tổng số lượt trả lời	Đáp ứng nhu cầu (%)	Đầy đủ (%)	Tốt (%)	Bình thường (%)	Đáp ứng ít (%)	Trung bình (%)	Tương đối đầy đủ (%)	Đáp ứng không đủ (%)	Không đầy đủ (%)
1	Thiết bị tại giảng đường đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy và học tập	68.790	81,38	0,00	0,00	0,00	14,78	0,00	0,00	3,83	0,00
2	Mức độ đáp ứng của Thư viện Nhà trường (Giáo trình, tài liệu tham khảo, công tác phục vụ tại phòng đọc)	68.790	81,03	0,00	0,00	0,00	15,73	0,00	0,00	3,25	0,00

Bảng 34: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2019/2020

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
			Phần trăm	Phần trăm	Phần trăm	Phần trăm	Phần trăm
1	Thầy cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ các phòng ban?	249	0,00	6,02	19,68	60,64	13,65
2	Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phụ trách cơ sở vật chất (giảng đường, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị dạy học, ...)	249	0,40	1,20	7,63	67,47	23,29

3	Phòng học và thiết bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu?	249	0,40	6,83	18,88	63,86	10,04
4	Phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng yêu cầu?	249	2,41	7,63	42,97	40,56	6,43
5	Hệ thống mạng đáp ứng yêu cầu?	249	6,43	23,29	30,92	34,94	4,42
6	Thư viện Trường có đầy đủ và cập nhật về tài liệu chuyên môn phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học?	249	2,01	12,45	44,18	36,14	5,22
7	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo thuận tiện, hợp lý, chính xác?	249	6,02	25,30	29,72	34,14	4,82

Bảng 35: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2020/2021

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Thầy cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ các phòng ban?	252	0,00	1,59	17,46	64,68	16,27
2	Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phụ trách cơ sở vật chất (giảng đường, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị dạy học, ...)	252	0,00	0,79	4,37	65,87	28,97

3	Phòng học và thiết bị giảng dạy đáp ứng yêu cầu?	252	0,00	6,75	24,21	58,33	10,71
4	Phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng yêu cầu?	252	1,98	8,73	39,29	41,27	8,73
5	Hệ thống mạng đáp ứng yêu cầu?	252	7,54	25,40	27,78	33,33	5,95
6	Thư viện Trường có đầy đủ và cập nhật về tài liệu chuyên môn phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học?	252	0,40	8,73	40,08	43,25	7,54
7	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo thuận tiện, hợp lý, chính xác?	252	3,57	15,48	30,56	42,86	7,54

Năm học 2022-2023 Nhà trường đã ban hành thay thế bổ sung bộ câu hỏi khảo sát các bên liên quan để phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, đáp ứng những tiêu chuẩn, tiêu chí trong việc đánh giá ngoài CSGD và CTĐT với tổng số lượt tham gia khảo sát: 272 người tăng 20 người so với năm 2020-2021. Cụ thể các nội dung sau:

Bảng 36: Kết quả KSGV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho CTĐT 2022/2023

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ, TỶ LỆ %				
	Chiến lược phát triển trường, tầm nhìn và sứ mạng	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5

1	Thầy/Cô có tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường	7.35	4.04	20.22	44.49	23.90
2	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường có đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	1.47	3.31	21.69	55.15	18.38

3	Chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi	1.47	4.78	18.75	54.04	20.96
4	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi được phổ biến trong toàn trường	0.74	5.15	17.65	46.69	29.78
5	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi được cải tiến trong quá trình phát triển của Nhà trường	1.47	3.68	20.22	51.47	23.16
Về hoạt động đào tạo						
6	Thầy/Cô được tham gia xây dựng, hiệu chỉnh CTĐT của đơn vị	4.41	3.31	9.93	40.07	42.28
7	CTĐT cân đối giữa kiến thức chung (đại cương) và kiến thức chuyên ngành	2.21	4.04	15.44	54.04	24.26
8	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	2.21	4.78	25.37	50.74	16.91
9	Nội dung CTĐT được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội	2.57	2.57	12.13	56.99	25.74

10	Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng được tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục của Khoa và Nhà trường	1.84	0.74	18.01	61.03	18.38
11	Quy chế đào tạo và các văn bản hướng dẫn được phổ biến đầy đủ trong toàn thể giảng viên	1.47	1.10	9.93	50.37	37.13
12	Công tác tổ chức lớp học, xếp thời khóa biểu hợp lý, khoa học	2.94	7.35	26.84	48.16	14.71
13	Thầy/Cô hài lòng với việc phân công về chuyên môn (số tiết, lớp học phân) của đơn vị	2.57	3.68	14.71	48.16	30.88
14	Giảng viên được chủ động lựa chọn và áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với chuẩn đầu ra môn học	1.47	2.57	12.87	54.04	29.04
15	Nhà trường quy định chặt chẽ về sự thống nhất giữa nội dung, phương pháp giảng dạy và hoạt động đánh giá kết quả học tập sinh viên	1.84	3.31	18.75	56.62	19.49
Về hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH)						
16	Nhà trường có những chính sách hỗ trợ cho việc NCKH	2.21	7.35	24.63	47.79	18.01
17	Thầy/Cô được tự do lựa chọn và đề xuất đề tài NCKH	1.10	1.10	7.35	56.62	33.82
18	Quy định, hướng dẫn xét duyệt nghiệm thu đề tài NCKH được công bố công khai	1.10	1.84	12.87	52.21	31.99
19	Việc xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH được thực hiện đúng quy trình	1.47	1.47	12.13	56.62	28.31

20	Thầy/Cô hài lòng khi tham gia hoạt động NCKH	1.47	4.41	22.43	52.21	19.49
Về hoạt động phục vụ cộng đồng						
21	Thầy/Cô có sản phẩm/sáng chế/đề tài NCKH được chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng	20.22	13.97	29.41	28.31	8.09
22	Thầy/Cô có tham gia các hoạt động kết nối cộng đồng	1.84	4.78	19.85	52.94	20.59
23	Thầy/Cô có tham gia các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng	2.21	6.99	22.06	50.00	18.75
24	Thầy/Cô có hài lòng với các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường	1.10	4.41	21.69	58.46	14.34

25	Các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng có ảnh hưởng đến phát triển nghề nghiệp của Thầy/Cô	0.74	4.41	24.26	55.88	14.71
Về chế độ chính sách của Nhà trường						
26	Quy trình, tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường rõ ràng, công khai và minh bạch	1.10	3.31	15.81	52.94	26.84
27	Chính sách lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi và an sinh thể hiện rõ ràng, công khai minh bạch	2.57	7.72	20.96	49.26	19.49
28	Việc đánh giá viên chức, khen thưởng công bằng, đúng quy định	3.68	4.41	21.32	50.74	19.85
29	Thầy/Cô hài lòng về mức độ khen thưởng trong các ngày lễ tết, thành tích cá nhân	4.78	13.24	26.10	43.38	12.50

30	Thầy/Cô được tạo điều kiện học tập, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ giảng dạy	1.10	3.31	17.28	54.78	23.53
31	Các tiêu chí, quy trình bổ nhiệm được công bố rõ ràng, công khai, minh bạch	2.57	5.51	19.12	50.37	22.43
Về cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường						
32	Phương tiện phục vụ giảng dạy đáp ứng nhu cầu đào tạo	1.47	3.31	26.10	55.51	13.60
33	Thiết bị thí nghiệm/thực hành đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu	4.41	15.81	34.19	37.13	8.46
34	Phòng thực hành/thí nghiệm có đầy đủ nội quy, hướng dẫn, quy định an toàn và thiết bị bảo hộ lao động	2.94	5.15	34.56	44.85	12.50
35	Tài liệu trong thư viện đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu	4.04	13.24	34.56	40.07	8.09
36	Hệ thống wifi, internet hoạt động ổn định và đáp ứng nhu cầu công việc	18.01	24.26	28.68	24.26	4.78
37	Thầy/Cô hài lòng về chất lượng phục vụ của các đơn vị sau đây?					
38	1. Phòng đào tạo	1.10	3.68	22.06	54.78	18.38
39	2. Phòng Đào tạo SDH	1.10	4.04	30.15	48.16	16.54
40	3. Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng	1.10	3.31	20.22	56.62	18.75
41	4. Phòng Kế hoạch tài chính	2.21	4.04	22.43	52.94	18.38
42	5. Phòng Tổ chức cán bộ	3.68	5.51	20.96	51.47	18.38

43	6. Phòng Hành chính quản trị	1.47	1.10	16.18	59.56	21.69
44	7. Phòng Thanh tra-Pháp chế	3.31	5.51	23.53	50.37	17.28
45	8. Phòng Quản lý khoa học & Hợp tác Quốc tế	1.47	2.21	22.43	52.21	21.69
46	9. Phòng Quản lý đầu tư & Xây dựng cơ bản	2.21	3.31	29.78	49.63	15.07
47	10. Phòng Công tác sinh viên	1.10	3.68	19.49	55.88	19.85
48	11. Trung tâm học liệu	2.21	3.68	25.74	52.21	16.18
49	12. Trung tâm Đào tạo thường xuyên	0.74	1.47	23.16	53.68	20.96
50	13. Trung tâm DV ĐS Cơ sở 1	1.84	4.41	23.53	52.94	17.28
51	14. Trung tâm DV ĐS Cơ sở 2	1.84	1.84	29.41	46.32	20.59

Đồng thời hàng năm, Nhà trường có đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và các cán bộ các phòng ban phục vụ tự đánh giá chất lượng phục vụ, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ **[H10.10.05.06]**. Thông tin về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong báo cáo hàng năm **[H10.10.05.07]**.

Trung tâm Học liệu có PKS riêng hàng năm để đánh giá chất lượng phục vụ thư viện của Nhà trường, GV đối với việc phục vụ của thư viện **[H10.10.05.02]** **[H10.10.05.03]**. Thông qua quá trình khảo sát lấy ý kiến của SV hàng năm về hoạt động và mức độ hài lòng về thư viện của bạn đọc, hàng năm TT Học liệu đều có phương án nâng cấp bổ sung sách, trang thiết bị cho phù hợp.

Nhà trường có 1 buổi giao lưu thầy và trò hàng năm (tổ chức vào tháng 4 hàng năm), các vấn đề về chất lượng giáo dục, các kênh thông tin về fanpage của Nhà trường được sử dụng để Ban Giám hiệu Nhà trường, các phòng ban chức năng tiến hành cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ **[H10.10.05.08]**.

Trong năm 2020, Khoa thực hiện khảo sát cho thấy trên 40% sinh viên ngành kiểm toán tham gia trả lời khảo sát đánh giá hài lòng về: thái độ phục vụ sinh viên của cán bộ, nhân viên văn phòng; thư viện có đủ tư liệu tham khảo cho các môn học; và

trang thiết bị đầy đủ phục vụ giảng dạy, học tập. Số lượng sinh viên chưa hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chỉ chiếm chưa đến 2%. Khoa còn có những đóng góp về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường trong các cuộc họp công nhân viên chức hàng năm, họp tổng kết năm học [H10.10.05.09].

Kết quả từ các khảo sát đánh giá chất lượng dịch vụ và tiện ích phục vụ cho CTĐT được sử dụng làm cơ sở cho tiến hành cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ. Cụ thể, thư viện đã lập danh mục sách và tài liệu mua mới, bổ sung cho các năm học dựa trên nhu cầu đề xuất của các Khoa chuyên môn và người học, phần mềm đọc tài liệu số thư viện cũng được đưa vào nhằm thuận tiện hơn cho giảng viên và sinh viên trong việc tra cứu dữ liệu. Bên cạnh đó, Nhà trường, Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp tổ chức hỗ trợ tìm việc online, tìm kiếm và phối hợp với các bên liên quan tổ chức các chuyến thăm quan thực tế doanh nghiệp, chương trình Job Fair, hội thảo, kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn đầu tư nâng cấp các thiết bị công nghệ phục vụ hoạt động giảng dạy, xây mới thêm các phòng học để đáp ứng nhu cầu của người học.

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, Nhà trường đã kịp thời có những sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học.

3. Điểm tồn tại

Một số dịch vụ sinh viên chưa được khai thác hiệu quả (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 -2025, Khoa KT&QL và TTHL tăng cường phổ biến để sinh viên có thông tin khai thác hiệu quả các dịch vụ và tiện ích của Nhà trường (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Hiện nay, Phòng KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo, các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng

thông qua phản hồi của các bên liên quan **[H10.10.06.01]**, **[H10.10.05.07]** **[H07.07.05.04]**.

Phòng KT&ĐBCL trực thuộc Trường Đại học Điện lực có chức năng tham mưu trong công tác xây dựng, tổ chức thực hiện, vận hành và giám sát thực hiện các quy trình đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, công tác khảo thí trong phạm vi toàn Trường; phát triển hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường, được quy định trong chức năng nhiệm vụ Phòng KT&ĐBCL theo Quyết định số 993/QĐ-ĐHDL ngày 18/7/2018 **[H10.10.03.01]**. Theo đó, việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống. Cụ thể, Phòng KT&ĐBCL có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, xử lý dữ liệu, tổng hợp báo cáo trình Hiệu trưởng và lưu trữ dữ liệu về kết quả các đợt khảo sát. Về việc phụ trách khảo sát, phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm khảo sát sinh viên, giảng viên và cán bộ công nhân viên về cơ sở vật chất hỗ trợ, khoá học và hoạt động dạy học, môi trường làm việc (chỉ với cán bộ nhân viên và giảng viên). Khoa Kế toán - Tài chính phụ trách khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo, việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp và các doanh nghiệp tuyển dụng.

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành kiểm toán, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh chuẩn đầu ra... Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất **[H10.10.06.03]**.

Định kỳ, hàng năm, các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan đều được Phòng KT&ĐBCL phối hợp với Khoa thực hiện theo đúng hướng dẫn của Trường ĐHDL. Hiện nay, theo quy định và hướng dẫn của Trường ĐHDL, vào cuối năm, tất cả các giảng viên cơ hữu của ngành kiểm toán phải thực hiện hoạt động tự đánh giá nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn **[H10.10.06.05]**. Ngoài ra, Khoa KT&QL phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện hoạt động lấy ý kiến của người học về học phần, hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ người học **[H10.10.06.02]**. Ngoài ra hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về

CTĐT được thực hiện 01 lần/năm [H10.10.06.06], [H10.10.06.07]. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT trình độ đại học ngành kiểm toán [H10.10.06.04].

Khoa đã tiến hành kí hợp tác với một số cơ sở đào tạo như Censtaf, ACTax, VACPA, đưa chương trình thực hành môn học tại cơ sở thực tế vào CTĐT. Có được điều này là do công tác tiếp nhận ý kiến và trao đổi về nhu cầu thực tế của sinh viên và doanh nghiệp tuyển dụng đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H10.10.06.09].

Để liên tục hoàn thiện cơ chế phản hồi, các đóng góp trong các lần lấy ý kiến các bên liên quan (SV, cựu SV, doanh nghiệp, giảng viên,...) được thực hiện trong các cuộc họp về khảo sát ý kiến [H10.10.06.08]. Mục tiêu là cải tiến theo hướng tin gọn, phù hợp trong thực hiện khảo sát (câu hỏi, thời gian, công cụ thực hiện).

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa, giữa Khoa với các doanh nghiệp giúp tiếp nhận thông tin để cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa phân tích và xử lý thông tin hiệu quả từ phản hồi của các bên liên quan trong việc cải tiến CTĐT ngành kiểm toán.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 -2025, Phòng KT&ĐBCL và Khoa KT&QL xây dựng các biểu mẫu và báo cáo chi tiết phân tích ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT của ngành Kiểm toán.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 10

Khoa Kế toán - Tài chính (Kinh tế và quản lý trước đây) đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế và cải tiến CTĐT được tuân thủ theo đúng quy định. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo

sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các NCKH thông qua đề tài NCKH các cấp, NCKH SV được quan tâm và được sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, trung tâm công nghệ thông tin, Khoa KT-TC,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10: 6/6 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 4,4/7.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng SV sau khi ra trường có vai trò quan trọng trong hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng của nhà trường. Hàng năm, dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu, phòng KT&ĐBCL cùng khoa Kế toán - Tài chính (trước là Khoa Kinh tế & Quản lý) đã thực hiện đánh giá việc đạt CĐR đối với các SV tốt nghiệp của các ngành học của nhà trường, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ SV tốt nghiệp quá hạn, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ SV thôi học. Đặc biệt việc thống kê số lượng SV tốt nghiệp xin được việc làm là trọng tâm chính trong việc thực hiện cải tiến CTĐT.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của CTĐT, các hướng nghiên cứu ưu tiên của nhà trường tập trung cho những đề tài có tính ứng dụng và có thể thương mại hóa, các hướng nghiên cứu này được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện.

Trường đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến CĐR, CTĐT, hoạt động đào tạo và hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hoạt động học tập của người học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập đều được Nhà trường thực hiện theo quy định trong Quy chế đào tạo được ban hành của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn thực hiện của Nhà trường [H5.05.01.07]. Nhà trường đã giao trách nhiệm cho phòng CTSV làm đầu mối phối hợp với cố vấn học tập theo dõi và cập

nhận thường xuyên danh sách các SV thôi học và tốt nghiệp hàng năm của từng ngành đào tạo để làm căn cứ điều chỉnh chất lượng giảng dạy **[H11.11.01.01]**.

Phòng Đào tạo tham gia thống kê và cung cấp điểm vào gửi phòng CTSV kết hợp để theo dõi SV. Việc thống kê các tỉ lệ SV thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp theo từng ngành đào tạo được phòng CTSV thực hiện hàng năm **[H11.11.01.01]**. Theo thống kê riêng của Khoa Kế toán - Tài chính với các ngành học của khoa đã ra trường, số lượng SV tốt nghiệp có tỷ lệ cao, tuy nhiên với ngành Kiểm toán được nhà trường quyết định đào tạo từ năm 2017 **[H1.01.01.02]** và đến nay mới là năm tuyển sinh thứ bảy, vì vậy tính đến thời điểm hiện tại ngành Kiểm toán mới có 3 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường. Với mục tiêu của Khoa Kế toán - Tài chính đối với ngành Kiểm toán là nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên, phần đầu SV ra trường có việc làm, đặc biệt là việc làm đúng chuyên môn, đặc biệt giảm thiểu số lượng sinh viên buộc thôi học trong quá trình đào tạo. Vì thế, Khoa Kế toán - Tài chính đã định kỳ thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ thôi học của ngành để xác định nguyên nhân **[H11.11.01.02]**.

Bảng 37: Đối sánh tỷ lệ thôi học ngành Kiểm toán và ngành khác trong trường

TT	Khóa học	Số lượng SV nhập học			Số lượng và tỷ lệ SV thôi học					
					Kiểm toán		TMĐT		QTDVDL&LH	
		Kiểm toán	TMĐT	QTDVDL&LH	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	D14	16	38	-	3	18,75	4	11,76	-	-
2	D15	93	131	79	5	5,30	28	21,37	18	22,78
3	D16	72	139	92	6	8,33	15	10,79	13	14,13
4	D17	83	105	100	6	7,23	6	7,23	10	10
5	D18	74	120	101	4	5,40	1	0,08	0	0

Nguồn số liệu tổng hợp – ĐHDL

Về nguyên nhân của tỷ lệ SV thôi học **[H11.11.01.03]**, theo tìm hiểu của khoa, một phần là do việc chuyển đổi phương pháp học từ bậc phổ thông lên đại học (từ đào tạo niên chế sang tín chỉ). Cụ thể, khi chuyển sang hình thức học tín chỉ, SV phải tăng cường tự học, học thực hành, SV sẽ phải làm việc nhóm nhiều hơn, tự chuẩn bị học nhiều hơn, chủ động tự nghiên cứu nhiều hơn **[H3.03.01.01]**. Song thực tế, SV chưa nắm bắt kịp cách học này dẫn đến bị động khi lên lớp và chưa tận dụng hết được thời gian thực hành... Nguyên nhân thứ hai là do mô hình giáo viên chủ nhiệm giống như THPT không còn phù hợp với mô hình đào tạo tín chỉ của đại học, lớp học không còn

được tổ chức theo niên chế cố định nữa gây khó khăn trong việc theo dõi sát sao từ giáo viên chủ nhiệm để giúp đỡ sinh viên.

Để đưa ra biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học của SV:

(i) Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản trị nhằm theo dõi, đánh giá kịp thời quá trình học tập của người học.

(ii) Bên cạnh đó, nhà trường cũng xây dựng công tác cố vấn học tập trong đó quy định nhiệm vụ của cố vấn học tập là nắm bắt liên tục tình hình học tập, ý thức rèn luyện, hạnh kiểm của từng SV trong lớp. Định kỳ, cố vấn học tập nộp báo cáo về phòng CTSV để làm căn cứ và thông báo về gia đình **[H11.11.01.04]**.

(iii) Biện pháp cảnh báo của phòng ĐT về điểm tích lũy của SV **[H11.11.01.05]**.

(iv) Hầu hết GV thuộc bộ môn đều tham gia công tác cố vấn học tập, tổ chức sinh hoạt lớp định kỳ với SV, trao đổi thường xuyên với ban lãnh đạo khoa về các vấn đề phát sinh của lớp chủ nhiệm nhằm đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời

(v) Tổ chức học kỳ phụ để tạo điều kiện cho SV trả nợ môn kịp thời **[H11.11.01.06]**.

(vi) Xác định môn học tương đương để SV lựa chọn

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ SV thôi học được Khoa và Nhà trường theo dõi sát sao, được công bố công khai đến các bên liên quan (BGH nhà trường, phòng ban chức năng, khoa chuyên môn, GV, CVHT, SV, ...). Nhà trường đã thực hiện đánh giá hiệu quả công việc của Khoa, Phòng/Ban thông việc đưa tỷ lệ thôi học của SV vào việc đánh giá Kết quả thực hiện công việc của các đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, Khoa và phòng CTSV chưa phân tích chi tiết những lý do SV ngành Kiểm toán thôi học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, Khoa cùng phòng CTSV phối hợp với gia đình những SV thôi học để nắm bắt được thông tin tốt hơn về những SV này, tìm hiểu nguyên nhân thực sự có phải từ phía Nhà trường hay từ phía người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng ĐT hằng năm theo dõi và thống kê số lượng SV tốt nghiệp và thời gian trung bình mà các SV trong khóa học tốt nghiệp đối với từng ngành học **[H11.11.02.01]**. Số liệu được chuyển cho phòng KT&ĐBCL để đưa lên báo cáo 3 công khai của Nhà trường trên web **[H9.09.01.01]**.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành kiểm toán trong trường theo thiết kế chuẩn là 4 năm. Định kỳ hàng năm, nhà trường nói chung và Khoa Kế toán - Tài chính nói riêng đều thực hiện thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành đào tạo. Nhà trường cũng giao nhiệm vụ cho Phòng CTSV làm đầu mối phối hợp với các cố vấn học tập tìm hiểu và phân tích nguyên nhân người học còn chưa hoàn thành số tín chỉ dẫn đến chưa được công nhận tốt nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ người học. **[H11.11.02.02]**.

Bảng 38: Đối sánh tỷ lệ thời gian tốt nghiệp học ngành Kiểm toán và ngành khác trong trường

TT	Khóa học	Số lượng xét tốt nghiệp			Sinh viên tốt nghiệp đúng hạn					
					Kiểm toán		TMĐT		QTDVDL&LH	
		Kiểm toán	TMĐT	QTDVDL&LH	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	D14	12	34	-	10	83,33	15	44,11	-	-
2	D15	65	103	79	42	64.61	38	36,89	11	13,92
3	D16	chưa TN	chưa TN	chưa TN	chưa TN		chưa TN		chưa TN	
4	D17	chưa TN	chưa TN	chưa TN	chưa TN		chưa TN		chưa TN	
5	D18	chưa TN	chưa TN	chưa TN	chưa TN		chưa TN		chưa TN	

Nguồn số liệu tổng hợp – ĐHDL

Số liệu trên là kết quả phân tích đối sánh số lượng và tỷ lệ sinh viên được xét tốt nghiệp lần 1 đó là những sinh viên đã hoàn thành tất cả các chương trình môn học đúng hạn có đầy đủ chứng chỉ tiếng anh và quốc phòng. Những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp nguyên nhân chủ yếu là do nợ chứng chỉ ngoại ngữ đầu ra.

Nhà trường cũng giao nhiệm vụ cho phòng CTSV làm đầu mối phối hợp với các cố vấn học tập tìm hiểu và phân tích nguyên nhân người học còn chưa hoàn thành số tín chỉ dẫn đến nguy cơ chậm công nhận tốt nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ người học.

Theo tổng kết các cuộc họp cuối năm của phòng CTSV, phòng ĐT, Khoa có những nguyên nhân chính sau làm cho SV chưa tốt nghiệp đúng thời hạn, kéo dài thời gian học tập **[H11.11.01.04]**:

- (1) SV chưa cân đối tốt giữa thời gian học tập và thời gian đi làm thêm.
- (2) SV chưa có kế hoạch học tập phù hợp để tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết.

Nhằm giảm thiểu thời gian tốt nghiệp cho SV ngành Kiểm toán trong tương lai, nhà trường đã thực hiện một số biện pháp:

(1) Phòng Đào tạo lên kế hoạch các lớp học kỳ phụ nhằm giúp SV hoàn thành môn học, đẩy nhanh thời gian tốt nghiệp thể hiện trong thời khóa biểu học kỳ phụ **[H11.11.01.06]**. Tạo điều kiện để SV có thể học vượt hoặc kéo dài như số tín chỉ tối đa và tối thiểu trong kỳ học được quy định, thời gian học là 4 năm học, thời gian tối đa đối được ra hạn học tập là 2 năm sau khóa học, quy chế này được thể hiện rõ trong sổ tay SV.

(2) Đẩy mạnh nhiệm vụ của CVHT sát sao và thực hiện tư vấn cho SV đạt được số điểm tích lũy **[H11.11.01.03]**.

Hàng năm trong báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ của Khoa và Nhà trường đều có những thống kê về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, từ đó đánh giá kết quả tốt nghiệp và đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo phù hợp. Đối với ngành kiểm toán đào tạo từ năm học 2018-2019 nên tính đến thời điểm hiện tại mới có 3 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường, vì vậy, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Kiểm toán được xác lập ngay khi có quyết định tốt nghiệp của Nhà trường.

Bảng 39: Bảng thống kê số liệu sinh viên tốt nghiệp ngành Kiểm toán giai đoạn từ năm 2020-2024

Số liệu	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024	Năm 2024-2025
Số SV nhập học	46	16	93	72	83

Số SV thôi học	3	3	5	6	6
Số SV tốt nghiệp	36	11	42	Chưa TN	Chưa TN

Nguồn số liệu tổng hợp – ĐHDL

2. Điểm mạnh

Trường có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của SV. Nhà trường giao cho phòng ĐT thống kê và Khoa, phòng CTSV phối hợp với cố vấn học tập hỗ trợ kịp thời cho SV, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện để sau này tốt nghiệp đúng hạn, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thống kê, đánh giá tính hiệu quả thời gian tốt nghiệp của SV các ngành khác để dự phòng các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023, phòng CTSV và phòng ĐT thống kê và báo cáo về thời gian tốt nghiệp của SV và đưa ra các đề xuất phù hợp giúp SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Nhà trường giao cho Phòng ĐT, Phòng CTSV làm đầu mối lập kế hoạch phối hợp với Khoa hằng năm thống kê số lượng sinh viên có việc làm, vị trí việc làm và mức thu nhập bình quân của sinh viên tốt nghiệp có việc làm tại thời điểm nhận bằng tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp 01 năm. Khoa đã thống kê việc làm của sinh viên ngành kiểm toán sau tốt nghiệp (khóa D13 và D14), từ đó làm cơ sở đánh giá về chất lượng sinh viên ngành Kiểm toán, đồng thời từ đó đưa ra những kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy phù hợp. Và một trong những dấu ấn về chất lượng đào tạo tốt, đó là tính đến thời điểm này, sinh viên ngành Kiểm toán ra trường đã có 93% sinh viên đã có việc làm và việc làm đúng chuyên môn đào tạo.**[H11.11.03.06].**

Hàng năm, trong cuộc họp giữa Ban Lãnh đạo Khoa, CVHT, ĐTN đã thảo luận, phân tích nguyên nhân sinh viên thất nghiệp khi ra trường, đồng thời nêu ra các biện pháp khắc phục, hỗ trợ giảm thiểu tỷ lệ thất nghiệp cho SV ngành học:

(i) Khoa Kế toán -Tài chính cùng nhà trường luôn có các biện pháp nhằm khắc phục và đẩy mạnh vấn đề này. Hàng năm Khoa Kế toán -Tài chính có tổ chức hội nghị doanh nghiệp nhằm trao đổi với các nhà tuyển dụng để thu thập ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng từ đó đối chiếu với các học phần đã xây dựng nhằm tìm ra những giải pháp trong đào tạo giúp nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu tuyển dụng cho sinh viên ra trường **[H11.11.03.01]**.

(ii) Khoa luôn chú trọng kết nối với một số doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên trong quá trình học tập cũng như hỗ trợ việc làm như ACCA, VACPA, Công ty CP Misa, Công ty ACtax...**[H11.11.03.04]**.

(iii) Năm 2018, Nhà trường đã thành lập Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp. Trung tâm có chức năng định hướng sinh viên tới doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên tìm việc làm sau tốt nghiệp cũng như triển khai các dự án khởi nghiệp của sinh viên **[H11.11.03.03]**.

(iv) Nhân lễ kỷ niệm 10 năm thành lập, Khoa đã chủ động liên hệ mời các cựu sinh viên về tham dự, từ đó tạo được mạng lưới cựu sinh viên – một kênh liên lạc rất ý nghĩa cho Khoa **[H11.11.03.02]**.

(v) Khoa Kế toán -Tài chính có fanpage về Việc làm cho SV ngành kinh tế **[H11.11.03.05]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho sinh viên, giúp SV đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích, thảo luận hỗ trợ việc làm của SV cần được làm sát sao, chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa KT&QL chú trọng phân tích kết quả để hỗ trợ việc làm cho sinh viên ngành học của khoa nói chung và ngành Kiểm toán nói riêng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Điện lực giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn 2030 có đề cập về NCKH của sinh viên nhưng còn chung chung, như “*Tạo không khí, hào hứng, say mê NCKH, tạo áp lực phù hợp để GV,SV tích cực tham gia NCKH [H1.01.01.06]; Thông qua NCKH để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, khuyến khích nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên tham gia NCKH*”.

Hàng năm, Phòng QLKH&HTQT có ban hành Quy chế NCKH chung cho GV và SV [H10.10.04.05], kế hoạch NCKH hàng năm được ban hành và được thông báo rộng rãi cho GV và SV [H5.05.04.07].

Theo đó, định kỳ hàng năm thông qua các cuộc họp triển khai kế hoạch năm học mới, Khoa Kế toán -Tài chính đều xây dựng kế hoạch NCKH và thông báo cho sinh viên và đề ra các chỉ tiêu rõ ràng để thực hiện công tác NCKH SV đảm bảo tương thích với mục tiêu, tầm nhìn và chuẩn đầu ra của ngành kiểm toán Tại Khoa Kế toán -Tài chính, GV được giao nhiệm vụ cho trợ lý NCKH thực hiện nhiệm vụ lên kế hoạch, theo dõi, giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH [H11.11.04.01], [H11.11.04.02].

Theo kế hoạch đã đề ra, từ năm học 2017-2018, Khoa Kế toán -Tài chính đã thực hiện phong trào NCKH cho SV trong khoa. Kế hoạch tổ chức NCKH sinh viên và ra thông báo để người học đăng ký tham gia trong thời gian tháng 11 đến tháng 5 năm sau [H11.11.04.01]. Các đề tài sinh viên đăng ký có sự bàn bạc thống nhất với giảng viên hướng dẫn, đề tài được hội đồng Khoa Kế toán -Tài chính xét duyệt và ra quyết định [H11.11.04.02]. Sau khi kết thúc thời gian nghiên cứu, Khoa KT&QL tổ chức các hội nghị tổng kết, đánh giá nghiệm thu đề tài NCKH của sinh viên [H11.11.04.03], [H11.11.04.04].

Trong năm học 2018-2019, số lượng đề tài NCKH SV tăng lên 10 đề tài, năm 2019-2020 là 7 đề tài, năm học 2020-2021 là 8 đề tài và bảo vệ thành công trước hội đồng đề tài cơ sở của nhà trường (bảo vệ thành công 7/8 đề tài trước hội đồng nhà trường). Trong thời gian tới, Nhà trường và Khoa Kế toán -Tài chính sẽ tiến hành tổ chức thành các cuộc thi có giải thưởng về NCKH cấp Khoa, trường và với những đề tài NCKH của SV được đánh giá cao sẽ cử đi tham gia giải thưởng cấp Bộ.

Tại Trường ĐHDL, Phòng QLKH&HTQT được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV. Phòng giao cho 1 chuyên viên thực hiện nhiệm vụ giám sát, quản lý các đề tài cấp trường cho SV và GV. Đối với NCKH cấp khoa, Phòng QLKH&HTQT theo dõi, tổng kết cuối năm, tính thời gian hướng dẫn NCKH cho GV tham gia hướng dẫn **[H11.11.04.06]**. Quy chế NCKH của Nhà trường hướng dẫn chi tiết quy trình cho NCKH của SV **[H10.10.04.05]**.

Bảng 40: Bảng thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành Kế toán và ngành Kiểm toán giai đoạn 2020-2024

TT	Nội dung	Số lượng sinh viên tham gia theo năm học			
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Kế toán và ngành Kiểm toán	10	7	8	07
2	Số lượng sinh viên tham gia NCKH và làm khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán và ngành Kiểm toán	94	153	185	0
3	Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH/ Tổng số SV	13%	17%	20%	0

Nguồn số liệu tổng hợp – ĐHDL

Số lượng đề tài NCKH của SV Khoa giữ ổn định, có những nội dung hay. Năm học 2021-2022, 01 đề tài NCKH của sinh viên D13 Kiểm toán được Nhà trường lựa chọn và gửi đi thi Giải thưởng NCKH công nghệ sinh viên toàn quốc. Tuy nhiên so sánh với các trường đại học khác số lượng đề tài NCKH còn khiêm tốn **[H11.11.04.05]**.

Bảng 41: Bảng thống kê số đề tài sinh viên ngành Kế toán và ngành Kiểm toán giai đoạn 2020-2024 và đối sánh

Các tiêu chí	Năm học			
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023

Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Kế toán và ngành Kiểm toán - ĐH Điện lực (Khoa KT&QL)	10	7	8	7
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Quản lý năng lượng - ĐH Điện lực	0	0	0	0
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành Công nghệ thông tin - ĐH Điện lực	0	0	0	0
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên ngành quản lý - ĐH Thủy Lợi	1	Không SL	Không SL	Không SL

Nguồn số liệu tổng hợp – ĐHDL

Khoa chú trọng định hướng cho sinh viên thực hiện các đề tài có tính ứng dụng cao, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại cũng như phù hợp với khả năng của sinh viên thông qua các buổi phát động nhằm hướng dẫn lựa chọn đề tài, trao đổi phương pháp nghiên cứu, giải đáp các thắc mắc liên quan **[H11.11.04.06]**.

2. Điểm mạnh

SV tham gia tích cực trong NCKH, ý tưởng sáng tạo phù hợp với xu thế. Khoa chủ động trong công tác NCKH SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NCKH SV kiểm toán còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 -2023, Phòng QLKH&HTQT có chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Bên cạnh việc nhà trường giao cho Phòng KT&ĐBCL làm đầu mối thực hiện lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, giáo viên, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về chất lượng đào tạo, các hoạt

động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, dịch vụ hỗ trợ người học, cơ sở vật chất.), **[H11.11.05.01]**, Khoa Kế toán - Tài chính cũng thực hiện giao nhiệm vụ cho nhóm GV chủ động lấy ý kiến đóng góp về chất lượng đào tạo và môi trường học tập trong thời gian sinh viên học tập tại trường thông qua kênh khảo sát cựu sinh viên, đây là những kênh thông tin hữu ích giúp Khoa và Nhà trường điều chỉnh CĐR và CTĐT (sau khi SV ra trường) **[H11.11.05.02]**.

Để giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của sinh viên, phòng KT&ĐBCL thực hiện lấy ý kiến phản hồi sinh viên sau khi kết thúc môn học trên tài khoản cá nhân. Đây là một yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên trước khi thi kết thúc học phần **[H11.11.05.01]**. Phòng KT&ĐBCL thực hiện giám sát việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Các công cụ chủ yếu trong tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về mức độ hài lòng gồm **[H11.11.05.03]**.

- (1) PKS online từ SV đối với GV để chất lượng đào tạo.
- (2) PKS cho SV trước khi tốt nghiệp được phát phiếu trực tiếp.
- (3) PKS gửi SV sau khi tốt nghiệp một năm qua mail, online.
- (4) Tổ chức hội thảo để tiếp nhận ý kiến phản hồi.
- (5) PKS gửi doanh nghiệp, giảng viên đánh giá sự hài lòng.

Thông qua thu thập kết quả từ các phiếu khảo sát, mức độ hài lòng của các bên liên quan được định lượng, tính toán, tổng hợp và so sánh giữa các năm thực hiện khảo sát nhằm phân tích thực trạng, xu hướng và tìm ra những nguyên nhân nhằm củng cố, nâng cao mức độ hài lòng. Đối với ngành Kiểm toán (D13. Kiểm toán) sắp ra trường, Phòng KT&ĐBCL và Khoa KT&QL sẽ tiến hành khảo sát các sinh viên (tính theo thang điểm 5) về:

- + Mức độ hài lòng của người học đối với CTĐT.
- + Mức độ hài lòng của người học đối với đội ngũ giảng viên.
- + Mức độ hài lòng của người học đối với quản lý và phục vụ đào tạo.
- + Mức độ hài lòng của người học đối với sinh hoạt và đời sống.
- + Mức độ hài lòng của người học đối với công tác kiểm tra đánh giá.

Nhờ sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa Kế toán -Tài chính trong việc ghi nhận, phân tích thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên, kết quả mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành đối sánh và sử dụng làm căn cứ nhằm đưa ra những điều chỉnh cần thiết. Ý kiến của các bên liên quan được ghi nhận thông qua thang chấm điểm từ 1 đến 5 với phương pháp khảo sát khách quan, làm cơ sở trung thực cho việc lập kế hoạch cải tiến chất lượng của Khoa KT&QL [H11.11.05.03].

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa Kế toán -Tài chính trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường khai thác chưa hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa Kế toán -Tài chính phân tích và khai thác hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 11

Nhờ sự theo dõi hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng sinh viên cảnh báo học vụ, thôi học của ngành Kiểm toán giảm. Sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học. Nhiều sinh viên đã tham gia và đạt giải thưởng trong các cuộc thi trong trường, trong ngành, được các học bổng học trao đổi, thực tập ở nước ngoài trong thời gian theo học chương trình. Phương châm của Khoa là đào tạo sinh viên học chương trình ngành Kiểm toán sau khi tốt nghiệp với trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với yêu cầu thực tế trong lĩnh vực Kiểm toán và để được các nhà tuyển dụng phản hồi tích cực.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường Đại học Điện lực đã tiến hành công tác tự đánh giá CTĐT ngành Kiểm toán một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của trường.

Thông qua việc tự đánh giá ngành Kiểm toán, Khoa KT-TC, Nhà trường đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và tồn tại trong từng lĩnh vực công tác, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Trường đã tuyên bố với xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành Kiểm toán được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của Trường ĐHDL đã đề ra, được ghi rõ trong bản tuyên bố sứ mạng của trường. Sứ mạng của Khoa KT-TC cũng như của ngành kiểm toán được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường, của ngành; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Trong đó chuẩn đầu ra của ngành Kiểm toán được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được cũng như những yêu cầu của nhà tuyển dụng đặt ra. Chuẩn đầu ra của ngành được định kỳ rà soát điều chỉnh và công bố công khai.

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kiểm toán đầy đủ và cập nhật thường xuyên cho phù hợp. Đề cương các học phần đầy đủ cho ngành. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần trong ngành được công bố công khai và các bên liên quan bao gồm: giảng viên; người học; nhà tuyển dụng dễ dàng được tiếp cận thông qua trang web của khoa; của nhà trường; qua quyền tổng hợp chương trình đào tạo toàn trường được in mới nhất năm 2023.

Chương trình dạy học ngành Kiểm toán được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra đã được công bố. Trong đó các đề cương học phần được xây dựng một cách chi tiết. Tỷ lệ các khối kiến thức cơ bản; cơ sở ngành; chuyên ngành được phân bố hợp lý. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng, được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần. Chương trình dạy học có cấu trúc logic với phần lý thuyết, thực hành, thảo luận. Nội dung chương trình cập nhật với sự đóng góp của các nhà khoa học,

nhà tuyển dụng, sinh viên.

Mục tiêu giáo dục của Khoa được tuyên bố rõ ràng lấy người học làm trung tâm và được phổ biến tới từng giảng viên tham gia giảng dạy. Các hoạt động giảng dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Trong đó chương trình được thiết kế hợp lý, đề cương được làm chi tiết tới từng chương mục bao gồm lý thuyết và thực hành cũng như kèm theo phần tự học của sinh viên. Bên cạnh việc học tập trên lớp còn được thực tập, thực hành môn học tại các doanh nghiệp phù hợp chuyên môn để giúp người học có thêm kiến thức thực tế trước khi ra trường. Các hoạt động dạy và học đòi hỏi người học phải tự tìm hiểu thêm kiến thức và được kiểm nghiệm thông qua các tiết thảo luận trên lớp, bài tập tìm hiểu dài, điều này thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học thuộc ngành Kiểm toán được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra. Với việc nhà trường ban hành quy định một phần về ngân hàng đề thi đáp án, được triển khai đến toàn khoa và từng ngành với từng học phần đã giúp cho việc tổ chức đánh giá thuận tiện hơn đảm bảo tính công bằng minh bạch. Cách đánh giá người học cũng được mô tả chi tiết trong đề cương học phần. Trong đó quy định 30% điểm quá trình, 70% điểm cho bài thi học kỳ. Các quy định về đánh giá này đã được nhà trường văn bản hóa và ngành Kiểm toán thực hiện nghiêm túc theo quy định này. Trong quy định các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng như: bài thi tự luận; thi trắc nghiệm. Chính điều này đã đảm bảo đánh giá chính xác kiến thức của người học, tùy vào từng học phần mà lựa chọn ra phương pháp đánh giá phù hợp nhất. Việc sử dụng phương pháp kiểm tra nào cũng được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần. Điều này đã nhận được những phản hồi tốt từ người học, đánh giá sát năng lực người học. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời như: điểm quá trình được công bố khi kết thúc học phần, điểm thi học kỳ được công bố 10 ngày sau khi thi. Người học có thể dễ dàng tiếp cận thông tin qua tải khoản cá nhân, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng KT&ĐBCL. Chính điều này đã giúp người học kịp thời nắm được thông tin và cải thiện việc học tốt nhất. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua các mẫu đơn gửi đến đơn vị chức năng và được phản hồi kịp thời trong thời gian nhanh nhất.

Toàn bộ giảng viên ngành Kiểm toán đảm bảo yêu cầu và chất lượng trong công tác giảng dạy. Tỷ lệ giảng viên/người học được đáp ứng theo chuẩn khối lượng đào tạo quy định. Việc tuyển dụng giảng viên ngành Kiểm toán đảm bảo theo quy trình do trường

ban hành, đảm bảo yêu cầu về chuyên môn ngành và chuyên môn sư phạm. Mọi công tác tuyển dụng đều được thông báo công khai trên trang thông tin của nhà trường. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá thông qua hội đồng khoa, khối lượng giảng dạy, khối lượng nghiên cứu khoa học mà giảng viên hoàn thành. Ngành Kiểm toán luôn tạo điều kiện cho các giảng viên tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các lớp nghiệp vụ cập nhật của Bộ Tài chính, hiệp hội nghề nghiệp kế toán – kiểm toán, tham gia các khoá học về chứng chỉ nghề nghiệp trong nước và quốc tế. Kết quả công việc của giảng viên ngành được đánh giá đầy đủ chính xác, công bằng thông qua đánh giá hoàn thành nhiệm vụ từng tháng; đánh giá hoàn thành công việc năm học (khối lượng giảng dạy; khối lượng nghiên cứu khoa học) và các hoạt động chung khác trong khoa và trong trường. Các hoạt động nghiên cứu của giảng viên trong ngành Kiểm toán được thực hiện một cách đa dạng thông qua các học phần; đề tài khoa học sinh viên; đề tài khoa học cấp trường; bài báo khoa học...

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ bao gồm cán bộ văn phòng khoa, thư viện, giảng đường, kỹ thuật hạ tầng cơ sở vật chất, ...được tuyển dụng theo quy định công khai minh bạch, đúng chức năng nhiệm vụ; đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Năng lực của khối cán bộ hỗ trợ cũng được đánh giá một cách rõ ràng thông qua biên bản đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của từng tháng. Việc tuyển dụng cán bộ hỗ trợ được xác định phù hợp với quy mô và sự phát triển của nhà trường về cơ sở vật chất, sinh viên, ...

Chính sách tuyển sinh của ngành Kiểm toán được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ theo chính sách tuyển sinh của nhà trường. Chính sách này được xác định rõ ràng, công khai và được cập nhật liên tục cho từng ngành. Tiêu chí tuyển được công khai trên trang thông tin của trường, phương pháp tuyển chọn qua việc nộp hồ sơ và được các cơ quan quản lý về giáo dục đào tạo đánh giá cao. Nhà trường nói chung và ngành Kiểm toán nói riêng sử dụng hệ thống giám sát kết quả cũng như sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện thông qua hệ thống tài khoản cá nhân cố vấn học tập, tài khoản quản lý đào tạo của trường. Điều này giúp nhanh chóng tiếp cận hỗ trợ sinh viên để nâng cao tỷ lệ sinh viên ra trường và có việc làm phù hợp. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoài khóa được thực hiện đầy đủ thông qua các hoạt động cố vấn học tập, hoạt động đoàn thanh niên, câu lạc bộ. Tất cả những điều này tạo thuận lợi cho người học và tâm lý thoải mái giúp người học hoàn thiện quá trình học tập tốt hơn.

Hệ thống cơ sở vật chất phòng học của nhà trường trang bị đầy đủ cho người học

trên lớp tại các giảng đường. Trang bị cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy như máy chiếu, loa, micro...Thư viện của nhà trường được xây dựng hiện đại với nhiều đầu sách đa dạng, quý cung cấp môi trường học tập nghiên cứu cho người học một cách tốt nhất. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất giúp sinh viên tiếp cận với kiến thức thực tế. Nhà trường cung cấp hạ tầng mạng internet wifi, thư viện điện tử để hỗ trợ cho người học cũng như người dạy trong đào tạo và nghiên cứu. Tất cả các cơ sở vật chất này đều đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường, ánh sáng, âm thanh.

Tất cả các hoạt động dạy và học đều được đánh giá một cách khách qua từ phía người dạy và người học để nhà trường cũng như khoa và cụ thể là ngành Kiểm toán kịp thời nắm bắt thông tin điều chỉnh khi cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm Khoa, nhà trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện để cải tiến hoạt động dạy và học trong nhà trường. Ngành Kiểm toán cũng thường xuyên tổ chức hội thảo, gửi thư xin ý kiến của đơn vị tuyển dụng về hoạt động đào tạo của ngành để từ đó tập hợp lại đưa ra những cải tiến nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo một cách tốt nhất.

Chính vì việc luôn nỗ lực cố gắng hoàn thiện hệ thống quản lý giáo dục đào tạo, quản lý chất lượng đã giúp cho ngành Kiểm toán hạ thấp tỷ lệ sinh viên thôi học. Khoa đã duy trì hỗ trợ sinh viên Kiểm toán cũng như ngành khác trong quá trình tiếp cận thị trường lao động.

Qua quá trình nghiên cứu văn bản hướng dẫn, thu thập, xử lý MC, viết dự thảo báo cáo và từ việc tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, Khoa KT-TC và ngành Kiểm toán đã tổ chức thảo luận và chỉnh sửa và hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT của ngành. Báo cáo tự đánh giá ngành Kiểm toán đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, khó khăn cùng với kế hoạch khắc phục của ngành.

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí, Nhà trường và Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Điện lực trân trọng thực hiện gửi báo cáo cho Bộ GD&ĐT để khẳng định sự cầu thị đối với chương trình đào tạo ngành Kiểm toán.

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những cần phát huy của chương trình đào tạo

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo ngành Kiểm toán của Khoa KT-TC được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, gắn với mục tiêu giáo dục trong Luật giáo dục và Luật GDĐH. Mục tiêu đào tạo của chương trình đã phản ánh nhu cầu nhân sự của tổ chức trong lĩnh vực kiểm toán, định hướng theo sự phát triển của thị trường lao động và sự phát triển tính chuyên nghiệp trong lĩnh vực này. Mục tiêu đào tạo có được sự đóng góp của các bên liên quan, tăng cường tính hội nhập quốc tế, tính chuyên nghiệp của nghề kiểm toán.

Khoa KT-TC đã xây dựng và ban hành CDR cho CTĐT ngành Kiểm toán rõ ràng, toàn diện và nhất quán với mục tiêu đào tạo. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của sinh viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên giao lưu, hợp tác trong học tập, gắn kết lý thuyết và thực hành, sinh viên qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra của ngành Kiểm toán được xây dựng dựa trên có sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan (các nhà tuyển dụng lao động, SV tốt nghiệp, các chuyên gia). CDR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, cựu sinh viên thông qua các hoạt động kết nối và công bố công khai.

Về Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT của ngành Kiểm toán đã cập nhật theo quy định, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để người học, những người quan tâm nắm bắt CTĐT. Việc cập nhật định kỳ và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo đóng góp của các bên liên quan.

Đề cương các học phần của ngành được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của ngành học. Việc giao quản lý môn học và thực hiện nhóm giảng dạy theo môn học cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương môn học có được những cập nhật mới nhất.

CTĐT của ngành Kiểm toán được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH của ngành Kiểm toán được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR của CTĐT.

CTDH có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, các học phần trong cấu trúc CTDH đảm bảo tính tích hợp, cập nhật và linh hoạt với sự thay đổi của thị trường nghề nghiệp kiểm toán.

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền tải trong các mục tiêu đào tạo ngành Kiểm toán và được lan toả mục tiêu giáo dục tới các giảng viên bộ môn, khoa, sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.

Khoa KT-TC, ngành Kiểm toán cùng với Nhà trường đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên SV Kiểm toán của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.

Cấu trúc các học phần trong CTĐT và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần giúp SV rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đồng thời phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích SV ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.

Về đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường và khoa KT-TC có kế hoạch đánh giá KQHT của người học trong suốt quá trình học tập. Việc thực hiện đánh giá được công bố và có những đánh giá, phản hồi giữa Phòng KT&ĐBCL và Khoa được thực hiện kịp thời cho SV. Các quy định về đánh giá KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Việc thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành Kiểm toán giúp kiểm tra chính xác CDR (thực hành kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính) hay đánh giá trong thực hành thực tế giúp SV có được kết quả công bằng, khách quan và chính xác.

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học. Khoa KT-TC có những quan tâm, kết hợp tốt với Phòng KT&ĐBCL trong việc đánh giá phản hồi của người học. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho sinh viên.

Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường đã xây dựng được một số chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhờ đó, Khoa đã tuyển được đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu đào tạo trong ngành kiểm toán, công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành Kiểm toán đã dần được đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua tăng nâng cao trình độ giảng viên (học chương trình NCS) và có kế hoạch tuyển dụng mới. Khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo). Nhà trường đã ban hành những quy định trong đó có tiêu chí cụ thể và đầy đủ để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ GV theo các chức danh khác nhau.

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định hiện hành. Tuyển được đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn

tốt, đáp ứng tốt yêu cầu công việc và các điều kiện về tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.

Năng lực giảng viên của Khoa KT-TC được xác định rõ ràng và được đánh giá thường xuyên, theo đúng quy định. Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm. Các GV ngành Kiểm toán được lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân GV (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).

Nhà trường đã có những quy định cụ thể, rõ ràng về khối lượng công việc của mỗi giảng viên, có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, NCKH mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

Nhà trường đã có những quy định cụ thể về các loại hình KHCN và khối lượng NCKH đối với từng chức danh giảng viên. Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hàng năm khi kết thúc năm học. GV Khoa KT-TC tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.

Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ SV tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của SV liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp SV có thành tích học tập tốt đồng thời, giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mềm, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn.

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định. Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm. Nhân viên hỗ trợ, phục vụ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm để hỗ trợ tốt cho ngành đào tạo.

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ công nghệ thông tin tốt; liên tục được đào tạo, nâng

cao trình độ đảm bảo thích ứng kịp thời với công việc; hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ phát triển nghề nghiệp của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.

Nhà trường có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai; có cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Công tác tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội, chỉ tiêu của Nhà trường, xu hướng phát triển của ngành, được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học của nhà trường rõ ràng, theo quy định của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như ngành Kiểm toán.

Việc quy định chi tiết và ban hành công khai trong cuốn sổ tay SV về quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy của Nhà trường cùng với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành kiểm toán nói riêng.

Nhà trường, Khoa KT-TC đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ SV trong ngành Kiểm toán tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập, Trao học bổng, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Người học được học tập, nghiên cứu và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào

tình nguyện... qua đó giúp rèn luyện sinh viên về thể chất, tinh thần, có tác dụng giáo dục tốt, góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu theo quy định và đều được trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị để làm việc. Nhà trường có đủ số phòng học với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có quy định về chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị.

Thư viện được nhà trường phân công cho bộ phận Thư viện chuyên trách quản lý, có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, được xây dựng ở vị trí độc lập với khu giảng đường, không gian rộng, thoáng, yên tĩnh, cơ sở vật chất khang trang giúp cho việc học tập và nghiên cứu đạt hiệu quả tốt. Thư viện có nguồn học liệu phong phú trên nhiều lĩnh vực và chủng loại: sách, tài liệu, từ điển, ngoại ngữ, luận văn, luận án, báo cáo khoa học và các tạp chí, tài liệu chuyên ngành. Hệ thống máy tính, phần mềm và mạng tốc độ cao, giúp SV dễ dàng tra cứu, khai thác nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH.

Phòng máy phục vụ CTĐT được giao cho Trung tâm CNTT phụ trách quản lý tạo điều kiện thuận lợi cho trang bị, bảo dưỡng, thay mới. Việc có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn. Các máy tính trang thiết bị mới được đầu tư bổ sung phục vụ nhu cầu học và thi tốt hơn. Nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý. Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý của Nhà trường.

Môi trường, an toàn, sức khỏe được xác định và triển khai đáp ứng được yêu cầu. Trường có đội ngũ nhân viên bảo vệ, cán bộ phục vụ có bề dày kinh nghiệm, tính kỷ luật và trách nhiệm cao, được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ thường xuyên. Nhà trường đã kết hợp tốt với các cơ quan quản lý trên địa bàn, triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Về nâng cao chất lượng

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT luôn được trường ĐHDL và Khoa KT-TC dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đưa ra những thay đổi phù hợp cho phát triển CTDH. Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa, họp Bộ môn.

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTDH luôn được thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của trường ĐHDL, bám sát chuẩn đầu ra. CTDH được định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến thông qua đánh giá của các bên liên quan giúp CTDH luôn đáp ứng được nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng.

Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

Các quy chế về NCKH của Nhà trường là đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH cũng như thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, Nhà trường đã kịp thời có những sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa KT-TC, giữa Khoa KT-TC với các doanh nghiệp giúp tiếp nhận thông tin để cải tiến chất lượng đào tạo.

Về kết quả đầu ra

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và sinh viên thôi học được Khoa và Nhà trường theo dõi sát sao, được công bố công khai đến các bên liên quan (BGH nhà trường, Phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, giảng viên, CVHT, sinh viên,...). Nhà trường đưa ra tỷ lệ thôi học với hiệu quả đánh giá từng Khoa, phòng ban.

Nhà trường có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của sinh viên, Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo thống kê và Khoa KT&QL, Phòng CTSV phối hợp với cố vấn học tập hỗ trợ kịp thời cho SV, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho sinh viên, giúp SV đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác. SV tham gia tích cực trong NCKH, ý tưởng sáng tạo phù hợp với xu thế. Khoa chủ động trong công tác NCKH SV.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến. Sự kết hợp chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa KT-TC trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến của chương trình đào tạo

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khoa KT-TC chưa lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu, CDR của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp (như Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam VACPA, Hiệp hội Kế toán công chứng Anh quốc ACCA). Việc công bố CDR tới sinh viên chưa được công bố trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

Về Bản mô tả chương trình đào tạo

Việc cập nhật bản mô tả CTĐT được thực hiện định kỳ 2 năm và kế hoạch yêu cầu cập nhật của nhà trường cho nên đôi khi bản mô tả CTĐT chưa cập nhật kịp thời các thông tin mới theo thực tiễn đào tạo và giảng dạy. Nội dung đề cương học phần chưa được rà soát toàn diện mà chỉ thực hiện tại một số học phần mà bộ môn phụ trách (do một số giảng viên đề xuất). Khoa và Trường chưa đánh giá cách tiếp cận bản mô tả CTĐT về tần suất, hình thức tiếp cận với các bên liên quan.

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khoa KT-TC chưa thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH. Khoa KT-TC chưa đánh giá kết quả SV thi học phần. Khoa KT-TC chưa tham khảo rộng rãi các CTDH các quốc gia tiên tiến trên thế giới.

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục chưa phong phú, sinh động, hấp dẫn. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy còn hạn chế, chưa đa dạng. Khoa

KT-TC chưa có nhiều hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với SV.

Về đánh giá kết quả học tập của người học

Cấu trúc đề thi hiện tại còn sơ sài, chưa đánh giá được đầy đủ, toàn diện kết quả của người học theo đúng CĐR các học phần. Việc tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa thuận tiện, dễ dàng.

Nhà trường chưa thực hiện phân tích kết quả bài thi (phân tích phổ điểm) toàn diện của từng học phần giữa các khoá, các lớp học ngành kiểm toán với nhau để có sự so sánh kết quả học tập, từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong CTĐT và bộ ngân hàng đề thi. Nhà trường chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận kết quả đánh giá của người học. Một số sinh viên chưa thực sự tiếp cận và nắm rõ các quy định trong công tác khiếu nại về KQHT nên chưa thực hiện phúc khảo điểm kịp thời theo quy định.

Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tỷ lệ giảng viên trong khoa là có học hàm PGS, học vị tiến sỹ chưa cao. Một số giảng viên trong ngành Kiểm toán còn chưa tập trung nghiêm túc cho công việc nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn và hoàn thành khóa học nghiên cứu sinh. Nhà trường chưa thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo. Số lượng sinh viên/giảng viên còn cao hơn quy định của Bộ GD&ĐT. Tiêu chí kinh nghiệm thực tế kiểm toán; ngoại ngữ chưa được chú trọng trong tiêu chí tuyển dụng.

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của phiếu đánh giá giảng viên. Việc đánh giá GV chưa tổng hợp đầy đủ các ý kiến đánh giá của các bên liên quan.

Các GV chưa thực hiện đăng ký đầy đủ các nhu cầu đào tạo chuyên sâu ngành Kiểm toán, chưa chủ động trong quá trình cập nhật các khóa học. Chính sách NCKH mới áp dụng cho GV, NCV tiến sỹ, chưa được mở rộng cho GV, NCV có trình độ thạc sỹ. Nhà trường chưa có phân tích, đánh giá thống kê để có định hướng NCKH giảng viên những năm tiếp theo.

Về đội ngũ nhân viên

Đề án vị trí việc làm còn chưa cập nhật tác động của CMCN 4.0. Nhà trường chưa sử dụng hiệu quả kết quả phân tích khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.

Nhà trường chưa sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau. Nhà trường chưa thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm. Nhà trường chưa sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Công tác xây dựng đề án tuyển sinh phù hợp gặp nhiều khó khăn trong việc xác định chỉ tiêu và dự đoán số lượng tuyển sinh thực tế do sự thay đổi về chính sách tuyển sinh những năm gần đây. Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học chưa đa dạng.

Công tác của CVHT chưa thực sự sâu sát về theo dõi sự tiến bộ của người học trong việc rèn luyện và học tập. Phần mềm quản lý đang được xây dựng và hoàn thiện nên đôi khi còn có lỗi vận hành. Nhiều SV và GV chưa tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Chưa phát huy được hết các kết nối với các doanh nghiệp để thực hiện tốt hơn các hoạt động thực tập, hướng nghiệp.

Nhà trường đang trong quá trình xây dựng cơ sở 1, nên mặt bằng còn hạn chế, cảnh quan chưa hoàn chỉnh. Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa được trang bị đầy đủ, đang chờ nghiệm thu đối với một số phòng học của Nhà trường trên cơ sở 2.

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các phòng làm việc của khoa chuyên môn và phòng Seminar còn chưa đáp ứng nhu cầu. Tỷ trọng các tài liệu học tập được số hoá chưa cao. Số lượng máy tính chưa đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.

Trường đã áp dụng hệ thống CNTT hợp nhất toàn trường nhưng chưa ổn định, tuy nhiên nhiều nội dung trên phần mềm chưa được khai thác một cách hiệu quả và sử dụng hết chức năng.

Nhà trường chưa có 01 hệ thống quản lý học trực tuyến chuyên nghiệp, đặc biệt trong thời kỳ dịch bệnh Covid.

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

Về nâng cao chất lượng

Số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH còn chưa nhiều. Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học chưa có hướng dẫn chi tiết. Nhà trường chưa thực hiện phân tích phổ điểm toàn diện kết quả học tập các học phần trong CTDH.

Số lượng sinh viên kiểm toán tham gia NCKH, các đề tài NCKH chưa nhiều. Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động giảng dạy và học tập còn chưa thực sự phát huy được hết khả năng. Một số dịch vụ sinh viên chưa được khai thác hiệu quả (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường). Nhà trường chưa phân tích và xử lý thông tin hiệu quả từ phản hồi của các bên liên trong việc cải tiến CTĐT của ngành kiểm toán.

Về kết quả đầu ra

Hiện nay, Khoa KT-TC và phòng CTSV chưa phân tích chi tiết những lý do sinh viên kiểm toán thôi học. Số lượng NCKH của SV trong ngành Kiểm toán còn ít, chưa tương xứng với nội lực hiện tại. Nhà trường khai thác chưa hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chương trình đào tạo của ngành Kiểm toán

Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến toàn diện về đóng góp về mục tiêu, CDR của CTĐT của nhà tuyển dụng, tổ chức nghề nghiệp (như VACPA, ACCA).	Khoa KT-TC	Từ năm 2024

		Tập trung truyền thông để sinh viên năm thứ 1 dễ dàng tìm kiếm thông tin về CDR của CTĐT trên website, cung cấp đường link truy cập thông qua Fanpage, Group Facebook của Khoa.	Khoa KT-TC, phòng ban chức năng	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến đóng góp của sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng CTĐT thông qua các hình thức đa dạng: email, khảo sát, phỏng vấn trực tiếp.	Khoa KT-TC	Hàng năm
		CDR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, cựu sinh viên thông qua các hoạt động kết nối.	Khoa KT-TC	Hàng năm

Về Bản mô tả chương trình đào tạo

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động cập nhật các thông tin mới đến CTĐT thường xuyên.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Có kế hoạch rà soát đề cương chi tiết trước mỗi học kỳ giảng dạy	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Bổ sung câu hỏi về cách tiếp cận về bản mô tả CTĐT trong phiếu khảo sát các bên liên quan	Khoa KT-TC, Phòng KT&ĐBCL	Từ năm học 2024-2025

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Việc cập nhật đúng quy định và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo đóng góp của các bên liên quan.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Việc giao quản lý học phần và thực hiện nhóm giảng dạy theo học phần cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương học phần có được những cập nhật mới nhất.	Khoa KT-TC	Hàng năm
		CTĐT của ngành Kiểm toán được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.	Khoa KT-TC, Phòng Quản lý Đào tạo	Hàng năm

Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Thực hiện đánh giá kết quả SV thi học phần.	Khoa KT-TC	Từ năm học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
				2024-2025
		Tham khảo rộng rãi các CTDH các quốc gia tiên tiến trên thế giới trong các lần cập nhật CTĐT.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch; cấu trúc CTDH hợp lý. Các học phần đảm bảo tính tích hợp, cập nhật và linh hoạt với sự thay đổi của thị trường nghề nghiệp kiểm toán.	Khoa KT-TC	Hàng năm
		Sự gắn kết của học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học, đánh giá nhằm đạt được mục tiêu của CDR của CTĐT.	Khoa KT-TC	Hàng năm

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Các đơn vị trong Nhà trường tăng cường tuyên truyền về mục tiêu giáo dục cho CBGV, SV. Nhà trường cần thường xuyên cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường để GV, người học và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa mục tiêu giáo dục của Trường, của Ngành.	Các phòng ban chức năng	Từ năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Tăng cường tổ chức các buổi tập huấn cho GV về các phương pháp dạy học và học tập mới, cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học. Thêm vào đó, Khoa tăng cường tổ chức các hoạt động Jobtour giúp SV nâng cao hiểu biết thực tế về nghề nghiệp của mình	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Tăng cường hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với SV.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Lan toả mục tiêu giáo dục tới các giảng viên bộ môn, khoa, sinh viên và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.	Khoa KT-TC	Hàng năm
		Phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên SV kiểm toán của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.	Khoa KT-TC	Hàng năm
		Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.	Khoa KT-TC	Hàng năm

Về đánh giá kết quả học tập của người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục xây dựng, ban hành và hoàn thiện các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận và trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR	Phòng KT&ĐBCL	Từ năm học 2024-2025
		Rà soát, bổ sung, phân loại các câu hỏi trong ngân hàng đề thi để phù hợp với CĐR ngành Kiểm toán	Khoa KT-TC, Phòng KT&ĐBCL	Từ năm học 2024-2025
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ người học tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.	Phòng KT&ĐBCL cùng các phòng ban chức năng	Từ năm học 2024-2025
		Rà soát, đánh giá ngân hàng đề ngành kiểm toán thông qua phân tích kết quả thi từng học phần để có những điều chỉnh phù hợp CTĐT, bộ ngân hàng đề thi.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Tăng cường ứng dụng thông tin trong việc tiếp nhận kết quả đánh giá kịp thời.	Phòng KT & ĐBCL và TTCNTT	Từ năm học 2024-2025
		Tăng cường tuyên truyền phổ biến về quy trình đánh giá KQHT.	Phòng KT & ĐBCL cùng các đơn vị chức năng	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Có kế hoạch đánh giá, quy định về đánh giá KQHT của người học trong suốt quá trình học tập.	Khoa KT-TC, Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Các KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm
		Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành Kiểm toán giúp kiểm tra chính xác CDR (thực hành kế toán, thực hành kiểm toán) hay đánh giá trong thực hành thực tế	Khoa KT-TC	Hàng năm
		Có đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học.	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm
		Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho sinh viên.	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm

Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách khuyến khích các giảng viên nâng cao trình độ học hàm, học vị.	Phòng TCHC	Từ năm học 2024-2025
		Tăng cường tổ chức các buổi seminar chuyên đề, sinh hoạt bộ môn mang tính chuyên sâu nhằm đẩy mạnh tinh thần nghiên cứu khoa học theo nhóm và cá nhân, xây dựng các chính sách của Khoa nhằm khuyến khích các giảng viên tinh thần nghiên cứu khoa học và sáng tạo trong chuyên môn giảng dạy.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Thực hiện phân tích các báo cáo thống kê khối lượng công việc để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo.	Phòng TCHC, Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Xây dựng thêm nhiều biện pháp khuyến khích GV nâng cao chuyên môn, tham gia các khóa học online và offline để tăng chất lượng và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học.	Phòng TCHC, Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Có kế hoạch tuyển dụng nhân sự cho ngành Kiểm toán và một số giảng viên sẽ hoàn thành chương trình nghiên cứu sinh	Khoa KT&QL	Từ năm học 2024-2025
		Nâng cao tiêu chí tuyển dụng GV, NCV ngành Kiểm toán.	Phòng TCCB, Khoa KT&QL	Từ năm học 2024-2025
		Phổ biến tới sinh viên tầm quan trọng của phiếu đánh giá trong việc đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên. Nhà trường cần thay đổi phương thức thực hiện đánh giá giảng viên để thu nhận được nhiều ý kiến phản hồi hơn trong công tác đánh giá. Việc đánh giá cần được đánh giá toàn diện (bao gồm các bên liên quan) và có tỷ trọng phù hợp.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Có kế hoạch học tập chuyên sâu cho các GV Kiểm toán nâng cao trình độ.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích NCKH (cho các GV, NCV có trình độ thạc sĩ).	Phòng TCHC	Từ năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Thực hiện phân tích, đánh giá số liệu thống kê NCKH.	P.QLKH&H TQT và Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường đã xây dựng được một số chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch.	Phòng TCHC	Hàng năm
		Khối lượng công việc của từng giảng viên được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo).	Phòng TCHC, Khoa KT-TC	Hàng năm
		Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.	Phòng TCHC	Hàng năm
		Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.	Phòng TCHC	Hàng năm
		Các GV ngành Kiểm toán được lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân GV (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).	Phòng TCHC, Khoa KT-TC	Hàng năm
		Có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương giúp tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, NCKH	Phòng TCHC	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hàng năm khi kết thúc năm học. GV Bộ môn, khoa KT&QL tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.	Phòng QLKH&HT QT, Khoa KT-TC	Hàng năm

Về đội ngũ nhân viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật đề án vị trí việc làm theo yêu cầu của CMCN 4.0.	Phòng TCHC	Từ năm học 2024-2025
		Phân tích sâu kết quả khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.	Phòng KT&ĐBCL và phòng TCHC	Từ năm học 2024-2025
		Sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.	Phòng TCHC và các đơn vị	Từ năm học 2024-2025
		Thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.	Phòng TCHC và các đơn vị	Từ năm học 2024-2025
		Sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.	Phòng KT&ĐBCL và Phòng TCHC	Từ năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ SV tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của SV liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp SV có thành tích học tập tốt.	Các phòng ban chức năng trong trường	Hàng năm
		Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm.	Phòng TCHC	Hàng năm
		Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ công nghệ thông tin tốt.	Phòng TCHC và các đơn vị	Hàng năm
		Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.	Phòng TCHC và các đơn vị	Hàng năm
		Có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai.	Phòng TCHC	Hàng năm

Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh toàn diện, phân tích chi tiết để đảm bảo chất lượng công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển và sự thay đổi của xã hội nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0.	Phòng Quản lý Đào tạo	Từ năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Tham khảo ý kiến đầy đủ các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.	Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Sử dụng hiệu quả các dữ liệu thống kê cho việc phân tích kết quả và đưa ra các giải pháp để nâng cao tiến độ chất lượng của người học.	Phòng CTSV, phòng QLĐT và khoa KT-TC cùng các CVHT	Từ năm học 2024-2025
		Duy trì và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập và hỗ trợ khác, hoạt động ngoại khóa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, có được việc làm đúng ngành nghề khi tốt nghiệp ra trường.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong Nhà trường. Nhà trường hoàn thành tòa Nhà B1 và khẩn trương xây dựng khu Nhà C, E để tạo điều kiện thuận lợi cho người học về cơ sở vật chất. Nhà trường đặt thêm nhiều ghế đá, hoàn thiện vườn hoa cây cảnh tạo không gian, cảnh quan phù hợp trong trường đại học.	Phòng QT-DV cùng các đơn vị liên quan	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy	<i>Công tác tuyển sinh xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh</i>	Phòng QLĐT	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	điểm mạnh	<i>giá nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của ngành.</i>		
		<i>Có sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo, giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành Kiểm toán nói riêng.</i>	Phòng CTSV	Hàng năm
		Đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ SV trong ngành Kiểm toán tìm hiểu về việc làm trước khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập	Phòng CTSV, khoa KT-TC	Hàng năm
		Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào tình nguyện	ĐTN, Liên chi đoàn Khoa KT-TC	Hàng năm

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung, sắp xếp bố trí phòng làm việc của khoa KT&QL, các bộ môn và phòng hội thảo, Seminar.	Phòng QT-DV và các đơn vị liên quan	Từ năm học 2024-2025
		Lập kế hoạch phát triển nguồn tài liệu ngoài sinh và tài liệu số nội sinh để dần dần giải quyết	Thư viện	Từ năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		những tồn tại và bổ sung thêm các nguồn học liệu mới.		
		Tăng số lượng máy tính đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên.	Phòng QT-DV	Từ năm học 2024-2025
		Hoàn thiện hệ thống CNTT trong nhà trường và tiếp tục khai thác chức năng của phần mềm hợp nhất.	Phòng QT-DV, Trung tâm CNTT	Từ năm học 2024-2025
		Xây dựng 01 hệ thống quản lý học trực tuyến chuyên nghiệp để ứng phó với tình hình thực tiễn giảng dạy	Phòng QT-DV, Trung tâm CNTT	Từ năm học 2024-2025
		Khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.	Phòng QT-DV	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị cho cán bộ, GV và nhân viên.	Phòng QT-DV	Hàng năm
		Thư viện được nhà trường đầu tư nâng cấp phần mềm nghiệp vụ, cơ sở vật chất	Phòng QT-DV, Thư viện	Hàng năm
		Có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn.	Trung tâm TH-TN	Hàng năm
		Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục	Trung tâm TH-TN	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		vụ công tác quản lý.		
		Môi trường, an toàn, sức khỏe luôn triển khai đáp ứng được yêu cầu và tạo ra môi trường học tập, an toàn cho SV.	Phòng QT-DV và các đơn vị liên quan	Hàng năm

Về nâng cao chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng số lượng phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển CTDH.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Xây dựng các biểu mẫu và báo cáo chi tiết phân tích ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT của ngành Kiểm toán	Phòng KT&ĐBC L và Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập các học phần trong CTDH.	Phòng KT&ĐBC L, Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Tăng số lượng sinh viên kiểm toán tham gia NCKH, các đề tài NCKH.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Ứng dụng các kết quả NCKH trong thực tiễn cũng như hoạt động giảng dạy và học tập.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		Tăng cường phổ biến để sinh viên có thông tin khai thác hiệu quả các dịch vụ và tiện ích của Nhà trường (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường).	Khoa KT-TC và Thư viện	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa, họp bộ môn.	Phòng KT&ĐBC L, Khoa KT-TC	Hàng năm
		Duy trì định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến CTDH thông qua đánh giá của các bên liên quan.	Phòng KT&ĐBC L, Phòng ĐT, Khoa KT-TC	Định kỳ
		Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.	Phòng KT&ĐBC L, Khoa KT-TC	Hàng năm
		Các quy chế về NCKH của Nhà trường là đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH.	Phòng QLKH&H TQT	Hàng năm
		Duy trì phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập là cơ sở cho việc cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học.	Phòng KT&ĐBC L và các đơn vị	Hàng năm
		Duy trì cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa KT&QL, doanh nghiệp.	Phòng KT&ĐBC	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
			L, Khoa KT-TC	

Về kết quả đầu ra

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với gia đình những sinh viên thôi học để nắm bắt được thông tin tốt hơn về những sinh viên này, tìm hiểu nguyên nhân thực sự có phải từ phía Nhà trường hay từ phía người học.	Khoa KT-TC, Phòng CTSV	Từ năm học 2024-2025
		Thông kê và báo cáo về thời gian tốt nghiệp của sinh viên và đưa ra các đề xuất phù hợp giúp SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.	Phòng CTSV và Phòng QLĐT	Từ năm học 2024-2025
		Chú trọng phân tích kết quả để hỗ trợ việc làm cho sinh viên ngành Kiểm toán.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
		Có chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên.	Phòng QLKH&H TQT	Từ năm học 2024-2025
		Phân tích và khai thác hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.	Khoa KT-TC	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy	Gắn tỷ lệ thôi học với hiệu quả đánh giá từng Khoa, Phòng ban.	Phòng TCHC và	Hằng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	điểm mạnh		các đơn vị liên quan	
		Có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của sinh viên.	Phòng QLĐT, Phòng CTSV	Hằng năm
		Duy trì và giám sát tỷ lệ có việc làm trên 90% sau 01 năm của SV tốt nghiệp.	Phòng CTSV, Phòng KT&ĐBC L, Khoa KT-TC	Hằng năm
		Duy trì chủ động trong công tác NCKH SV.	Khoa KT-TC	Hằng năm
		Duy trì sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng KT&ĐBCL với khoa KT&QL trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.	Phòng KT&ĐBC L, Khoa KT-TC	Hằng năm

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo của ngành Kiểm toán

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Điện lực

Mã: DDL

Tên CTĐT: Kiểm toán

Mã CTĐT: 7340302

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5.00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5.00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4.33	3	100%
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4.40	5	100%
Tiêu chí 5.1				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4.00	7	100%
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4.00	5	100%
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 8								4.00	5	100%
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4.00	5	100%
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4.33	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4.60	5	100%
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4.34		100%

Hà Nội, ngày tháng.....năm 202

Q. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đinh Văn Châu

PHẦN IV. PHỤ LỤC
CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành: KIỂM TOÁN

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày tháng 12 năm 2024

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập): Trường Đại học Điện lực

- Tiếng Việt: Trường Đại học Điện lực
- Tiếng Anh: Electric Power University

2. Tên viết tắt của Trường (tiếng Việt và tiếng Anh):

- Tiếng Việt: ĐHĐL
- Tiếng Anh: EPU

3. Tên trước đây (nếu có):

- Từ 1962 đến 1966: Trường Trung Cao Cơ điện
- Từ 1966 đến 1997: Trường Trung học Kỹ thuật điện
- Từ 1997 đến 2000: Trường Trung học Điện I
- Từ 2000 đến 2006: Trường Cao đẳng Điện lực
- Từ 2006 đến nay: Trường Đại học Điện lực

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công thương

5. Địa chỉ trường:

- Cơ sở 1: 235 Hoàng Quốc Việt – Phường Cổ Nhuế I – Quận Bắc Từ Liêm – Tp. Hà Nội.
- Cơ sở 2: Tân Minh – Sóc Sơn – Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Số điện thoại: 04.22185607; Số fax: 04.38362065

Email: epu@epu.edu.vn

Trang thông tin điện tử: <http://www.epu.edu.vn>;

7. Năm thành lập trường (theo Quyết định thành lập): 2006 (Quyết định số 111/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo đại học khoá I: 2018

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cử nhân cho khoá thứ nhất: Năm 2022

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

11. Loại hình khác:

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo của ngành Kiểm toán

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Kế toán – Tài chính (KT-TC)
- Tiếng Anh: Faculty of Accounting and Finance

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo:

- Tiếng Việt: Khoa KT-TC
- Tiếng Anh: FAF

14. Tên trước đây (nếu có):

- Tiếng Việt: Khoa Kinh tế và Quản lý
- Tiếng Anh: Faculty of Economics & Management

15. Mã CTĐT: 7340302

16. Tên trước đây của chương trình đào tạo (nếu có): Không

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo:

Khoa Kế toán – Tài chính – Phòng M302 nhà M, Trường Đại học Điện lực, Số 235 Hoàng Quốc Việt, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

18. Số điện thoại liên hệ:

02422450198

E-mail: ktql@epu.edu.vn

Website: faf.epu.edu.vn

19. Năm thành lập

Khoa Kế toán – Tài chính (trước đây là Kinh tế và Quản lý): năm 2008

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa thứ nhất (D13) (của chương trình đào tạo Kiểm toán được KĐCL): Năm 2018.

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của chương trình đào tạo được KĐCL): Năm 2022.

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Khoa KT-TC

Khoa KT-TC được tách ra từ Khoa KT&QL (tiền thân là Khoa Quản trị Kinh

doanh) được thành lập ngày 08 tháng 08 năm 2024, là đơn vị trực thuộc Trường ĐHĐL với các nhiệm vụ ban đầu là thực hiện đào tạo, nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính – ngân hàng.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế của doanh nghiệp điện lực nói riêng, doanh nghiệp nói chung, các chương trình đào tạo thuộc Khoa KT-TC, Trường Đại học Điện lực đã được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến từ các trường đại học tại các nước phát triển. Kiến thức và kinh nghiệm thực tế của đội ngũ giảng viên sẽ giúp sinh viên có được những kiến thức chuyên môn cần thiết để phát triển nghề nghiệp của mình sau khi tốt nghiệp, cùng góp sức đưa Việt Nam lên một vị thế mới trên bản đồ thế giới.

Tại hệ đào tạo ở bậc đại học, khoa đã đảm trách đào tạo 03 ngành:

- Ngành Kế toán (với 02 chuyên ngành Kế toán DN, Kế toán và kiểm soát)
- Ngành Tài chính ngân hàng (với 02 chuyên ngành Tài chính DN và Ngân hàng)
- Ngành Kiểm toán (bắt đầu đào tạo từ năm học 2018 -2019).

Bậc Thạc sỹ, khoa đào tạo Tài chính và kiểm soát thuộc ngành Tài chính ngân hàng.

Hiện nay khoa đang đào tạo 2.000 sinh viên hệ đại học các khóa, D16, D17, D18 và D19. Với qui mô đào tạo trên, Khoa KT-TC là một khoa có sự phát triển mạnh của Trường Đại học Điện lực.

Đến nay, Khoa đã tổ chức đào tạo và tổ chức bế giảng thành công cho 13 khóa thuộc hệ đại học chính quy đầu tiên với hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp và đạt tỷ lệ khá giỏi trên 80%. Các sinh viên tốt nghiệp của khoa đã có công việc ổn định và cơ hội thăng tiến trong các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Tính đến 31/12/2024, tổng số cán bộ giảng viên của Khoa KT-TC là 30 (gồm 29 GV và 01 trợ lý khoa), trong đó có 03 PGS, 11 TS và 17 cán bộ giảng viên có trình độ thạc sỹ (trong đó 04 giảng viên đang thực hiện làm NCS).

Tính từ năm 2019 đến nay, Khoa đã có 1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp trường, 132 bài báo, 50 bài hội thảo trong nước và quốc tế. Các GV của Khoa biên soạn 01 giáo trình, 02 cuốn giáo trình tái bản. Các giảng viên trong khoa luôn nỗ lực hoàn thành

nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu để đáp ứng mục tiêu đào tạo và nghiên cứu của nhà trường. Khoa tham gia hội thảo quốc gia về kế toán và kiểm toán nhiều năm với vai trò đồng tổ chức và hội thảo quốc tế ICRMAT hàng năm.

Khoa KT-TC đã ký kết liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp trong nước để triển khai các hoạt động đào tạo, tạo nhiều hoạt động cho sinh viên. Các tổ chức nghề nghiệp quốc tế, các trường đại học quốc tế đã được ký kết biên bản ghi nhớ như Hiệp hội Kế toán công chứng Vương quốc Anh (ACCA -UK). Trong nước, mạng lưới liên kết của Khoa được phát triển đa dạng gồm: Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), Công ty cổ phần MISA, Viện đào tạo ngân hàng Vietnambankers, Công ty CP ACTAX, Ngân hàng PVCombank, Công ty kiểm toán UNISTARS. Đây là một tiền đề tốt để thúc đẩy sự phát triển Khoa KT-TC trong thời đại hội nhập quốc tế và kết nối doanh nghiệp, mở rộng mạng lưới nghiên cứu. Mạng lưới cựu sinh viên của Khoa KT-TC có nhiều hỗ trợ cho công tác đào tạo của sinh viên.

Giảng viên của khoa tham gia các hoạt động học thuật, tham vấn cho Chính phủ, Quốc hội, Bộ Tài chính, World Bank, Hiệp hội nghề nghiệp trong xây dựng các dự luật, thông tư, chuẩn mực chuyên môn và đạo đức, khung năng lực nghề nghiệp. Các tài liệu học tập, phổ biến kiến thức được thông tin và truyền tải cho SV và cộng đồng thêm những kiến thức về quản lý, kiểm soát, quản trị tài chính. Với sự nỗ lực không ngừng trong những năm qua, Khoa KT-TC (trước là Khoa KT&QL, Khoa QTKD) đã vinh dự được nhận nhiều bằng khen của Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

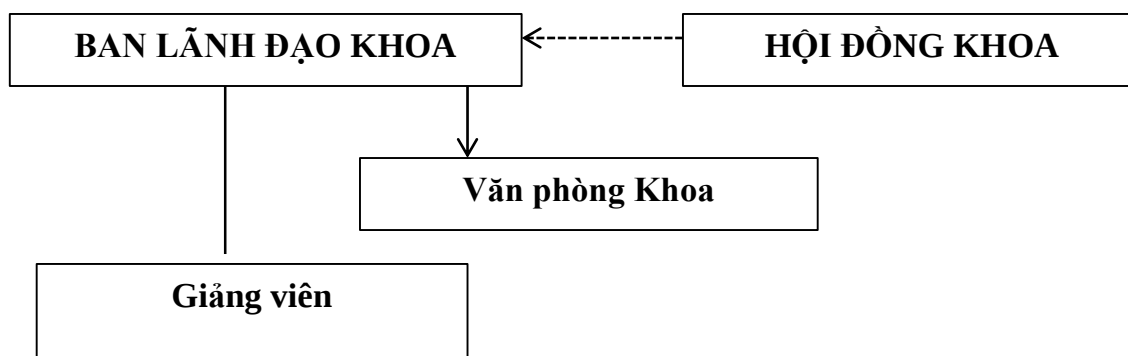
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục đại học và đơn vị thực hiện CTĐT

23.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của trường ĐHDL



Hình 1: Cơ cấu tổ chức hành chính trường Đại học Điện lực (www.epu.edu.vn)

23.2. Cơ cấu tổ chức Khoa KT-TC



Hình 2: Cơ cấu tổ chức Khoa KT-TC

24. Danh sách Ban lãnh đạo trường và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo Trường Đại học Điện lực						
1	Hội đồng trường	Vũ Đình Ngọc	1966	NGƯT, PGS.TS, Chủ tịch HĐT	0989771 666	ngovd@@epu.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Đinh Văn Châu	1975	PGS.TS, Hiệu trưởng	0914262 666	chaudv@epu.edu.vn
3	Ban Giám hiệu	Nguyễn Lê Cường	1976	PGS.TS, Phó Hiệu Trưởng	0913546 234	cuongnl@epu.edu.vn
4	Ban Giám hiệu	Dương Trung Kiên	1982	TS, Phó Hiệu Trưởng	0912661 982	kiendt@epu.edu.vn
Khoa Kế toán – Tài chính						
I	Lãnh đạo chủ chốt của Khoa					
1	Ban lãnh đạo Khoa	Nguyễn Tố Tâm	1978	PGS.TS, Trưởng khoa	0983532 127	tamnt@epu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Chi bộ	Nguyễn Tố Tâm	1978	PGS.TS, Bí thư CB	0983532 127	tamnt@epu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	Đoàn TN liên chi đoàn	Đặng Quốc Hương	1990	ThS, Bí thư LCD Khoa	0915256686	huongdq@epu.edu.vn
3	Công đoàn Khoa	Phạm Quốc Huân	1983	ThS, Chủ tịch CĐ Khoa	0915647116	huanpq@epu.edu.vn
4	Công đoàn Khoa	Lê Quỳnh Anh	1990	TS, Phó Chủ tịch CĐ Khoa	0904653363	anhlg@epu.edu.vn
III.	Văn phòng Khoa					
1	Văn phòng Khoa	Nguyễn Huyền Anh	1987	ThS, Thư ký GV khoa	0943007914	anhnh@epu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0 ngành

27. Số lượng ngành đào tạo thạc sĩ: 01 ngành

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03 ngành

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0 ngành

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Loại hình đào tạo	Thực hiện	Không thực hiện
Chính quy	☒	
Không chính quy	☒	
Từ xa		☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài		☒
Liên kết đào tạo trong nước		☒

32. Tổng số các ngành đào tạo: Đại học: 03; Cao học: 01

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của Khoa (tính đến 31/12/2024):

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	7	23	30
1.1	Cán bộ trong biên chế	5	19	24
1.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	2	4	6
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm)	0	0	0
	Tổng số	7	23	30

34. Thống kê, phân loại giảng viên kế toán – kiểm toán (tính đến 31/12/2024):

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó giáo sư	2	1	1	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	6	4	2	0	0	0
5	Thạc sĩ	10	10	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	18	15	3	0	0	0

Tổng số giảng viên cơ hữu: 18 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	2	1	1	0	0	0	6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	6	4	2	0	0	0	12
5	Thạc sĩ	1	10	10	0	0	0	0	10
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		18	15	3	0	0	0	28

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người) giảng dạy kế toán – kiểm toán

TT	Trình độ/học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Viện sĩ, GS	-		-	-	-				-
2	Phó Giáo sư	2	7%	0	2	-		1		1
3	Tiến sĩ KH	-		-	-	-				-
4	Tiến sĩ	6	22%	2	4	-	2	2	-	2
5	Thạc sĩ	10	70%	3	7	-	6	4	-	-
6	Đại học	-			-					-
	Tổng	18	100%	5	13	-	8	7	-	3

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu của bộ môn TCKT: 43,9 tuổi.

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu giảng dạy kế toán – kiểm toán: 44,4% (8/18).

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của bộ môn TCKT: 55,6 %.

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	70%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
Tổng		100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số TS đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm 30	Điểm trung bình sinh viên được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2020-2021 (D15)	60	83		83	15		0
2021-2022 (D16)	60	72		72	19,5		0
2022-2023 (D17)	60	82		82	23		0
2023-2024 (D18)	60	72		72	22,5		0
2024-2025 (D19)	100	92		92	21,5		0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	58	146	216	304	313
Trong đó:					
Hệ chính quy	58	146	216	304	313
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN:	0	0	0	0	0
6. Khác	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: Không có

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	13.851	13.851	13.851	13.851	13.851
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	0	0	0	0	0
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	0	0	0	0	0

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Số lượng (người)	0	47	17	82	19
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0%	32 %	8%	27 %	6 %

(SV làm khoá luận tốt nghiệp và tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường, khoa)

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Số lượng (người)	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0

	Năm tốt nghiệp				
Số lượng (người)	2020	2021	2022	2023	2024
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	0	22	12	65
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	22	12	65
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
6. Khác:	0	0	0	0	0

(Năm 2020, 2021, ngành Kiểm toán chưa có SV tốt nghiệp)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT theo từng khóa:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	0	36	12	70
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0%	0%	84%	86%	85%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0,0%	0,0%	84,0%	84,0%	Chưa có dữ liệu
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0,0%	0,0%	11,0%	11,0%	Chưa có dữ liệu
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0,0%	0,0%	5,0%	5,0%	Chưa có dữ liệu

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:						
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 5						
B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:						
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					Chưa khảo sát	
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.			68%	78%		
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.			0%	0%		
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).			32%	22%		
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.			10 triệu/tháng	10 triệu/tháng		
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:						
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống kết thúc bảng này.						
B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:						
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).			Chưa thực hiện khảo sát			
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).						
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).						

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây (2020-2024):

TT	Phân loại đề tài	Hệ số (**)	Số lượng					
			Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)
1	Đề tài cấp NN	2	0	0	0		0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1	1	0	0		0	2
3	Đề tài cấp trường	0.5	1	0	5		0	6
	Tổng	3	2	0	5		0	8

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 8

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,44

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	Năm 2019-2020	250		
2	Năm 2020-2021	0		
3	Năm 2021-2022	0		
4	Năm 2022-2023	0		-
5	Năm 2023-2024	0		-

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây (2020-2024):

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	10	6	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	10	6	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	2	0	0	0	1	4,5
3	Sách tham khảo	1	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		2	0	0	0	1	4,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 4,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,25.

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	9	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách				

Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	0	9	0	9

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây (2020-2024):

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	4	3	2	3	21
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1	14	23	26	20	35	118
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		16	27	29	22	38	139

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 139

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7,7

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	15	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	3	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	18	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Hội thảo quốc tế	1	0	0	2	1	6	9
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	4	4	4
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	2	5	10	13

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 13

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,72.

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	10	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	5	10	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Không

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

	Số lượng người học tham gia	
--	------------------------------------	--

Số lượng đề tài	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	Ghi chú
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	19	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	5	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	6	3	0	3
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	2

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 99.128 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (phòng làm việc) (tính bằng m²): 60 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 3.782 m²; Nơi học: 25.390 m²; Nơi vui chơi giải trí: 1.985 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 14.629 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 8,35 m²/người

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 274

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 10

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 01
 - Dùng cho người học học tập: 218 (sử dụng chung hệ thống máy tính của nhà trường)
- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,14.

VIII . Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 29 (Khoa KT-TC), Giảng viên Kế toán - Kiểm toán (18).
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): Khoa KT-TC ($12/29 = 41,4\%$), Giảng viên Kế toán - Kiểm toán ($6/18 = 33,3\%$).
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): Khoa KT-TC ($17/29 = 58,6\%$), Giảng viên Kế toán - Kiểm toán ($12/18 = 66,7\%$).

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy tính đến 31/12/2024 (người): 313
- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên ngành Kiểm toán quy đổi: $313/18 = 17,3$
- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào năm học 2023-2024 (%): 85%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 84%
- Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 11%
- Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:
- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 78 %
- Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 22%

- Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 10 triệu đồng/tháng.

4. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: Chưa có số liệu khảo sát.

5. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,44.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,25

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7,7.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,72.

6. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,04 bộ/sinh viên

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,88 m²/sinh viên

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,43 m²/sinh viên

PHỤ LỤC 01

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

PHỤ LỤC 02

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KIỂM TOÁN**